

**Đức Kiên
(Phạm Quốc Trung)**

**Những mẩu chuyện
Phật giáo
dành cho thiếu nhi**



Tp. Hồ Chí Minh, Tháng 1/2015

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	2
LỜI MỞ ĐẦU.....	5
PHẦN A – CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT	6
1. LÒNG TỪ BI ĐỐI VỚI CHÚNG SANH	6
2. BẢO VỆ CUỘC SỐNG MUÔN LOÀI ...	8
3. NGÀY GẶP PHỤ VƯƠNG	11
4. LA HẦU LA XUẤT GIA.....	15
5. ĐỨC PHẬT VỚI NGƯỜI NGHÈO KHỔ.....	19
6. TIẾNG ĐÀN VI DIỆU	21
7. NÊN KÍNH TRỌNG NGƯỜI GIÀ CẢ ĐỨC HẠNH	25
8. CỬA TUY ĐẤT CÁT LÒNG CON KÍNH THÀNH.....	27
9. BÁT CƠM CÚNG DƯỜNG	33
10. HÁI HOA CÚNG PHẬT	38
11. NGƯỜI GIEO MẠ.....	40
12. ĐỨC PHẬT VỚI CON VOI DỮ	43
13. GIÚP ĐỠ LÃN NHAU	47
14. KẾT BẠN TỐT	48
15. TÂM HỒN TRONG SẠCH	50
16. TRÁNH DÙNG NHỮNG TỪ THÔ LỖ TRONG LỜI NÓI	51
17. BAO THAI CHẤP TAY	53

18. CÂY ĐÈN KỶ LẠ.....	58
PHẦN B – LỜI ĐỨC PHẬT DẠY CON TRAI LA HẦU LA.....	66
19. KHÔNG NÓI DỐI.....	66
20. PHÂN BIỆT ĐÚNG SAI	74
21. ĐỨC NHẪN NHỤC	77
22. THIỀN ĐỊNH	82
23. TUỆ GIÁC.....	86
PHẦN C – TIỀN THÂN ĐỨC PHẬT	89
24. NAI CỨU NGƯỜI.....	89
25. VƯỜN NAI	102
26. CHIẾC CẦU MUÔN THUỞ.....	110
27. CON KHỈ NHÂN TỬ	117
28. LÒNG KIÊN NHẪN	119
29. OANH VŨ CỨU ĐÀN.....	122
30. CON SƯ TỬ TRỌNG PHÁP	124
31. LÒNG HIẾU CỦA CHIM OANH VŨ ..	128
32. CỨU NGƯỜI BỊ GIẶC CƯỚP.....	130
33. CHẾT VÌ KHÔNG CHỊU VÂNG LỜI	132
PHẦN D – TRUYỆN LOÀI VẬT – SỰ TÍCH – NGỤ NGÔN.....	134
34. CÒ VÀ CUA.....	134
35. CHIM GỖ KIẾN TỐT BỤNG	143
36. VOI TRUNG NGHĨA	149
37. CON TRÂU	161
38. NHỮNG CON NGỰA DỮ.....	169

39. HOA VƯƠNG	172
40. CÔNG VIÊN NAI HOANG	175
41. MỘT CÂU ĐÁNG GIÁ NGHÌN VÀNG	176
42. PHƯỚC BÁO CỦA SỰ BẢO VỆ SANH LINH	178
43. GIAO DU CẦN CHỌN BẠN	181
44. PHẬT XỬ KIỆN	184
45. HỌA TÙNG KHẨU XUẤT	188
46. VÒNG CHÂU CAI TÓC	194
47. SỰ TÍCH CÂY HUYẾT DỤ	200
48. SỰ TÍCH CÂY NÊU NGÀY TẾT	203
TÀI LIỆU THAM KHẢO	209



LỜI MỞ ĐẦU

Giáo dục con trẻ nên người là một trong những mục tiêu lớn lao của các bậc làm cha, làm mẹ. Tuy nhiên, việc dạy trẻ là một nhiệm vụ khó khăn, bởi cần phải có phương pháp phù hợp, nội dung phù hợp với khả năng tiếp thu của trẻ.

Một trong những phương pháp được các nhà giáo dục khuyến khích đó là sử dụng các câu chuyện có chọn lọc để chuyển tải các bài học về đạo đức. Từ đó, xây dựng cho trẻ sự tự hiểu biết và vun bồi những hạt giống thiện trong tâm hồn trẻ em.

Nhận thấy, kho tàng truyện cổ tích Phật giáo là một nguồn phong phú, có nhiều mẫu chuyện phù hợp để đọc cho trẻ nghe trước khi đi ngủ. Tuy nhiên, khi tìm kiếm các sách truyện Phật giáo hiện tại, số lượng sách chỉ dành cho thiếu nhi là rất ít. Đó chính là động cơ để tác giả thực hiện quyển sách này, là sưu tầm lại các mẫu chuyện Phật giáo đó đây, với tiêu chí là ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với suy nghĩ và tâm lý thiếu nhi.

Nội dung của quyển sách này là tập hợp các mẫu chuyện về cuộc đời và tiền thân Đức Phật, các lời dạy của Phật dành cho con trai La Hầu La và các đệ tử. Ngoài ra, còn có các mẫu chuyện ngụ ngôn, cổ tích về loài vật phù hợp với trẻ em.

Hy vọng, quyển sách sẽ là công cụ hữu ích đối với các bậc phụ huynh trong việc dạy con, là phương tiện để ươm mầm trí tuệ và yêu thương trong tâm hồn con trẻ. Mong rằng, nhờ quyển sách này những đóa hoa tình thương và hiểu biết sẽ nở rộ trong tương lai. Đó chính là mong mỏi của tác giả và các bậc phụ huynh. Rất mong nhận được các phản hồi, góp ý để bổ khuyết cho những lần in sau.

Sài Gòn, 1/2015

PHẦN A – CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT

LÒNG TỪ BI ĐỐI VỚI CHÚNG SANH

Năm đó, Thái tử Tất Đạt Đa vừa lên bảy, nhân một buổi lễ Hạ Điền, Đức vua Tịnh Phạn cùng tất cả triều thần và Thái tử đều ra đồng làm lễ theo đúng phong tục của quốc gia. Đó là ngày khởi đầu mùa gieo cấy lúa của dân chúng trong cả nước do Đức vua thân hành cầu nguyện và đặt hạt giống đầu tiên xuống ruộng.

Thái tử đứng cạnh đấy, chăm chú nhìn người nông dân kéo cày. Một bức tranh sinh động đang diễn ra trước mắt Thái tử : Người nông dân lực lưỡng kéo mạnh những đường cày sâu vào lòng đất, mồ hôi anh ta nhỏ xuống trên những luống đất tươi, xấp vừa được cày lên, kéo theo vô số các loại côn trùng đang oằn oại đau đớn, trong phút chốc chúng làm miếng mồi ngon cho lũ chim xâu xé, tranh giành. Thế rồi lũ chim vừa bay đi một quãng, lại bị mũi tên của người thợ săn đang đứng núp trong lùm cây cạnh đấy nhắm bắn, chúng kêu lên hãi

hùng, hốt hoảng trước khi rơi xuống đất giãy chết, rồi đột nhiên người thợ săn thét lên đau đớn bởi vừa bị một con rắn độc cắn phải khi vô tình dẫm lên chúng...

Trước mắt Thái tử diễn ra cảnh luân hồi sinh tử muôn thuở của chúng sinh, cảnh tranh sống của loài này với loài khác, cảnh mạnh được yếu thua của muôn loài... Sự sống của loài này được nuôi dưỡng bằng cái chết của loài kia, cứ thế tiếp diễn mãi hay sao ? Thái tử khẽ nhíu mày, trên vàng trán trong sáng, thông minh của cậu bé lên bảy thoáng gợn một nếp nhăn suy tư...

Thái tử bước đến dưới gốc cây ngồi xếp bằng, tâm trí đắm chìm trong dòng suy tưởng vừa chợt đến như từ tiền kiếp trở dậy. Không biết là bao lâu nhưng khi Thái tử mở mắt ra thì chung quanh Thái tử mọi người đang vây quanh chiêm ngưỡng và chờ đợi... Thái tử đọc được sự lo âu trong ánh mắt của Phụ vương, Ngài nở nụ cười thật tươi để trấn an Vương phụ rồi cùng đoàn xe giá trở lại Hoàng cung...

BẢO VỆ CUỘC SỐNG MUÔN LOÀI

Một sáng tiết xuân ấm áp, Thái tử thơ thẩn dạo chơi trước sân rồng, ngắm nhìn bầu trời trong xanh cao vợi vợi, Thái tử cảm thấy như còn một điều gì đó mình chưa hoàn thành, Thái tử hình dung ra bóng dáng người mẹ khả kính mà Ngài chưa một lần gặp mặt. Hoàng Hậu, mẹ của Thái tử hiện giờ ở đâu ? Làm sao để gặp được Người ? Không biết bao nhiêu lần Thái tử đứng trước ảnh mẹ hiền cầu nguyện để được gặp mẹ trong mơ, để nói với người nỗi niềm biết ơn của người con hiếu thảo.

Bỗng nhiên một chú chim Phượng Hoàng từ đâu bay vụt đến rồi sa xuống trước cung điện của Thái tử, thì ra chim Phượng đã bị trúng một mũi tên của ai đó xuyên qua cánh, những giọt máu hồng rơi rớt trên thảm cỏ... Thái tử nâng chim lên, gỡ mũi tên ra mà cảm thấy đau xót như chính mình bị trúng tên. Người mang chim Phượng vào đích thân lấy thuốc rịt vết thương cho chim và đặt nó nằm vào chiếc lồng

son êm ả, rồi nói với nó như với một chúng sinh hiểu được tiếng người :

- Nằm yên nhé, chú Phượng hoàng bé bỏng. Tại sao người bay đến chốn này làm chi cho con người có dịp sát hại người ? Thôi, hãy ở lại đây ít hôm cho vết thương lành hẳn rồi ta sẽ thả người trở lại rừng xanh xum họp với bạn bè đồng loại của người... Bên ngoài, có tiếng ai đấy đang yêu cầu Thái tử trả lại chim Phượng của họ đã bắn hạ được. Thì ra chim Phượng do chính vị Vương tử ấy bắn trúng. Thái tử ôn tồn bảo với vị Vương tử :

- Chim Phượng của Ngài là chim Phượng đã chết do trúng tên của Ngài bắn hạ, còn chim Phượng đang nằm trong lồng son kia hãy còn sống, vậy thì nó phải thuộc quyền của người nào đã cứu mạng nó chứ.

- Thế là Thái tử nhất định không trả lại chim Phượng cho vị Vương tử kia. Sự việc nhỏ nhoi ấy cũng được đem ra xử trước mặt Đức vua vì không ai chịu nhường ai. Cả Hoàng gia đều đồng ý với lý luận của Thái tử và cho rằng chỉ

có người đem lại sự sống cho chim Phượng mới được quyền giữ nó mà thôi. Một tuần sau, cánh chim lành lặn, chú chim Phượng Hoàng quyến luyến không muốn trở lại rừng xanh tuy Thái tử luôn rộng mở cửa lòng để cho nó bay về tổ ấm. Thái tử phải mang chim ra tận bìa rừng và âu yếm nói với nó:

- Hỡi chim Phượng, nay người đã bình phục như xưa, tại sao người còn quyến luyến chi cảnh lồng son không có tự do ? Nếu không có ta thì làm sao người còn dịp trở về xum họp với đồng loại của người nữa ? Hãy trở về chốn rừng xanh, non cao là nơi người được tự do bay lượn giữa mây ngàn, gió núi, đùa luyện tiếc chi chốn thị thành đầy cạm bẫy của con người này. Thôi, người hãy đi đi...

- Thái tử đặt chim Phượng lên một cành cây cao. Nó vụt bay lên rồi vòng xuống mấy lần như không muốn rời Thái tử, như tỏ ý từ biệt Ngài trước khi tung cánh vút lên trời xanh rồi mất hút sau dãy núi xa xa...

NGÀY GẶP PHỤ VƯƠNG

Sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thành đạo, Ngài thuyết pháp ở vườn Lộc Uyển xong, lần lần đi truyền giáo các nơi, rồi thuận đường hành hóa Đức Phật đến nước Ca Tỳ La Vệ.

Được tin trước, vua Tịnh Phạn cảm mừng vô hạn, rồi tất cả Hoàng gia cũng như toàn dân Ấn Độ đều sửa soạn rước Phật trong niềm hân hoan đặc biệt.

Từ khi vượt thành xuất gia, cho đến ngày thành đạo, thấm thoát hơn hai mươi năm, hôm nay Ngài trở về, với một tấm cà sa, một bình bát đất, Đức Phật khoan thai để chân lên đất nước thân yêu. Đức độ từ bi của Phật cảm thông cả ngọn cỏ ngàn cây, nên Ngài đặt chân đến đâu thì hoa lá tươi thêm cây cối xanh tốt. Còn từng rừng người, từng loạt sóng người đã nức lên vì cảm động trong lúc người đi ngang qua.

Thế là chiều hôm đó, vua Tịnh Phạn thỉnh Phật thuyết pháp tại Hoàng cung. Ngài ngự trên

pháp tọa cao, dung nghi đĩnh đạc, hào quang của Phật chiếu tỏa một màu sáng diệu.

Khi ấy vua Tịnh Phạn liền đứng dậy đến trước Phật đảnh lễ rồi bạch:

- Kính cẩn bạch đấng Vô Thượng Sư! Tôi nay già cả xin Ngài chỉ cho một phương pháp tu hành để được giải thoát các khổ lão, bệnh, tử.

Đức Phật bùi ngùi khi thấy Phụ Hoàng đầu bạc da nhăn, chân bước run run. Than ôi, tất cả khí tượng hiên ngang của vị Đế vương oanh liệt lúc thiếu thời, nay còn đâu nữa. Thế Tôn thương xót, Ngài đứng dậy đỡ Phụ hoàng ngồi xuống và ôn tồn bảo:

- Kính tâu Phụ hoàng, từ khi Tất Đạt Đa xuất gia cho tới ngày thành đạo, trên đường truyền giáo Pháp đệ A Nan thường bị ngoại đạo phỉ báng: “Thầy ngươi bất hiếu, bạc tình, chúng ta không phục”.

- Kính tâu Phụ hoàng, ngoại đạo vô tri chỉ thấy cái hiếu tâm thường cạn cợt, không biết Như Lai quyết đi tìm một món quà vô giá để dâng Phụ hoàng và ban khắp chúng sanh, mà Da

Du cũng có một phần trong đó. Món quà vô giá chính là câu Phụ hoàng hỏi đấy.

- Kính tâu Phụ hoàng! Tất cả các pháp đều vô thường, công danh như bọt, tình ái như mây, tuổi trẻ qua mau như làn điện chớp, thế mà chúng sanh chỉ bám víu theo các pháp vô thường, mà quên cái thường còn của mình là “Phật tánh”. Tâu Phụ hoàng, chúng sanh đều có Phật tánh, nên ai cũng có thể phát triển khả năng thành Phật cả. Nhưng những phương pháp để phát triển khả năng thành Phật có nhiều lối, song chỉ có Pháp môn niệm Phật là thuận tiện và dễ dàng hơn hết. Như Lai khi thành Chánh giác đã dùng Phật nhãn xem khắp thế giới trong mười phương, thì chỉ có thế giới “Cực Lạc” là an vui hơn cả. Đấng Chánh biến tri ở nước Cực Lạc hiệu là A Di Đà từ kiếp xa xưa, trong lúc tu nhân Ngài đã phát 48 lời nguyện, trong ấy có lời nguyện: “Nếu chúng sanh trong tất cả mười phương, người nào phát tâm tin tưởng, phát chí tâm niệm danh hiệu ta, người ấy khi lâm chung chắc

chấn được vãng sanh, nếu không như nguyện ta thề không thành Chánh giác”.

Tâu Phụ hoàng! “Cực Lạc” là một thế giới an vui, chúng sanh về bên ấy chẳng những không còn bị khổ: già, bệnh, chết, oán tắng hội, ái biệt ly, cầu bất đắc... mà cũng không bao giờ thấy khổ, nghe khổ. Cõi nước thanh tịnh đầy đủ trợ duyên để chúng sanh tu hành chóng được thành tựu đạo quả.

Kính tâu Phụ hoàng! Thập phương Như Lai tu hạnh thành Phật, nói lời đúng đắn lợi ích chúng sanh. Vậy Phụ hoàng và tất cả Thích chủng nên tin tưởng, thật hành Pháp môn niệm Phật, thì chắc chắn sẽ được thoát các khổ: sanh, lão, bệnh, tử...

Khi vua Tịnh Phạn, Di mẫu và Da Du Đà La cùng tất cả Thích chủng được nghe pháp âm của Phật đều phát tín tâm mạnh mẽ, liền chứng “Vô sanh pháp nhẫn”.

LA HẦU LA XUẤT GIA

Lúc Đức Phật còn tại thế, một hôm Phật bảo Ngài Mục Kiền Liên rằng: “Ông hãy về thành Ca Tỳ La Vệ kính thăm Phụ vương, Thúc Phụ và bà Di mẫu của ta, ủy dụ mẹ của La Hầu La hãy cắt tình ân ái cho La Hầu La xuất gia làm Sa di. Tình ân ái giữa mẹ con thương nhau chỉ trong giây lát, chết rồi bị đọa vào địa ngục, không bao giờ được biết nhau. Nếu La Hầu La xuất gia chứng đạo, thời sẽ trở lại độ cho mẹ, trọn đời ra khỏi luân hồi sanh tử như ta ngày nay vậy”.

Ngài Mục Kiền Liên liền đến thành Ca Tỳ La Vệ trình bày ý định của đức Phật, bà Gia Du Đà La nghe tin có sứ giả của Đức Phật đến tìm bắt La Hầu La, liền đem con lên trên một lầu cao và đóng bít tất cả ngõ vào. Ngài Mục Kiền Liên liền dùng thần thông vào tiếp kiến, bà Gia Du Đà La bắt đắc dĩ phải làm lễ kính thăm Đức Thế Tôn và hỏi sứ mệnh của Ngài đến đây có việc gì. Ngài Mục Kiền Liên nói rằng: “Thái tử La Hầu La nay đã chín tuổi nên cho xuất gia tu

học Thánh đạo để tự giải thoát và giải thoát cho mọi người. Chính bản ý của Đức Phật là như vậy”.

Bà Da Du Đà La đáp: “Đức Thích Ca Như Lai khi còn làm Thái tử cưới hỏi tôi làm vợ, tôi phụng thờ Thái tử như phụng thờ một vị thiên thần. Chưa được ba năm, Thái tử vượt thành xuất gia tu đạo, lòng tôi đau khổ biết bao, tự nghĩ sau khi Thái tử thành Đạo, chắc có thể cùng nhau tương kiến. Nhưng từ khi Đức Phật thành đạo, hoàn toàn quên hết tình nghĩa cũ đối với những người thân cận, lạt lẽo hơn người dưng nước lã, khiến tôi phải sống cô độc khổ cùng. Ngày nay Ngài lại muốn chiếm đoạt con tôi, thời còn gì tàn khốc hơn nữa. Thái tử thành đạo tự nói là từ bi nhưng nay Thái tử làm cách biệt mẹ con tôi, thời từ bi của Ngài ở chỗ nào? Mong Ngài hãy trở về bạch lên Đức Thế Tôn, nỗi lòng của tôi cho Ngài rõ.”

Đức Mục Kiền Liên liền từ tạ, đến kể lại câu chuyện cho vua Tịnh Phạn hay. Vua liền bảo bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề đến khuyên nhủ nàng Da Du Đà La, bà đến khuyên ba lần, nàng nhất

quyết không nghe và thưa rằng: “Ngày tôi còn ở nhà, vua của tám nước tranh nhau đến cầu tôi, cha mẹ tôi đều từ chối, để dành riêng tôi cho Thái tử là bậc xuất chúng hơn người. Nếu Thái tử không muốn ở đời, thời ân cần cầu tôi làm gì? Phàm ở đời, lập gia đình thành vợ thành chồng, đều mong có con cháu nối giòng, đó chính là chánh lẽ ở đời. Thái tử đã đành tâm đi rồi, nay lại đòi đem La Hầu La đi, cho tuyệt hẳn giòng dõi truyền thống thời còn có nghĩa lý gì nữa”.

Bà Ma Ha Ba Xà Ba Đề liền im lặng không biết nói gì. Đức Phật hiểu được tâm trạng câu chấp và buồn khổ của nàng Da Du Đà La, liền dùng vị hóa nhơn đến nói rằng: “Nàng còn nhớ thệ nguyện của nàng không? Thời ta còn làm vị Bồ Tát lấy 500 đồng tiền bạc mua 5 bông sen của nàng để dâng cúng Đức Phật Định Quang, nàng còn gởi hai bông sen nhờ ta dâng cúng Đức Phật, và cầu xin đời đời kiếp kiếp làm vợ của ta. Ta có nói với nàng: Ta là vị Bồ Tát, có nguyện bố thí tất cả, nếu nàng muốn làm vợ ta, thời nếu ta có bố thí cả quốc thành thê tử

cho đến tận thân, nàng phải hoan hỷ. Nàng đã thỏa thuận cùng ta rồi, sao nay nàng lại thương tiếc La Hầu La không muốn rời bỏ”.

Nàng Da Du Đà La nghe nói liền biết sự lỗi lầm của mình, làm lễ sám hối với Ngài Mục Kiền Liên, ân cần giao phó cho Ngài, và khóc lóc từ biệt con. La Hầu La biết mẹ sầu muộn liền khuyên giải mẹ và từ tạ mẹ mà đi.



ĐỨC PHẬT VỚI NGƯỜI NGHÈO KHỔ

Một hôm Phật ứng thỉnh ông Cấp Cô Độc, đến Tịnh xá ông lập an cư 3 tháng. Phật thuyết pháp giáo hóa nhân dân thành Xá Vệ vô số, ai cũng cảm mến Ngài và được ánh đạo soi sáng đời sống. Nên sau 3 tháng an cư, khi Ngài ra đi, từ quan quân cho đến dân chúng ai cũng khóc thỉnh Đức Phật ở lại ít nhất là một tuần nữa. Nhưng Ngài không hứa nhận, bấy giờ trong nhà ông Cấp cô Độc có người tớ gái tên là Phước Lê, nàng rất nghèo khổ nhưng giàu lòng hướng thượng: Nghe Phật ra đi, nàng cũng như mọi người, lòng buồn tủi vô hạn, nhưng nàng nghĩ Đức Phật không phân biệt nghèo khổ như ai, nên đánh bạo đến trước Phật đánh lễ và thỉnh Phật ở lại. Phật liền nhận lời và ôn tồn bảo mọi người:

- Lòng ta không phân biệt, song chỉ muốn làm cho mọi người nghèo khổ mà nàng Phước Lê là một người được tắm gội ánh đạo từ bi. Ta nhận lời để mọi người thấy rằng người nghèo

khổ không phải đáng khinh. Trí giác chỉ có ở nơi họ cũng như lửa chỉ có ở nơi cây khô.

Được Phật nhận lời và nghe Ngài dạy như vậy, mọi người đổi cái nhìn khinh thị ra cái nhìn biết ơn, nhìn nàng Phước Lê và nói với nhau:

- Người nghèo khổ nhất lại có thể gần đáng Trí Giác nhất.



TIẾNG ĐÀN VI DIỆU

Trong một đêm trăng sáng, trời trong xanh hiền lành như một tâm hồn giải thoát. Trong Kỳ Hoàn tịnh xá, Đức Phật trang nghiêm ngồi trên Bửu tọa, hào quang ngũ sắc tỏa khắp quang Ngài ánh sáng chói ngời làm tăng thêm vẻ uy nghi của một đấng Thế Tôn.

Đêm càng về khuya, khí trời càng thêm mát dịu, gió nhẹ mơn man đem muôn vàn hương lạ từ Hy Mã Lạp Sơn về luôn qua kẽ lá của rừng cây, len vào trong Tịnh xá, hòa hợp tạo nên một hương vị đậm đà mùi đạo vị.

Giữa sự vắng lặng của đêm khuya, các vị Tỳ kheo đều ngồi quanh trong Tịnh xá, trầm tư mặc tưởng, cố công tu luyện tìm rõ cội gốc nghiệp chướng của con người, để diệt trừ mọi dây oan nghiệt hầu trở nên con người lành mạnh hữu ích cho thế nhân. Với tâm niệm bao la, với tâm hồn phóng khoáng, các vị Tỳ kheo tùy theo căn cơ tùy theo sở thích của mình, đều một lòng tinh tấn tu tập theo phương pháp của mình lựa chọn không ngừng.

Nhưng trong đêm nay một trong hàng ngàn vị Tỳ kheo đương tu tập có một vị mới được thọ giới Tỳ kheo vì chí bồng bột muốn mình sớm đắc đạo liền, đã tụng kinh Di giáo của Đức Phật Ca Diếp suốt đêm, cầu nguyện Ngài gia hộ để mau chứng Thánh quả. Nhưng đêm càng về khuya, thân thể của vị Tỳ kheo ấy càng thêm mệt mỏi, mà nhìn lại bản thân và nội tâm của mình vẫn chưa giác ngộ được điều gì. Vì thế, sau một hồi suy nghĩ chưa thấu đáo, vị Tỳ kheo ấy sinh tâm buồn chán, có ý định muốn thôi lui trốn tất cả bạn đồng tu để về sống lại cuộc đời trần tục.

Ý định của vị Tỳ kheo kia vừa khởi Đức Phật biết được. Ngài cho vị Tỳ kheo thị giả gọi ngay vị tỳ kheo sắp thoái chí kia đến. Thoáng qua nét mặt ưu tư, với lòng Từ bi cao cả Đức Phật liền dịu dàng hỏi:

- Khi còn ở thế gian, con thích chơi thứ gì?
- Bạch Đức Thế Tôn, con thích chơi đàn cầm.
- Dây chùng thì thế nào?
- Bạch Ngài đàn không ra tiếng.
- Dây căng quá thì sao?

- Bạch Thế Tôn, mọi tiếng đều bứt.
- Còn dây lên vừa vừa thì thế nào?
- Bạch Thế Tôn, tiếng đàn vi diệu, vang ngân đó đây.
- Cũng vậy con ạ! Người học đạo không tinh tiến thì không hiểu đạo, mà tinh tấn quá cũng không đem lại kết quả nào. Nếu muốn có kết quả tốt đẹp, con cần phải tu tập vừa phải, tinh tiến đều đặn. Đừng nên thái quá rồi bất cập, sanh tâm chán nản, như con vừa có ý định thoái lui.

Nghe Phật dạy xong, vị Tỳ kheo kia liền tỉnh ngộ. Thấy sự tu tập của mình quá khờ dại, ý định trở về trần tục thật điên rồ, nên đã thành thật ăn năn sám hối, đảnh lễ Phật và nguyện vâng lời chỉ dạy của Ngài, cố công tu tập vừa phải, tinh tiến không ngừng trên đường đạo.

Sau khi lễ Phật trở về phòng riêng của mình vị Tỳ kheo thoái chí kia vẫn còn nghe văng vẳng lời Phật dạy, trong lòng thấy khoan khoái và mãn nguyện lắm. Vì không có gì quý giá hơn, khi vị Tỳ kheo ấy thấy rõ hướng đi của mình trên đường tu tập không khác gì chiếc thuyền

sau bao ngày lênh đênh lạc hướng giữa bể cả, vừa tìm thấy được lối về quê hương bến cũ.

Chuông trong Tịnh xá nhẹ nhàng, khoan thai điểm từng tiếng một, báo hiệu một đêm đã tàn. Ánh sáng ban mai hòa hợp với không khí trong lành của Tịnh xá, tạo thành một sớm bình minh vô cùng tươi sáng. Chim trong vườn tỉnh dậy, cất tiếng hát líu lo hòa theo tiếng gió, tạo nên một bản nhạc trầm hùng của vũ trụ.

Chư thiên khắp nơi, từ những phương trời xa thẳm vượt qua giới hạn của không gian, rộn ràng bay về trong Tịnh xá, và mang theo vô số hoa lạ của ngàn phương về cúng dường Đức Phật, làm cho buổi sáng của Tịnh xá, và mang theo vô số hoa lạ của ngàn phương về cúng dường Đức Phật, làm cho buổi sáng của Tịnh xá đã linh động lại từng bừng và càng linh động thêm. Nhưng có bình minh nào trong lành tươi sáng, có cảnh nào từng bừng linh động bằng tâm hồn của vị Tỳ kheo kia, khi vị ấy nhận rõ được đường lối tu tập của đời mình qua một đêm dài đen tối của cõi lòng...

NÊN KÍNH TRỌNG NGƯỜI GIÀ CẢ ĐỨC HẠNH

Thuở Đức Phật còn tại thế, một hôm chư Tăng hội lại rất đông để hầu Phật. Nhiều Thầy Tỳ kheo choán chỗ rộng lớn, có vị một mình chiếm hai hoặc ba chỗ. Đại Đức Xá Lợi Phất đến sau, không có chỗ ở, đành phải ở ngoài trời. Khuya lại đi kinh hành gặp Đức Thế Tôn, ngài đã biết chuyện ấy, nhưng khi gặp Xá Lợi Phất, Ngài hỏi tại sao ở ngoài đồng. Đại Đức Xá Phất mới bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Vì con đến trễ nên không có chỗ nghỉ”.

Nhân chuyện ấy, sáng ngày Đức Thế Tôn mới cho họp chúng và nhắc một tích như vậy:

-Về thời quá khứ, tại rừng Tuyết Lãnh có một cây vừng to, nơi cây vừng ấy là nơi tụ họp của ba con thú và cũng là ba người bạn thân: Chim đa đa, khỉ và voi. Ba con thú ấy chơi với nhau rất thân nhưng không biết ai lớn ai nhỏ. Ba con mới nói với nhau rằng: “Chúng ta chơi với nhau như vậy chưa đủ vì chúng ta thiếu phép cung kính nhau, vì không biết kẻ lớn người

nhỏ để chỉ dạy nhau, vâng lời nhau. Vậy trong chúng ta biết cây vừng này từ bao giờ?”.

Voi đáp: “Này các bạn, khi tôi còn là voi con, mẹ tôi dẫn đi ăn thì cây vừng này còn ở dưới bụng tôi. Tôi biết cây vừng từ khi ấy.

Khỉ đáp: “Này các bạn, khi tôi còn bú, tôi ngồi trên đất, không cần phải ngước đầu lên, cũng có thể dùng miệng cắn ngọn cây vừng này được. Vậy tôi biết cây vừng này từ khi ấy”.

Chim đa đa đáp: “Còn tôi, khi trước ở bên kia có cây vừng to, tôi ăn trái vừng về đại tiện nơi đây nên mới có cây vừng này”.

Từ ấy về sau, khỉ và voi tôn chim đa đa lên làm anh cả, cả hai kính trọng vâng lời chỉ bảo. Khỉ và voi vâng lời chim đa đa lánh ác làm lành, nên sau khi chết đều được sanh về cõi trời.

Sau khi nhắc tích này Đức Thế Tôn mới dạy các Tỳ Kheo: “Này các Thầy Tỳ kheo! Loài thú mà nó còn biết kính trọng nhau thay huống chi các Thầy, xuất gia hành theo giáp pháp chân chánh của Như Lai sao không biết kính trọng nhau?”.

CỬA TUY ĐẤT CÁT LÒNG CON KÍNH THÀNH

Hôm ấy nghỉ học, sáu đứa bé cả trai lẫn gái thân hình cũng như trạc tuổi xấp xỉ ngang nhau, chúng rủ nhau lại trong chiếc sân rộng mát trước nhà em Lệ Xa, con của ông bà Đăng Quang, một gia đình lễ giáo rất sùng thượng để chơi trò chơi mà mấy hôm nay chúng không chơi được vì mưa lạnh. Không biết trò chơi này ai bày ra và đâu truyền đến mà đứa bé Ấn Độ nào cũng biết và rất thích chơi, nhất là những lúc có mặt độ năm bảy đứa.

Sau phút họp mặt chúng liền phân phối công việc để sắp sửa cuộc chơi. Mấy em gái thì đi chợ và nấu cơm, mấy em trai xây nhà và chưng dọn.

Nguyên liệu làm nhà là những viên gạch bé, những tấm ván thừa. Nhà thì có nhà song không ở và làm gì trong nhà được cả. Bông hoa, đồ dùng đều phải chưng dọn bên ngoài. Chợ chúng là hàng rào râm bụt, hoa đỗ lá

xanh là những thức ăn ngon lành dễ mua. Gạo thì có sẵn bên hè nhà chỉ còn xúc nấu: Ấy là cát. Tuy nhiên, Li Tơ em bé gái phụ trách nấu cơm vẫn giả bộ bẽ bém, buốc huốc chum hum thổi phò qua những khe củi không bao giờ cháy vì tươi xanh và không có lửa, thức ăn thì không cần nấu, sau khi mua về chúng ngắt vụn và cứa nhỏ vào bát đĩa là xong, nói bát đĩa cho oai chứ toàn là những miếng mảnh sành, nắp hộp và khu chén. Còn đĩa thì rất sẵn ở bờ đê chúng tự bẻ lấy.

Hí hoáy, chạy ngược chạy xuôi la thúc hối trong chốc lát thì tất cả đều vào đấy: Thức ăn đều được sắp lên bàn, ó thật là giản dị chỉ là cái đôn, có nải chuối tráng miệng, không biết chúng tạo đâu ra hay lượm trong thùng rác của chị bếp.

Bày biện xong xuôi, chúng mời nhau lại để khai mạc buổi tiệc. Đang xúm vít vây quanh chiếc bàn thấp lè tè thì bỗng nhiên đôi mắt tròn xoe của Lệ Xa hướng về những người đức hạnh trong những bộ áo cà sa vàng nghiêm trang vượt qua hàng cây trước bờ rào, rồi tất

cả lũ trẻ quay mặt nhìn theo... Bữa tiệc chưa bắt đầu nhưng đã bị gián đoạn vì đoàn người kia khoan thai, im lặng bước vào cổng. Lệ Xa liền rời khỏi bàn ăn chạy ngay đến trước Đức Phật chấp tay vái chào và kính thưa:

- Thưa Ngài, thầy mẹ con hôm nay có việc phải qua làng bên cạnh.

- Tốt lắm! Thôi con trở vào chơi với bạn, Đức Phật bảo Lệ Xa.

Ngần ngừ không lui bước, Lệ Xa tỏ vẻ vì không có gì để cúng dường, mọi hôm, vào giờ này khi Phật và Chư Tăng đi ngang là cha mẹ Lệ Xa thường hay dâng cúng vật thực.

Đoán biết em bé Lệ Xa muốn thưa thỉnh điều chi nên Ngài chưa đi vội.

Bỗng Lệ Xa nhanh nhẩu về phía bạn nhanh tay bưng ngay bát cơm to nhất trên bàn đem dâng cúng Phật với đôi tay tín thành kính cẩn.

Các đệ tử đứng sau đều lấy làm lạ, xàm xì và hỏi nhau về thứ lễ vật lạ kỳ mà em bé đang dâng cúng. Chính lũ trẻ, bạn của Lệ Xa cũng

không hiểu Lệ Xa đang làm gì và rất lo ngại cho nó...

Đỡ lấy bát, Đức Phật nói với giọng trong thanh, hiền dịu: “Của tuy đất cát, lòng con kính thành. Như Lai nhận cho con”.

Đoạn Ngài trao bát cơm ấy cho Tôn giả A Nan, dặn đem về vãi lên nền nhà Ngài ở. Nhìn khắp các đệ tử, Ngài dạy thêm:

- Em bé này có tâm hoan hỷ cúng dường, nhờ công đức ấy một trăm năm sau sau khi Như Lai nhập diệt, em bé sẽ làm vị Quốc Vương tên là A Dục. Vị lãnh tụ này sẽ là một người hộ pháp đặc lực, rất tôn sùng Tam bảo, biết phân chia Xá Lợi, xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp để tôn thờ, biết đem Chánh Pháp áp dụng trong công việc trị dân, giúp nước, tiếng tăm lừng lẫy...

Tôn giả A Nan lại ngạc nhiên hơn nữa liền bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn em bé này chỉ cúng dường chút ít đất cát mà sao lại được phước báu nhiều như thế, nhất là được nhân duyên xây

tám vạn bốn ngàn ngôi tháp để cúng dường
Xá Lợi?

Đức Phật ôn tồn giải đáp:

- Nay A Nan và tất cả đại chúng. Không phải chỉ trong kiếp này mà ở một tiền kiếp xa xưa em bé đã là một vị Quốc Vương tên Ba Tác Bỳ luôn luôn được cúng dường Đức Phật Phát Sa, và nghĩ đến nhân dân chưa có dịp được chiêm ngưỡng đức tướng trang nghiêm của Đấng Giác ngộ, người đã mời rất nhiều họa sĩ vẽ tám vạn bốn ngàn bức tượng để lưu truyền khắp mọi nơi. Nhờ công đức ấy cộng thêm việc đang làm trong hiện tại mà sau này em bé sẽ được vô lượng phước báu và nhất là được có nhân duyên xây tám vạn bốn ngàn ngôi tháp để tôn thờ Xá Lợi.

Nghe đến đây Tôn giả A Nan và toàn thể đại chúng mới hết nghi ngờ.

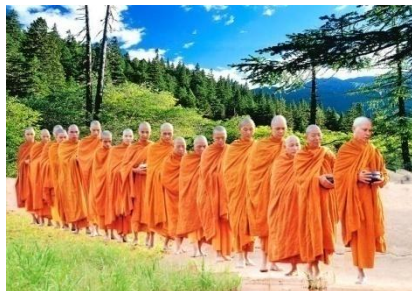
Riêng về Lệ Xa thì em sung sướng và thỏa mãn vô hạn vì đã được Đức Phật tiếp nhận lễ vật và tự tay em làm ra dâng cúng.

Lũ trẻ này giờ đứng xa nhìn lại, bây giờ sau khi nghe, thấy và nhận biết lòng thương bao la rộng rãi của Đức Phật chúng rủ nhau đi gần lại và vây quanh Ngài.

Giờ đã gần hết, Đức Phật và các đệ tử phải tiếp tục đi hóa trai. Trước khi ra đi, một lần nữa Ngài sờ đầu và chú nguyện cho Lệ Xa thường được sức khỏe, học tập tiến bộ và Ngài dặn thêm lũ trẻ:

- Các con chơi với nhau cho hòa thuận, vui vẻ nhé!

Đoàn người thanh tịnh khuất lần trong ngã xóm, nhưng lũ trẻ mãi nhìn theo không chớp mắt.



BÁT CƠM CÚNG DƯỜNG

Thuở Đức Phật còn tại thế, hằng ngày Phật và hàng đệ tử đi khất thực để mọi người có duyên gieo hạt giống lành vào thửa ruộng phước của mình.

Trong mùa an cư, Phật thường thọ trai của thí chủ phần đông là hàng cư sĩ, luân phiên nhau mang thức ăn sẵn vào Tịnh xá cúng dường.

Trong giới tại gia của Đức Phật, có một người học trò tuy của cải không bằng ai nhưng lại khá giàu lòng tốt. Phiên chàng cúng dường thường vào những ngày cuối tháng. Những bữa cơm giản dị không phải quý giá về phẩm chất, mà quý vì chàng đặt đó tất cả lòng thiết tha thành kính của một đứa con thuần hiếu, mà lòng chân thành lắm khi làm cảm động đến chư Thiên.

Khi sao mai vừa ló dạng, chàng thức dậy, sửa soạn vớt chất đề hồ cho vào chiếc bình trắng trong, để lên chiếc bàn con bằng gỗ chiên đàn, một gia bảo của mẹ chàng thuộc dòng Bà La

Môn để lại cho chàng. Chiếc bàn đã mấy đời dùng làm bàn sắp đồ cúng tế trong các buổi lễ. Kế đó, những món rau đậu chính chàng trồng lấy ở vườn nhà được tự tay chàng nấu nướng.

Hôm nào cũng như hôm nào, bữa cơm chàng sửa soạn cúng dường Đức Phật cũng mang trọn tất cả lòng thành kính vui mừng. Chàng khẩn nguyện cho cơm chàng cúng dường là bữa cơm đầy Pháp vị, tuy chàng biết vốn liếng tu học của mình không được bao nhiêu và gia thế lại còn tệ hại hơn cả sự hiểu biết của mình nữa.

Nhưng không biết tại sao tâm chàng thấy hoan hỷ và tin tưởng rằng những bữa cơm đơn giản của mình mang đến cho người thọ dụng tất cả niềm thanh tịnh, hoan hỷ. Và đó cũng là nguồn an ủi lớn nhất trong kiếp hiện tại của chàng.

Mặt trời lên khá cao, chàng vui vẻ mang thức ăn đi cúng dường Đức Phật. Con đường đi vào Tịnh xá Kỳ Hoàn thật êm ả trầm lặng. Chàng không bao giờ ngắm mây bay hoa nở,

bước chân chàng nhẹ nhàng thanh thoát lướt qua không kịp nhuộm bụi đường, lòng chỉ lo quá ngộ Đức Phật không kịp thọ dụng.

Nhưng có một hôm, ra khỏi nhà một đỗi, mắt chàng dừng lại, bóng dáng một sinh vật thất thủ dưới nắng hè. Đó là một con chó gầy guộc, lông lá rụng hết, từng mảng lở ghẻ loét hiện rõ dưới ánh mặt trời chói chang. Bốn chân nó khểnh khiu xiêu vẹo không đỡ nổi chiếc thân vốn đã quá gầy còm!

Hình như nó đánh hơi được thức ăn đang xách trên tay nên lăm la lăm lét tiến lại gần. Nó không biết nói, nhưng đôi mắt van nài, bộ tướng ủ rũ tiều tụy của nó, đủ nói lên được với chàng rằng: “Tôi không được ăn từ lâu lắm”.

Chàng đứng khựng lại. Bảy giờ, trước mắt chàng chỉ có hình ảnh của một sinh vật đói lả, mà trong tay chàng lại có sữa, cơm và thức ăn. Thật may phước cho nó quá! Chàng ngồi xuống bên đường, mở bình bát ra, bày các thức ăn trước mặt nó. Con chó ăn không kịp thở, chàng hồi hộp nhìn con vật cùng chia sớt

với nó sự bằng lòng, niềm vui hy hữu đang âm thầm tràn ngập tâm hồn. Trong một thoáng chiếc bình đề hồ, cơm, thức ăn hết sạch. Bây giờ con chó no, thong thả ra đi. Chàng trông theo bước chân của nó, giờ đây chắc chắn vững chãi trên con đường và nở một nụ cười thoải mái. Nhưng, khi chó vừa khát dạng sau rặng cây trước cửa Tịnh xá, chàng nhìn lại bình đề hồ và liếc cơm với thức ăn sạch nhẵn, lo sợ kinh hoàng! Mặt trời rọi bóng chàng lùn xùn trên mặt đường vậy là vừa đúng Ngọ. Tới thì không dám, lùi cũng không đành, sau một giây, thu hết can đảm, chàng hớn hờ rảo bước vào Tịnh xá mà nước mắt lăn tròn theo mồ hôi.

Đức thế Tôn dùng huệ nhãn soi rõ sự tình. Ngài ngồi yên, đôi mắt như hai vì sao sáng, nụ cười hoan hỷ từ bi nở tươi làm sáng một vùng trời.

Chàng nào dám nói lên, đôi mắt e dè dán chặt xuống đôi bàn chân tê dại. Tuy nhiên, chàng quyết không dối Phật, quyết thú thật hết tội lỗi của mình, mà cũng không dám mong cầu được Phật tha thứ.

- Bạch Thế Tôn! Hôm nay con có lỗi nặng vô cùng...và tiếng chàng nhỏ dần như tắc nghẹn.

Đức Phật ôn tồn khuyến khích như thường lệ: Hôm nay phải phiền con đem cơm cúng dường Như Lai đó không?

- Bạch Thế Tôn...! Tiếng chàng nức nở trong nước mắt. Xin Ngài thứ tội cho con. Vừa rồi trước Tịnh xá, con gặp con chó ghẻ đói lả con lú lẫn quên mất giờ trai của Thế Tôn, con lỡ đem bình bát thức ăn cho con chó ăn hết. Tội con xuẩn ngốc, vô lễ nặng nề không biết ngàn nào.

Nhưng, một vùng hào quang giữa đôi mày Đức Phật phóng ra ánh ngời Tịnh xá như những hôm Phật lên Pháp tòa khởi điểm nói bài kinh trác tuyệt. Tiếng Ngài ngân vang, từ ái tròn đầy:

- “Mùa hạ này, Như Lai muốn cho các con biết, chỉ có hôm nay Như Lai thọ dụng một bữa cúng dường rất thanh tịnh của một vị đại thí chủ, đầy đủ Pháp vị trong một bữa cúng dường”.

HÁI HOA CÚNG PHẬT

Một thời Đức Phật ở thành La Duyệt Kỳ. Lúc bấy giờ vua trong nước thường hay sai 10 người đi hái hoa. Một hôm, những người này ra ngoài thành hái hoa xong, liền trở về. Giữa đường gặp Đức Phật hào quang chói sáng tướng tốt oai nghi, như mặt trăng giữa các vì sao, như mặt trời mới mọc, xung quanh lại có rất nhiều vị Bồ tát đệ tử theo hầu.

Các người hái hoa liền đến trước Đức Phật, chấp tay đảnh lễ và bạch Phật rằng:

- Mạng người rất khó bảo toàn, Đức Phật rất là khó gặp, kinh pháp rất là khó được nghe. Nay chúng con gặp được bậc Đại Thánh, thật chẳng khác gì người bệnh gặp lương y. chúng con vì lòng tham dục mà phải đi hành dịch như thế này, mỗi ngày phải đi hái hoa về dâng cho vua, nếu chậm trễ thì bị hình phạt. Nhưng ở đời được gặp vị Thánh Nhân là rất khó, trăm kiếp ngàn đời may mới gặp một lần, dầu cho chúng con cũng rất hoan hỷ dâng hoa cúng dường Phật và Thánh chúng, được thọ lãnh

kinh giới, nghiên cứu suy tầm Phật Pháp cao sâu, trí tuệ vô cùng tận. Chúng con trải qua vô số kiếp, bị người hãm hại không sao kể xiết, nhưng chúng con chưa được vì Phật Pháp mà hy sinh thân mạng. Nay chúng con xin dâng bó hoa Tam Bảo cúng dường Đức Thế Tôn, dầu có gì việc này mà bị hại, chúng con cũng khỏi đọa vào đường dữ, được sanh lên những cảnh giới an lạc. Chúng con xin thành tâm quy y, đảnh lễ Đức Thế Tôn.

Đức Phật biết rõ tâm ý chân thành của các người dâng hoa, tâm sanh lòng thương mến vô hạn, liền đem giáo lý Đại thừa ra giảng dạy, khiến cho mọi người đều phát đạo ý, khai sáng Phật tuệ, chúng được bậc bất thối chuyển, không còn bị đọa lạc. Đồng thời Đức Phật thọ ký cho những người hái hoa tương lai sẽ thành Phật hiệu là Diệu Hoa.



NGƯỜI GIEO MẠ

Một buổi bình minh, ánh nắng vàng trải trên những thảm cỏ xanh non bao trùm những vườn cây tươi tốt, muôn chim líu lo trên cành, mọi người sửa soạn ra đồng làm việc.

Đức Từ Tôn mặc y nghiêm trang, ôm bát khoan thai đi vào xóm để khát thực, lúc Ngài đi ngang qua nhà của ông Bà La Môn giàu có và danh tiếng nhất trong xứ tên là Ba Ra Va Da, Ngài bèn dừng chân lại trong lúc lão Bà La Môn mang lễ vật ra sân để cúng thần Nông.

Trước dung mạo trang nghiêm và đầy vẻ từ bi của Đức Phật, mọi người đều tỏ vẻ kính trọng Ngài, người thì chấp tay cúi đầu, kẻ thì nghiêng mình, người lại đánh lễ sát đất. Trước khung cảnh uy nghi ấy đã không phát tín tâm Ba Ra Va Da còn phát sanh lòng sân hận, lão hét lên:

-Ồ, này Sa Môn kia, tại sao còn khỏe mạnh, tay chân đầy đủ lại đi xin ăn, sao lão không chịu làm lụng như bao nhiêu người khác. Ta

phải chịu cực khổ dầm sương giải nắng cấy cấy, gieo mạ hôm nay mới có cơm ăn. Nếu lão chịu khó làm lụng như ta, thì lão cũng có cơm ăn vậy.

Đức Phật bèn từ tốn trả lời rằng:

-Ta đây cũng cấy cấy gieo mạ, ta cũng có lúa ăn như người vậy.

Ba Ra Va Da cướp lời:

-Lão dám mạo nhận là một người nông dân sao?

Đức Thế Tôn yên lặng không trả lời.

Người Bà La Môn cất tiếng cười ngạo nghễ hỏi tiếp:

-Vậy chớ trâu, bò, cây, bừa và lá lúa giống của lão ở đâu?

Đức Phật bình thản giảng giải:

-Hột giống của ta gieo là Đức tin, những việc lành là mưa thuận gió hòa thấm nhuần cho lúa càng ngày càng tốt tươi. Ý chí dũng mãnh và nhẫn nại là cái cày, sự tinh tấn là con bò, trí tuệ là sợi dây đàn, còn Ta cầm cán cân giới luật.

Ta cây cầy đặng trừ tuyệt cỏ xấu đang đâm chồi nảy lộc trong tâm của chúng sanh.

Lúa của ta gặt là nơi an vui tuyệt đối bất sanh, bất diệt đại niết bàn, nơi dứt tất cả sự thống khổ. Vốn là một người thông minh và đã tạo nhiều thiện duyên từ nhiều kiếp trước, Ba Ra Va Da nghe những lời giảng giải của Thế Tôn xong được thấm nhuần như tấm vải trắng sạch nhuộm ăn màu, như người bị ngã được đỡ đứng dậy, như ngọc quý bị giấu kỹ bỗng nhiên được phát hiện trí tuệ, Ba Ra Va Da cung kính bạch Đức Phật rằng:

-Tiếng đồn thật không sai, Đức Từ Tôn quả là ngọn đuốc sáng để đưa chúng sanh từ chỗ tối tăm đến chỗ sáng suốt.

Nói xong, Ba Ra Va Da vội lấy đĩa bằng vàng, đựng cơm đề hồ (cơm nấu bằng sữa) đến thành kính sót vào bát của Đức Phật và nói rằng:

-Kính bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài hoan hỷ nhận lấy lễ vật mọn này để con được gieo duyên lành cho kiếp vị lai.

ĐỨC PHẬT VỚI CON VOI DỮ

Thời kỳ Phật hành đạo tại thành Vương Xá, kinh đô của vua A Xà Thế, vua A Xà Thế rất tham lam hung bạo, đã sát vua cha để dành ngôi báu. A Xà Thế lại hay thù ghét và manh tâm làm hại những kẻ trung lương nên thường lập vây cánh bè đảng làm hậu thuẫn.

Trong số bè cánh nhà vua lại có Đề Bà Đạt Đa em họ Đức Phật. Vị này cũng sẵn lòng ganh tỵ với kẻ khác, thấy Đức Phật được nhiều người cung kính, Đề Bà Đạt Đa cũng giả cách tu hành như Phật, nhưng không hề được ai cung kính, nên tức giận muốn tìm cách hại Phật. Nhưng những điều không may có bao giờ đến với những người có lòng từ bi cao cả, đáng Giác-ngộ đã tu hành trong nhiều kiếp. Nhưng chúng nào tật ấy, ông liền liên kết với vua A Xà Thế cầu xin nhà vua cộng tác trong việc sát hại Phật. Nhờ sự bằng lòng của nhà vua, nên Đề Bà Đạt Đa đến tận sở nuôi voi năn nỉ với bọn nài:

Ta đây là bạn thân của nhà vua, các người giúp ta việc này, ta sẽ xin nhà vua cho lương cao chức lớn. Sáng mai thầy Gotama (Đức Phật) sẽ đi trì bình khát thực qua đây, các người cứ việc thả con voi hung dữ Nalagiri ra để làm thịt thầy .

Sáng hôm sau, đức Phật cùng một số đệ tử đi vào thành Vương Xá để trì bình khát thực, trông thấy bóng Ngài, bọn nài thả voi Nalagiri ra. Dân chúng nội thành phải tán loạn, dày xéo nhau mà chạy, lo sợ cho tánh mạng của mình, kẻ leo lên cây người núp ở tường cao nhà kín. Sau khi đã tìm được chỗ ẩn núp chắc chắn, những con mắt hiếu kỳ hay lo sợ cũng cố tìm mắt để nhìn cho được sự việc sắp xảy đến.

Voi thấy bóng người đang trước, nó cong đuôi, thẳng vòi chống tai xông tới như vũ bão. Các vị đệ tử thấy cơ nguy mới bạch với đức Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con voi Nalagiri nó có tánh hung dữ và thù ghét loài người đã đến nơi kia! Đức Phật vẫn thản nhiên dạy rằng:

-Này các Tỳ-kheo, các người không nên sợ hãi. Không bao giờ một vị Chánh-giác phải chết vì một tai nạn ghê gớm như thế. Những đấng Như-lai chỉ tịch diệt khi thì giờ đã đến bằng cái chết tự nhiên và vẫn sống mãi trong tâm linh mọi người.

Trong khi ấy có tiếng bàn tán nhỏ to của mọi người đang ẩn núp. Những kẻ thiếu đức tin, u mê cho rằng: đó là một sự hy sinh vô lý, nên thốt ra những câu đầy mỉa mai:

-Chà, uổng quá, vị Sa môn kia trẻ đẹp như thế mà lại hy sinh cho con voi hung dữ giết hại thì thiệt là một việc dại khờ.

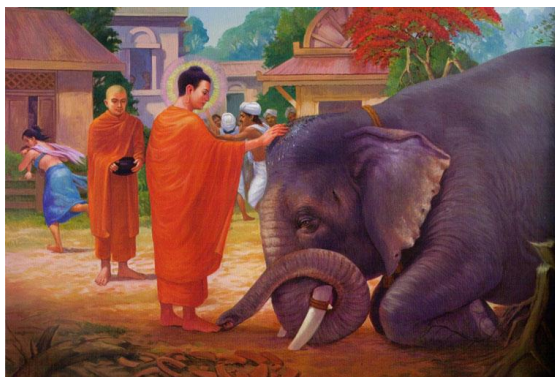
Nhưng nhóm người có đủ đức tin hơn và hiểu biết Chơn lý đôi chút thì cho rằng: đó là một cuộc thử thách, sự tranh đấu giữa loài vật với vị Tử phụ của loài người.

Voi hung hăng đã phóng tới trước mặt đức Phật, mọi người phập phồng lo sợ. Nhưng Ngài vẫn điềm nhiên đem tất cả lòng Từ bi vô lượng để đối lại với sự hung dữ của con voi. Voi như bị một sức thôi miên huyền bí, từ từ hạ vòi và

qùy ngay trước mặt Ngài. Đức Phật dịu dàng thoa vào đầu quy y cho voi và nói:

- Nay voi ơi! Người nên ăn ở hiền lành để đạt đến an vui chớ nên hung hăng như trước đây nữa. Voi như hiểu được lời Ngài, từ từ lấy vòi hút tất cả các bụi đã bám vào chân Ngài và rải lên khắp đầu nó như để chứng tỏ nó đã biết ăn năn và xin phục thiện. Đoạn cúi đầu đánh lễ Ngài rồi trở về chuồng cũ.

Từ đó về sau voi Nalagiri trở nên hiền lành dễ thương. Đó cũng là một trong những nguyên nhân làm cho Đề Bà Đạt Đa biết hối hận! Vua Tần Bà Ta La biết trở về với Chánh Pháp.



GIÚP ĐỠ LẦN NHAU

Anuruddha là một học trò rất giỏi, nhưng anh lại bị mù. Anh không cảm thấy buồn cho bản thân mình vì anh bị mù và vẫn cố gắng trong công việc tu tập của anh.

Một hôm, anh thấy một cái lỗ thủng trong áo choàng của anh. Anh tìm cách vá chỗ đó, nhưng thấy việc này rất khó khăn. Ngay đến việc khâu kim anh cũng không thể khâu được.

Đức Phật dùng thiên nhãn nhìn thấy hoàn cảnh khó khăn của người đệ tử mù lòa, Ngài bèn đi tới căn phòng anh để khâu kim cho anh.

"Ai đang khâu kim hộ tôi đó?" Anuruddha hỏi.

"Phật Đà đây." Đức Phật trả lời, trong khi ngài đang vá cái áo choàng cho anh.

Anuruddha cảm thấy thật sự sung sướng và cảm động ứa nước mắt.

"Hãy luôn giúp đỡ những người xung quanh trong cuộc sống hằng ngày" là một trong những bài học mà Phật thường dạy các đệ tử.

KẾT BẠN TỐT

Một hôm, Đức Phật và Ananda đang đi khất thực trong một thành phố. Khi họ đi ngang một cửa hàng bán cá, Đức Phật nói, “Ananda, con hãy sờ vào cái dây đang treo cá rồi ngửi những ngón tay con xem sao.”

Ananda làm theo như vậy và thưa, “Mùi này ngửi ghê sợ quá!”

Đức Phật nói, “Việc này cũng giống như việc kết bạn, nếu con kết hợp với người xấu, con sẽ trở nên xấu xa. Tương tự như cái mùi của sợi dây trong cửa hàng bán cá.”

Kê đó, hai người đi qua một tiệm bán hương liệu. Đức Phật nói, “Ananda, hãy sờ vào những giấy gói hương liệu và rồi ngửi những ngón tay con”.

Ananda làm theo như vậy và thưa, “Những ngón tay của con ngửi rất thơm tho.”

Đức Phật nói, “Việc này cũng giống như việc kết bạn. Nếu con kết thân với người tốt, con sẽ

trở thành một người tốt lành. Nó giống như cái mùi thơm tho dính ra con từ những giấy gói hương liệu vậy.”

Nếu chúng ta kết bạn với những người tốt lành và thật thà, chúng ta sẽ trở nên một người tốt. Nếu chúng ta kết bạn với những người lừa dối và xấu xa, chúng ta sẽ trở thành một người xấu.



TÂM HỒN TRONG SẠCH

Một người đàn bà làm việc rất chăm chỉ khi quét sạch các đường phố. Vì quần áo của bà ta bẩn thỉu và hôi hám, tất cả mọi người đều chạy đi xa bà khi họ trông thấy bà.

Khi Đức Phật nói chuyện với bà một cách vui vẻ, người ta thấy ngạc nhiên. Họ hỏi Đức Phật, “Ngài luôn yêu cầu chúng con phải sạch sẽ. Tại sao Ngài lại nói chuyện với người đàn bà hôi hám này?”

Đức Phật trả lời, “Mặc dù người đàn bà này hôi hám, tâm hồn bà ta thì trong sạch. Bà ta lễ phép và bà làm việc cực nhọc cho những người khác. Nhiều người trông sạch sẽ và gọn gàng, nhưng tâm hồn của họ lại đầy ắp những tư tưởng xấu!”

Có một tâm hồn trong sạch thời quan trọng hơn ăn mặc quần áo sạch sẽ.

TRÁNH DÙNG NHỮNG TỪ THÔ LỖ TRONG LỜI NÓI

Một hôm, một người giận dữ với tính tình xấu xa, đi tới gặp Đức Phật. Người ấy dùng những từ thô lỗ để lăng mạ Đức Phật. Đức Phật kiên nhẫn và im lặng lắng nghe ông ta, và không nói gì trong khi người đó nói.

Người giận giữ cuối cùng ngừng không nói nữa. Chỉ đến lúc đó Đức Phật mới hỏi ông ta, “Nếu một người nào muốn cho ông một thứ gì đó, nhưng ông không muốn nhận, vậy món quà đó thuộc về ai?”

“Tất nhiên món quà sẽ thuộc về người muốn đem cho nó.” Người ấy trả lời.

Đức Phật nói “Tương tự như thế, với sự lăng mạ của ông. Ta không muốn nhận nó, vì vậy nó vẫn thuộc về ông. Ông sẽ phải giữ món quà từ ngữ thô lỗ và tội tệ của ông cho chính ông. Và tôi sợ rằng cuối cùng ông sẽ đau khổ vì nó, vì một người xấu nhục mạ một người tốt chỉ có thể gây đau khổ cho chính mình. Nó giống như

một người muốn làm bầu trời bằng cách
ngửa mặt lên khắc nhỗ vào bầu trời. Sự khắc
nhỗ của ông ta sẽ không bao giờ làm dơ bầu
bầu trời, nó sẽ chỉ rơi lại vào chính mặt ông ta,
và làm mặt bị dơ bẩn thôi.”

Người đàn ông lắng nghe Đức Phật và cảm
thấy xấu hổ. Ông ta xin ngài tha thứ cho ông
và rồi trở thành một đệ tử của ngài.

Chỉ có lời nói tử tế và sự suy luận có thể tạo ra
ảnh hưởng và hoán cải những người khác.



BAO THAI CHẤP TAY

Có một lần, lúc đức Phật đang tuyên thuyết pháp Đại thừa tại thành Vương Xá, trong đạo tràng của Ngài có một người đàn bà hiền đức tài giỏi tên là Tỳ Lâu.

Bà Tỳ Lâu không những là một người vợ đảm đang, một người mẹ hiền trong gia đình, mà ngoài xã hội cũng được tiếng là một người đàn bà gương mẫu. Vì thế, một khi bà lên tiếng kêu gọi ai làm chuyện gì, thì lời kêu gọi của bà có hiệu lực rất lớn.

Trong pháp hội ngày hôm ấy, bà đã tập họp được hàng trăm, hàng ngàn người đàn bà khác đến nghe pháp.

Tuy họ toàn là những người sơ phát tâm, nhưng ai cũng bắt chước Tỳ Lâu chấp tay chăm chú nghe thuyết pháp.

Đức Phật đang giảng kinh bỗng ngừng lại, hướng về tôn giả A Na Luật đang ngồi giữa đại chúng mà hỏi:

– A Na Luật! Ông đã thấy được chuyện gì? Có thấy điều chi đặc biệt và lạ lùng không?

Ngài A Na Luật được đức Phật hỏi đến như thế, liền đứng dậy cung kính trả lời:

– Bạch Thế Tôn, mọi người yên tịnh lắng nghe pháp âm của Phật thì đương nhiên tự động chấp tay kính cẩn lắng nghe. Con nay lại thấy thai nhi mà tín nữ Tỳ Lô đang mang trong lòng mà cũng chấp tay nghe pháp, con rất lấy làm lạ!

Lúc ấy, quả thật Tỳ Lô đang mang thai, và đưa bé gái trong bào thai hấp thụ tính hiền hòa của mẹ, cộng với thiện duyên của chính mình nên tuy hãy còn ở trong bụng mẹ mà cũng biết chấp tay nghe kinh.

Tôn giả A Na Luật là một vị A-la-hán đã chứng đắc được thiên nhãn thông, nên bất cứ vật gì dầu trong dầu ngoài, ngài cũng đều có thể thấy hết.

Đức Phật lại nói:

– Lành thay! Lành thay! Trong số đông những vị A-la-hán ở đây, A Na Luật, ông là người có thiên nhãn thông, có thể thấy được những việc hiếm có mà người khác chưa từng thấy. Đó là điều khiến ông hơn tất cả mọi người.

A Na Luật, ông thấy không, trong mười phương thế giới, chim bay thú chạy, ngay cả trong loài côn trùng, chưa hề có một đứa bé còn trong bụng mẹ mà đã biết chấp tay nghe kinh như mẹ. Đó chính là vì âm thanh viên mãn của Phật có năng lực thấu suốt qua tất cả mọi cảnh giới, khiến cho chúng sinh nào nghe được cũng đều phải chấp tay cung kính.

Đức Phật nói xong, muốn cho mọi người hiểu biết một chút về những sự kiện hy hữu trên thế giới, nên từ thân Ngài phóng ánh sáng làm cho bốn phương tám hướng, từ trên xuống dưới, tất cả được chiếu sáng không có gì trở ngại. Trong ánh từ quang sáng chói của Phật, không còn sự phân biệt giữa trong và ngoài, đâu đâu cũng y như nhau. Như thể được chiếu rọi bởi một tấm kính lớn đằng trước, không có vật gì có thể che giấu được.

Lúc ấy, những người trong pháp hội nghe kinh, nương nhờ pháp lực của đức Phật có thể thấy được những gì mà từ trước đến nay họ chưa hề được thấy nên ai nấy đều vui mừng vô kể.

Lúc ấy bà Tỳ Lô cũng biết rằng đứa con mình đang mang trong bụng sắp sửa ra đời, vì thế bà bèn đứng dậy, đánh lễ đức Phật rồi lui xuống phía dưới, và chính lúc đó bà hạ sinh một đứa bé gái.

Khi đứa bé chào đời, trong không trung vang lên thiên nhạc tuyệt vời và những đóa hoa ngũ sắc lả tả rơi xuống. Rất nhiều người đàn bà vội vàng đem đến một bộ quần áo mới phủ lên thân thể hài nhi, tránh cho đứa bé bị lỏa thể khi đối diện với đại chúng.

Vị đệ tử thượng thủ của đức Phật là Tôn giả Xá-lợi-phất thấy mọi chuyện xảy ra như thế, bèn đứng dậy hỏi rằng:

– Bạch Thế Tôn! Nữ hài nhi này từ quốc độ nào đến? Kiếp trước đã tạo phước báo nào mà được chào đời giữa pháp hội cao quý này?

Đức Phật từ mẫn giảng cho Xá-lợi-phất và đại chúng biết về lai lịch của đứa bé:

– Đứa bé sơ sinh này đến từ một nơi cách đây rất xa ở phía đông nam, nước ấy tên là Diêm Phù Đà. Rất nhiều kiếp về trước, cô luôn luôn cúng dường Phật và trai tăng, và còn phát nguyện tương lai sẽ sinh ra đời nơi pháp hội của Phật đang thuyết pháp, vì thế nên kiếp này cô được như nguyện và chào đời tại nơi đây.

Pháp âm của Phật cùng tất cả những điềm lành lúc đứa bé sinh ra đời làm cho thánh chúng ngày hôm đó vô cùng hoan hỷ, họ phát nguyện đời đời kiếp kiếp quy y thánh pháp, cứu độ chúng sinh.



CÂY ĐÈN KỶ LẠ

Sau lễ tiễn đưa Phật và các thầy Tỳ kheo trở về tịnh xá Kỳ Hoàn, vua A Xà Thế cùng với đình thần trở lại nội cung để dự buổi yến thân mật và bàn một vài việc cần làm thêm trong ngày đại lễ hôm ấy:

Câu chuyện mở đầu trong bữa tiệc là những lời sau đây do vua A Xà Thế phát khởi.

- Các khanh! Quả nhân rất bằng lòng và thỏa mãn về việc các khanh đã lo liệu quá ư tươm tất trong buổi lễ cúng dường Phật và giáo hội vừa rồi.

Hướng đôi mắt về phía đại thần Kỳ Bà, Vua A Xà Thế nói tiếp:

Kỳ Bà! Khanh nghĩ hộ quả nhân xem còn có việc gì đáng làm nữa để quả nhân tận hiến tất cả chí thành lên đức Chí Tôn và giáo hội - những người tận tụy trong công việc giáo hóa chúng sanh nói chung, thần dân của quả nhân nói riêng, trở về với ánh sáng chân lý.

Đứng dậy ngắm nghĩ trong chốc lát, rồi đại thần Kỳ Bà thông thả tiếp:

- Tâu đại vương, ngoài sự cúng dường trai phạn và y phục mà Đại vương đã dâng lên đức Chí Tôn và giáo hội, theo thiển ý của hạ thần thì không việc gì có ý nghĩa hơn việc cúng dường ánh sáng. Vì ánh sáng trưng trưng cho trí tuệ, cho sự giác ngộ; ở đâu có ánh sáng thì ở đó bóng tối tan mất. Cũng như ánh sáng Phật và giáo hội đến đâu thì ở đó si ám và tội lỗi đều tiêu sạch. Ngụ ý của hạ thần chỉ có bấy nhiêu, kính mong bệ hạ thẩm xét.

- Hay lắm! Ý kiến của khanh rất chí lý! Tiện đây nhờ khanh thay quả nhân sắm sửa cho thật nhiều đèn đuốc để tối hôm nay dâng lên Phật và giáo hội tại tịnh xá Kỳ Hoàn.

Đại thần Kỳ Bà vâng thuận. Buổi tiệc bắt đầu và tiếp diễn trong tinh thần mật giữa nhà vua và các vị cận thần.

Chiều hôm ấy, trên đường trở về xóm nghèo, một bà lão hành khất gặp rất nhiều xe cộ, lính tráng, tấp nập khuôn chờ những thùng dầu,

đèn và cả những chiếc lồng đèn ngũ sắc rực rỡ.

Hỏi thăm, bà lão hành khất biết đó là lễ vật của nhà vua đem cúng dường Phật và giáo hội.

Hình tượng trang nghiêm của Phật và các thầy Tỳ kheo lại hiện về trong óc bà. Bà vui hẳn lên và rất tán thành việc làm có ý nghĩa của nhà vua. Và xét lại tự thân, thấy mình chưa làm được một công đức nào đối với Phật và giáo hội, bà tự nghĩ phải sắm phẩm vật để cúng dường mới được. Thò tay vào bị, bà lão moi ra vốn vụn chỉ có hai tiền. Một sự quyết định nhanh chóng trong lòng khiến bà hoan hỷ đi ngay vào một cái quán gần đấy...

- Thưa cậu! Làm ơn bán cho tôi hai tiền dầu thắp.

- Bà mà mua dầu làm gì? Sao không mua đồ ăn lại mua dầu, nhà cửa đâu mà dầu với đèn!

- Thưa cậu! Tôi thường nghe các bậc hiền đức trong làng bảo: “Ngàn năm muôn thuở mới có một đức Phật ra đời; người nào có nhiều phước duyên lắm mới được gặp”. Hôm nay tôi

may mắn được gặp nhưng chưa có lễ mọn nào để dâng hiến lên Ngài. Điều ấy làm tôi vô cùng ân hận. Nhân tiện vua A Xà Thế sửa soạn đèn đuốc để dâng lên Ngài và giáo hội, tuy nghèo khổ, tôi cũng xin nguyện đem hai tiền mới xin được đây mua dầu dâng ánh sáng lên Ngài.

Nghe bà lão hành khuất tỏ tấm lòng chân thiết đối với Đấng Giác ngộ, người chủ quán nhìn bà một cách cảm mến và hạ giọng: Hai tiền chỉ được hai muống, nhưng tôi xin tặng bà ba muống nữa là năm, và cho bà mượn luôn vệt đèn này. Mong bà nhân cho.

Sau khi cảm ơn người chủ quán, bà lão ra về với bao niềm hoan hỷ vì được người khác biểu đồng tình và giúp mình trong công việc phước thiện.

Trời chưa tối hẳn, những cây đèn xinh xắn, lộng lẫy của nhà vua đã được những đội thị vệ thấp sáng. Tịnh xá Kỳ Hoàn như vui nhộn hẳn lên. Đó đây vang lừng những điệu nhạc dịu dàng, nhịp nhàng với lời ca ngợi của những

cận thần thay nhà vua tán thán công đức của Phật và giáo hội. Từng đoàn người lũ lượt đi dự lễ, đông như trẩy hội. Bà lão hành khất cũng tiến mau về phía Tịnh xá và dừng bước trước những hoa đăng rực rỡ, bà vội vàng đến rót dầu vào cây đèn mà bà đã lau sạch và thay tim. Vừa mới ánh sáng bà vừa phát nguyện: “Cúng dường ánh sáng này lên Đức Thế Tôn và giáo hội, con chỉ cầu mong làm sao con cũng sẽ được trí tuệ sáng suốt như các Đấng Giác ngộ trong mười phương”. Bà lại nghĩ: “Dầu ít như vậy có sáng cũng chỉ đến nửa đêm là cùng”. Nhưng mạnh dạn bà thề nguyện: “Nếu quả thật sau này tôi sẽ được giác ngộ như lòng tôi mong muốn hôm nay, thì số dầu ít ỏi này cũng làm cho cây đèn này sáng mãi không tắt”.

Sau khi treo cây đèn trên một cành cây, bà lão hành khất đi thẳng vào tịnh xá, chí thành lễ Phật rồi ra về...

Số đèn của nhà vua, tuy được những đội lính thay nhau lo việc châm dầu, thay tim, nhưng ít

cây được sáng suốt đêm, cây thì bị gió thổi tắt, cây thì bị phật cháy...

Duy cây đèn của bà lão hành khất thì ánh sáng nổi bật hơn muôn vạn cây đèn khác và cháy mãi đến sáng mà dầu vẫn không hao.

“Này đệ tử! Trời đã sáng, hãy ra tắt hết những cây đèn còn dở”, Đức Phật dạy với Ngài Mục Kiền Liên như thế.

Tôn giả Mục Kiền Liên làm theo lời Phật. Nhưng đến cây đèn của Bà lão hành khất, thì ba lần Tôn giả quạt mạnh, nhưng ánh sáng cũng không tắt. Lần thứ tư, Tôn giả cầm ngay vạt áo cà sa và vạt hết thần thông diệu lực của mình quạt hất vào đèn nhưng đèn lại rực sáng hơn trước. Tôn giả Mục Kiền Liên và những người chung quanh đều ngạc nhiên và cho đó là một cây đèn kỳ lạ chưa từng thấy.

Ngay lúc ấy, Đức Phật vừa đến, Ngài điềm đạ bảo:

“Thôi! Đệ tử hãy thôi. Dù cho đệ tử có tận dụng tất cả thần lực của đệ tử cũng không thể

nào làm tắt được cây đèn này; vì đó là ánh sáng công đức của vị Phật trong tương lai”.

Lời dạy ấy của Đức Phật đã làm cho nhiều đệ tử của Ngài muốn tìm hiểu ai là người đã cúng dường đèn ấy. Sau một cuộc điều tra kỹ càng, họ biết rõ người cúng dường cây đèn kỳ lạ ấy chính là một bà lão hành khất!

Câu chuyện này đến tai vua A Xà Thế. Nhà vua cho vời đại thần Kỳ Bà đến để thuật lại câu chuyện và hỏi:

- Kỳ Bà! Như khanh đã biết quả nhân làm rất nhiều công đức và cúng dường rất nhiều đèn nhưng không thấy Đức Thế Tôn dạy gì về quả báo của quả nhân. Trái lại, bà lão hành khất chỉ cúng dường có một cây đèn lại được Ngài thọ ký là nghĩa làm sao?

Đại thần Kỳ Bà đứng lên ngần ngại mãi không dám trả lời.

- Kỳ Bà! Người đừng ngại gì cả, quả nhân muốn tìm hiểu những nguyên khuyết điểm chứ không bao giờ dám nghĩ khác về Đức Thế Tôn.

Đôi mắt của đại thần Kỳ Bà bỗng sáng lên và khiêm tốn trả lời câu hỏi của nhà vua:

- Tâu đại vương! Theo những điều mà hạ thần được phỏng vấn từ cửa miệng của những người thân cận các thầy Tỳ kheo và cộng thêm sự suy luận của hạ thần thì tuy đại vương cúng dường rất nhiều phẩm vật, song tâm ý không được chí thành cho lắm và có lẽ đại vương không phát đại nguyện; cho nên tuy có công đức mà không làm sao bằng công đức của bà lão hành khất chỉ cúng dường một cây đèn nhưng đó là cả một tấm lòng chí thiết, một dạ chí thành đối với những Đấng Giác ngộ và nhất là lời thệ nguyện cao rộng của bà ấy.

Nghe đại thần Kỳ Bà phân tích tỉ mỉ về động cơ của sự cúng dường của mình và bà lão hành khất, sau một hồi suy nghĩ và xét lại bản tâm, vua A Xà Thế liền cởi mở được tất cả những điều thắc mắc...



PHẦN B – LỜI ĐỨC PHẬT DẠY CON TRAI LA HẦU LA

KHÔNG NÓI DỐI

La-hầu-la xuất gia làm Sa-di rồi, vương phi Da-du cũng đành chịu, không biết làm sao hơn. Vua Tịnh Phạn thông cảm cho nỗi khổ tâm của bà, bèn đến tìm Phật, yêu cầu một điểm:

- Bạch Thế Tôn! Mong rằng Ngài quy định từ nay về sau, các người trẻ tuổi muốn xuất gia phải được sự đồng ý cho phép của cha mẹ.

Đức Phật hoan hỷ nhận lời.

Da-du-đà-la chẳng còn hứng thú gì trên cõi đời này, tất cả đều khô héo. Về sau, Di mẫu của Phật là phu nhân Kiều-đàm-di xuất gia làm Tỳ-kheo ni, Da-du cũng theo đoàn người nữ họ Thích đến Tỳ-xá-ly xuất gia. Ban đầu, bà không cảm thấy chút gì an lạc khi sống trong Tăng đoàn vắng lặng. Nhưng nhờ đức Thế Tôn cảm hóa, chẳng bao lâu, bà được khai ngộ, khôi phục lại niềm vui, cùng sinh hoạt

bình thường, an ổn tự tại trong Phật pháp. Bà rất vui mừng, rất cảm kích đức Thế Tôn. Đức Phật cũng hoan hỷ, đến lúc ấy Ngài mới hết trách nhiệm với bà.

Chú Sa-di La-hầu-la còn quá nhỏ, không thể bắt buộc tu hành giống như người lớn được. Ít lâu sau, khi Tăng đoàn có chế độ Sa-di, Xá-lợi-phất cũng thu một chú nhỏ là Sa-di Quân-đầu, và hai chú bé thường chơi chung với nhau. Lúc vắng người, cả hai cùng bày những trò chơi trẻ con để đùa nghịch.

Một cậu bé mới trên mười tuổi, mỗi ngày sống trong Tăng đoàn nghiêm túc, nếu như đó là ý nguyện của chú bé thì không nói chi, như nếu vì hoàn cảnh ép buộc, thì tâm lý sẽ có nhiều thay đổi. La-hầu-la xuất gia không thấy Tăng đoàn vui vẻ gì, chỉ ngoài mặt không lộ nét bực bội. Một thiếu niên khoảng trên mười lăm tuổi, đối với sự chỉ dạy của người lớn tự nhiên là vâng theo, nhưng dưới khoảng tuổi ấy, theo bản năng tự nhiên của cậu, sẽ có những bất mãn, những tư tưởng phản kháng lại. Khi La-hầu-la được mười bảy, mười tám tuổi tánh

tình rất ôn hòa, rất nhiệt tâm trong công tác. Nhưng vào những năm ban sơ tuổi nhỏ, La-hầu-la cũng như bao trẻ con khác, ưa dối gạt người.

Lúc ấy La-hầu-la ở rừng Ôn Tuyền ngoài thành Vương Xá, có nhiều quan đại thần, trưởng giả, cư sĩ đến hỏi thăm đức Thế Tôn hiện ở đâu. Cậu thường tìm cách nói gạt để trêu ghẹo mọi người. Nếu đức Phật đang ở tinh xá Trúc Lâm, thì La-hầu-la lại nói Ngài ở núi Kỳ-xà-quật. Đức Phật ở tại Kỳ-xà-quật thì cậu nói gạt rằng Phật ở tinh xá Trúc Lâm. Hai nơi ấy cách xa nhau khoảng hai dặm, khiến thiên hạ cứ đi tới đi lui mệt đừ, mà rốt cuộc không gặp được Phật. Khi họ thất vọng quay về, La-hầu-la còn cười nhạo:

- Các ông không gặp được Phật sao?
- Đại đức! Ngài còn cười nhạo bọn tôi nữa ư?
- Ai trêu chọc các ông? Tôi lo cho các ông thôi chứ.

Cậu bé La-hầu-la nghịch ngợm không bao giờ nhận lỗi của mình.

Con nhà giàu có, thế lực thì hay ỷ lại vào tiền của và địa vị của cha mẹ, ưa làm chuyện bậy bạ. La-hầu-la vốn là cháu vua Tĩnh Phạn, con Phật, tuy xuất gia trong Tăng đoàn bình đẳng nhưng vẫn là con nít, chắc cũng được nhiều người sủng ái, nên theo ý tôi, cậu bé có những tập khí kiêu mạn, cũng là tâm lý chung.

La-hầu-la gạt mọi người một lần, hai lần, thiên hạ còn bị lừa, nhưng sau vài lần mọi người đều biết, và tiếng đồn La-hầu-la nói dối, chọc ghẹo người đến tai Phật. Đức Thế Tôn không vui chút nào. Một hôm Ngài đích thân đến rừng Ôn Tuyền, răn dạy La-hầu-la một phen.

Hôm ấy, đức Thế Tôn đến chỗ ở của La-hầu-la, với dáng hết sức oai nghiêm. La-hầu-la không ngờ vội chỉnh y ra nghinh đón Phật. Đợi cho Thế Tôn an tọa, cậu đem nước đến cho Phật rửa chân. Đức Phật không nói một lời, rửa chân xong, bèn chỉ nước dơ trong chậu bảo La-hầu-la:

- Này La-hầu-la! Thứ nước dơ bẩn này có đem uống được không?

- Bạch Thế Tôn! Nước rửa chân rất dơ, không thể uống được.

- Ông cũng giống thứ nước đó! – Đức Thế Tôn quở – Nước vốn trong sạch, rửa chân xong bèn trở nên cáu bẩn, giống như ông vốn là vương tôn, lia bỏ mọi thứ vinh hoa phú quý tạm bợ của thế gian, xuất gia làm Sa-môn, tuy chưa thọ giới Tỳ-kheo, nhưng ông đã thọ mười giới Sa-di. Ông không tinh tấn tu tập, không để thân tâm thanh tịnh, không giữ miệng cẩn thận lời nói, dối gạt chọc gheo người, cấu uế của tam độc đầy dẫy trong tâm ông, giống như nước trong sạch bị dơ bẩn một thứ.

Chưa bao giờ đức Thế Tôn nghiêm nghị như vậy. La-hầu-la cúi đầu chẳng dám ngó Phật. Đức Phật bảo đem nước đổ đi, cậu bé mới nhúc nhích. Đợi La-hầu-la đổ hết nước xong, Phật lại hỏi:

- La-hầu-la! Ông lấy cái chậu này đựng cơm được không?

- Bạch Thế Tôn! Chậu đựng nước rửa chân không thể đem đựng cơm, vì chậu đã dơ, đầy cặn ghét không thể đựng thức ăn được!

- Ông cũng giống cái chậu đó. Tuy làm Sa-môn thanh tịnh mà không tu giới định huệ, thân khẩu ý không thanh tịnh, chứa đầy cặn uế không chân thật, thức ăn đạo lý làm sao nhét vào tâm ông?

Phật nói xong lấy chân đá nhẹ cái chậu lăn mấy vòng, La-hầu-la thấy thế hoảng sợ. Phật lại hỏi:

- La-hầu-la! Ông sợ cái chậu này bị đá bể không?

- Bạch Thế Tôn! Không ạ. Chậu rửa chân là đồ vật xấu, có bể cũng chẳng sao.

- La-hầu-la! Ông không tiếc cái chậu này, giống như mọi người không thương mến ông. Ông xuất gia làm Sa-môn, không giữ oai nghi, nói dối đùa gheo, ai mà thương ông được. Không ai quý tiếc gì ông, cho đến lúc ông chết mà ông không hối cải, lại càng chìm trong mê mờ.

La-hầu-la sợ toát mồ hôi, xấu hổ muốn độn thổ, phát nguyện từ nay về sau cố gắng sửa đổi tâm tánh.

Đức Phật răn dạy xong, lại nói thêm một ví dụ cho La-hầu-la nghe:

- Đồi quá khứ, có một quốc gia nọ nuôi hai con voi lớn dũng mãnh thiện chiến. Mỗi khi nhà vua cử binh ra trận, lại trang bị áo giáp cho chúng. Ngà voi mang giáo nhọn, bên tai giắt kiếm bén, bốn chân đều có dao sáng ngời, sau đuôi lại cột thêm gậy sắt. Tuy mang nhiều vũ khí như thế, nhưng mỗi khi giao chiến chúng đều cuốn vòi dáo kín, vì đó là chỗ nhược, nếu để trúng tên liền chết ngay, vì muốn giữ gìn mạng sống phải giữ kỹ chiếc vòi.

La-hầu-la! Ông cũng phải như voi kia giữ kỹ cái vòi, cẩn thận giữ gìn lời nói, mỗi khi mở miệng nói đùa như voi bị thương, huệ mạng của ông sẽ mất, không được mọi người thương mến, không được người trí ưa thích, đến khi lâm chung sẽ bị rơi vào ba đường khổ.

Đức Thế Tôn dùng hết tình hết lý, khẩn thiết, nghiêm trang răn dạy, mỗi lời mỗi câu đều in sâu vào tâm La-hầu-la, chú bé phát nguyện từ nay sẽ sửa đổi.

Như hạt lúa chúng ta tuy xay giã thành hạt gạo, nhưng còn dính bụi cám, phải vo chà sạch sẽ thì gạo trắng mới ra gạo trắng. La-hầu-la tuy có bản tính tốt ngoan ngoãn, nhưng phải có pháp thủy của đức Thế Tôn tẩy rửa một phen mới trở nên thanh tịnh vô nhiễm được. Từ đó, La-hầu-la trở thành một người khác.



PHÂN BIỆT ĐÚNG SAI

Câu chuyện trên đây về không nói dối nhắc nhở chúng ta rằng những lời la mắng giận dữ với con cái thực ra chỉ có sức mạnh mà không có nội lực. Đức Phật đã rất bình tĩnh, chọn thời điểm đúng lúc để dạy con mà không trừng phạt hay nổi giận với con.

Sau đó, Đức Phật chỉ dẫn con làm sao để suy xét mọi hành động của mình.

- *“Cái gương dùng để làm gì?”* – Ngài hỏi.
- *“Bạch Đức Thế Tôn, gương dùng để soi”* – La Hầu La đáp.

Đức Phật lại dạy : *“Trong khi chuẩn bị làm điều chi bằng thân, khẩu, ý, con phải quán chiếu: hành động này có gây tổn hại cho mình hoặc cho kẻ khác không. Nếu, sau khi suy xét, con thấy rằng hành động đó sẽ có hại, thì con hãy đừng làm. Còn nếu con thấy rằng hành động đó có ích lợi cho con và cho kẻ khác, thì con hãy làm.”*

Thay vì dạy cho con mình nhận biết sự khác biệt tuyệt đối giữa *đúng* và *sai*, Đức Phật đã dạy cho con suy gẫm về *lợi ích* và *có hại*. Điều này đòi hỏi cả sự tự tri (self-awareness) lẫn lòng bi mẫn. Đặt nền tảng của đạo đức dựa trên “có lợi” hay “có hại” giúp giải thoát đời sống đạo đức của ta khỏi những khái niệm trừu tượng và những ý niệm chẳng ăn nhập gì tới hậu quả của việc ta làm. “Có lợi” và “có hại” cũng giúp cho con người nhận biết mục tiêu của mình. Những điều ta làm sẽ trở thành hoặc là nghịch duyên, hoặc là thuận duyên trên con đường ta đi.

Phương pháp giáo hoá của Đức Phật khiến cho tôi càng tin tưởng thêm rằng chúng ta cần gieo xuống nơi tâm hồn con trẻ những hạt giống của lòng bi mẫn, những hạt giống của *ý thức* về việc mỗi hành động của nó sẽ ảnh hưởng đến người khác như thế nào. Sức mạnh của sự quán chiếu và lòng từ bi sẽ không có được nếu đứa trẻ chỉ biết vâng theo lời của người lớn: “Con hãy biết quán chiếu, và hãy có lòng từ bi!” Những giá trị này chỉ có

thể có được qua gương của người khác, nhất là của cha mẹ đưa trẻ.

Đức Phật cũng dạy cho La Hầu La hãy xem xét sau khi làm một việc gì đó, nó có gây tổn hại gì không. Nếu có, thì phải đến gặp một người có tuệ giác và sám hối để tránh lặp lại lỗi lầm trong tương lai.

Cách hành xử của cha mẹ ảnh hưởng rất nhiều đến sự phát triển đạo đức của con trẻ: nếu cha mẹ cho con trẻ thấy được là nó có thể tin tưởng mình được, là mình chỉ muốn giúp cho con mình trưởng thành hơn là muốn trừng phạt con, thì con trẻ sẽ trở nên thành thật với cha mẹ của chúng hơn.



ĐỨC NHÃN NHỤC

Từ khi được đức Phật chỉ dạy, và lại thường được ở bên cạnh sư phụ Xá-lợi-phất, nhận được sự hướng dẫn của thầy, La-hầu-la tu tiến rất nhanh.

Khi đức Phật giảng kinh, Xá-lợi-phất đều dẫn La-hầu-la đi nghe. Khi Xá-lợi-phất tịnh tọa, La-hầu-la cũng tịnh tọa một bên, khi đi thuyết pháp giáo hóa, Xá-lợi-phất cũng dắt theo bên mình, dạy cho La-hầu-la những kinh nghiệm vì pháp, vì mọi người. Mỗi ngày khát thực xong, La-hầu-la lại theo sau Xá-lợi-phất, trong Tăng đoàn Tôn giả được xem như đức Phật thứ hai, thật là ân sư tôn quý của La-hầu-la.

Một hôm, La-hầu-la đi theo Xá-lợi-phất khát thực tại thành Vương Xá. Trên đường đi gặp một tên lưu manh, hắn lấy cát ném vào bát Xá-lợi-phất, và lấy gậy đánh trên đầu La-hầu-la.

La-hầu-la bị thương, máu nhỏ giọt xuống y. Tên lưu manh thấy vậy chẳng những không biết lỗi, còn chửi:

- Mấy lão trọc, chỉ biết đi xin ăn, cứ xưng là từ bi nhẫn nhục, ta đánh lố đầu mày, thử xem làm gì ta.

La-hầu-la lúc ấy mười tám tuổi, đã lộ vẻ tức giận căm gan, nhưng Xá-lợi-phất an ủi:

- La-hầu-la! Nếu thật là đệ tử Phật, cần phải có tinh thần nhẫn nhục, trong tâm không chứa niềm sân hận, phải đem lòng từ bi thương xót chúng sanh. Đức Phật thường dạy chúng ta, lúc vinh dự đừng sanh lòng cao húng, khi bị làm nhục cũng đừng oán hận. Này La-hầu-la! Nên điều phục tâm giận tức, giữ chắc nhẫn nại. Trên thế gian không có gì sánh bằng người có sức nhẫn mạnh mẽ, cõi trời cõi người, dù sức mạnh đến đâu cũng không hơn nhẫn nại.

La-hầu-la nghe Xá-lợi-phất khai thị, lẳng lặng đến bên ao nước, mặt nước soi rõ bóng dáng, La-hầu-la lấy tay khoát nước rửa sạch vết thương, xé một chút vải băng lại. Xá-lợi-phất theo dõi tình hình, trong lòng vừa an ổn vừa thương tình.

La-hầu-la nhăn nẻo, an nhiên theo Xá-lợi-phất, khát thực xong, trên đường về mới nói với thầy:

- Con nghĩ đến vết thương trên đầu, lúc ấy khó mà bỏ qua. Nhưng trên thế gian này sao lắm kẻ hung ác, đến đâu cũng gặp toàn những việc đáng chán. Con không giận đời, chỉ nghĩ đến cái cõi đời này nhiều người không biết điều. Đức Phật dạy chúng ta nên có lòng đại từ đại bi với họ, để mặc hạng người cuồng bạo nhục mạ chúng ta. Sa-môn Tỳ-kheo giữ hạnh nhẫn, chứa đức cao mà người cuồng ngu trở lại khinh chê, lại đi kính trọng mấy kẻ hung dữ độc ác. Đức Phật dạy chân lý từ bi, họ trở lại cho là hôi như xác chết, như trời mưa cam lồ mà loài chó hoang lại chỉ ưa đồ dơ bẩn, ưa những nơi hôi hám. Những chơn lý Phật dạy, những lời nói từ bi của Ngài mà đem nói với những hạng người hung dữ, không có chút căn lành ấy, chẳng có hiệu quả gì.

Đây là lần đầu tiên La-hầu-la đem việc tu hành và ý nghĩ của mình bày tỏ với sư phụ. Xá-lợi-phất nghe xong rất hoan hỷ, đem những lời

của La-hầu-la về bạch với Phật. Phật cũng rất vừa lòng, khen La-hầu-la ngày nay rất ngoan, đối với người hung ác nên có thái độ như thế, và cách nhìn đời cũng biết như vậy. Phật lại dạy thêm:

- Người không biết nhẫn, sẽ không tiếp thọ được Phật pháp, giận đời oán người là trái với pháp, xa chư Tăng, thường luân hồi trong đường ác. Hạnh nhẫn nhục mới là hạnh an ổn, mới có thể tiêu trừ tai nạn. Người Trí tuệ thấy được nhân quả sâu xa, khắc phục tâm sân hận, thường hành nhẫn nại. Tinh thần của Phật pháp, chân nghĩa của Phật pháp không giống như lối nhìn của người đời. Những gì thế gian cho là cao quý thì Phật pháp cho là hạ tiện, Phật pháp cho là tốt, là phải thì người đời không chịu làm theo. Trung không ưa nịnh, tà chẳng thích chánh, ác không thích đi chung với thiện. Người tham dục thì ghét người vô dục. Trong tình cảnh ấy, người tu hành chỉ có việc nhẫn nại. Nhẫn là duyên trợ đạo tốt nhất, có thể khiến người tu mau chứng Thánh quả. Nhẫn như thuyền bè trên sông biển, có thể

vượt qua mọi sóng gió, nhẫn là thuốc lành trị bệnh, cứu mạng sống cho người trong cơn nguy. Tu thành Chánh giác, vượt qua ba cõi, được trời người kính ngưỡng, vì tâm ta đủ sức an ổn, phải biết rằng đức nhẫn rất quý vậy.

Do nhân duyên La-hầu-la bị kẻ côn đồ vô cớ hành hung lỗ đầu, mà trong lúc tuổi trẻ máu nóng lại có thể nhẫn chịu như vậy, khiến sư phụ rất an tâm, đức Phật cũng mừng thầm và dẫn khởi đến đoạn thuyết pháp trên. Xá-lợi-phất nghe xong vô cùng cảm động, La-hầu-la cũng rơi lệ, lại càng cảm kích hơn.



THIỀN ĐỊNH

Lúc đó La Hầu La được 10 tuổi. Câu chuyện bắt đầu lúc hai cha con đang đi thiền hành. Trong lúc đi, La Hầu Ha chợt thấy hãnh diện về vẻ đẹp của mình, và Đức Phật đã đọc được tư tưởng đó.

Ngài nói với con: *“Nhìn bằng con mắt của tuệ giác, cái thân này không phải là tôi (me), không phải là của tôi (mine), không phải là tự ngã của tôi (myself).”* Rồi Đức Phật giảng tiếp: ta phải loại bỏ hết tất cả *tưởng, hành, thức* cũng như bất cứ ý niệm nào về *tôi, của tôi, và tự ngã của tôi*. Nghe những lời dạy này xong, La Hầu La cảm thấy hổ thẹn, lui về thiền viện, và không thiết gì đến việc ăn uống suốt ngày hôm đó.

Tôi cho rằng đây là sự dạy dỗ căn bản cho con trẻ. Tôi không thể tưởng tượng được bản thân tôi lúc 10 tuổi có thể hiểu được những lời Phật dạy như thế. Tôi nhớ lại, rất rõ ràng, rằng ở vào tuổi đó, đầu óc tôi chỉ toàn lo nghĩ đến diện mạo của tôi ra sao. Tôi thường nghe nói

rằng điều này rất là quan trọng cho tiến trình phát triển của các em về “cái tôi” và quá trình đi tìm kiếm bản thân mình. Có nên trách một em trai 14 tuổi về những ý tưởng phù du như vậy hay không? Có phải Đức Phật đã xen vào tiến trình phát triển bình thường của con trẻ, thay vì để chúng tự khám phá? Nếu không có hiểu biết về “cái tôi”, làm sao một thiếu niên có thể phát triển thành 1 người lớn với một tâm lý thăng bằng?

Tối hôm đó, sau khi bị Đức Phật quở trách, La Hâu La đến xin cha dạy cho mình phương pháp thiền quán hơi thở. Trước hết, Đức Phật dùng thí dụ để minh họa làm sao để buông xả trong lúc thiền định. Ngài dạy:

- “ Con phải thiền làm sao giống như đất vậy: đất không cảm thấy phiền vì bất cứ một thứ gì đổ lên đó. Vì vậy, nếu con tập thiền giống như đất, con sẽ không có cảm giác vui thích hay không vui thích về bất cứ một điều gì. Hãy tập thiền như nước, như lửa, như gió, và như không gian: tất cả đều không cảm thấy phiền bởi những cảm giác vui thích hay không vui

thích. Thực tập được như nước, như lửa, như gió, như không gian, tâm của con sẽ không còn vướng bận gì cả.”

Rồi, trước khi dạy cho La Hàu La phép quán niệm hơi thở, Đức Phật dạy cho con về quán *tâm từ* như là một phương thuốc giải độc trừ khử ác tâm, về *tâm bi* để vượt thắng sự tàn ác, về *tâm hỷ* để thuần phục những sự bất toại nguyện, và về *tâm xả* để ngăn chặn những bất an, thương ghét.

Sau đó, Ngài mới bắt đầu dạy cho con phép quán niệm hơi thở qua 16 giai đoạn. Những giai đoạn này chia làm 3 phần: a) tịnh tâm và thân; b) định tâm để nhận biết thân tâm và phát triển tuệ giác; và c) buông xả. Cuối cùng, Đức Phật lưu lại một dấu ấn đậm nét về giáo lý của Ngài với La Hàu La bằng cách nhấn mạnh rằng qua sự thực tập ý thức từng hơi thở của mình, ta sẽ có khả năng nhận biết hơi thở cuối cùng của mình vào giây phút cận tử một cách hoàn toàn bình thản.

Khi đọc về cách thức Đức Phật dạy con phép thở để nhận biết thân tâm của mình, tôi nhận thấy đó cũng là một phương pháp để xây dựng một khái niệm vững chắc về “cái tôi”. Tôi tự nghĩ, phải chăng các em thiếu niên ở thời đại ngày nay hay chấp vào "cái tôi" của mình và có nhiều ý niệm phân biệt mình với kẻ khác, là vì các em không cảm thấy thoải mái với chính bản thân mình và với người khác? Và cái chấp và sự phân biệt ấy sẽ không còn nữa nếu các em cảm thấy an vui được với chính mình cũng như thoải mái với người chung quanh.

Tuy nhiên, thiền quán hơi thở không chỉ ích lợi cho các em thiếu niên, mà nó còn là cuộc hành trình suốt đời. Đức Phật đã kết thúc bài giảng bằng cách chỉ cho La Hầu La thấy giá trị của việc tập quán niệm hơi thở như thế nào đối với giây phút cuối cùng của cuộc đời mình.



TUỆ GIÁC

La Hầu La đã dâng trọn thời niên thiếu của mình cho con đường đạt đến giác ngộ; trong một đoạn kinh, Ngài được xem là một nhà tu gương mẫu và tinh chuyên. Khi La Hầu La tròn 20 tuổi, Đức Phật biết rằng con trai của mình đã gần đến bờ giải thoát. Ngài đã làm một việc hết sức cảm động: Ngài đi bộ cùng với con vào sâu trong rừng. Ngồi dưới gốc một cây đại thụ già cỗi, Ngài đã hướng dẫn La Hầu La một cuộc pháp đàm rất kỹ về thuyết *vô ngã*. Đối với một người đã đạt đến trình độ tu tập cao như La Hầu La, thì những tư tưởng nằm sâu trong tiềm thức về cái *ngã* là chướng ngại cuối cùng của sự giải thoát. Ngồi nghe Đức Phật giảng, La Hầu La đã chứng đắc được tự tính vô ngã của vạn pháp, và đó chính là nấc thang cuối cùng giúp La Hầu La đạt đến sự giải thoát trọn vẹn.

Thuyết vô ngã của Đức Phật có thể khó hiểu. Người ta rất dễ ngộ nhận nó là một triết thuyết trừu tượng, mà không thấy được thực ra đó

chính là những lời dạy rất thực tế về việc làm thế nào để tìm thấy hạnh phúc bằng cách buông bỏ hết tất cả. Đối với tôi, việc Đức Phật dạy con về thuyết vô *ngã* trong rừng sâu rất cần thiết. Tôi thấy mình có cái nhìn khác khi ở giữa quang cảnh thiên nhiên so với khi ở giữa phố thị. Tôi nhận thấy cảm giác an lạc và thanh thoi mà thiên nhiên mang lại giúp mình dễ thoát ra được ý niệm về *ngã* hơn. Quán chiếu về sự buông xả trong khi đọc một cuốn sách về Phật pháp khi ngồi ở trong nhà rất là khác với khi mình ngồi dưới một gốc cây. Trong khi đọc bài pháp thứ ba này, tôi chiêm nghiệm được sự quan trọng của việc *biết mình* (tự tri) giữa khung cảnh thiên nhiên.

Ngày xưa, lúc La Hầu La bảy tuổi, đến xin với cha được thừa hưởng gia tài, Ngài đã không hề tưởng tượng được là 13 năm sau đó, Ngài đã được thừa hưởng một gia tài quý báu nhất mà một người làm cha mẹ có thể để lại cho con cái của mình. Trong Phật giáo, *giác ngộ* là hạnh phúc lớn lao nhất. Tôi ước mong con cái của tôi sẽ tìm thấy sự an lạc, thanh thoi, và an

lành trên con đường đi tới giải thoát. Và có lẽ, trên con đường trở thành người lớn, chúng cũng sẽ được dạy về *đạo đức*, *thiền định*, và *tuệ giác* như La Hàu La vậy.



PHẦN C – TIỀN THÂN ĐỨC PHẬT

NAI CỨU NGƯỜI

Trong thời quá khứ có con nai chúa thân hình mang bộ lông sắc vàng óng ánh. Trên đầu mỗi sợi lông là những hạt ngọc kim cương lóng lánh. Nai tự biết mình có thân hình đặc biệt hơn các nai khác. Đêm cũng như ngày từ trên thân nai phát ra ánh sáng như những vì sao trên nền trời đêm không trăng. Biết điều này dễ khiến cho người chú ý, dẫn đến hiểm nguy tánh mạng, nên nai chúa thường ẩn mình trong rừng sâu.

Tuy nai biết ẩn tránh như vậy, nhưng các thợ săn đã nhiều lần theo dõi tìm cách gài bẫy, giăng lưới, đào hầm, trét đồ ăn nơi thân cây, bỏ mồi trên cỏ để cố bắt cho được nai. Thừa biết điều bất trắc hiểm nguy đó, nai chúa đã khôn ngoan tránh né được tất cả những cạm bẫy. Nai chúa ở nơi nào cũng đều có một đoàn nai mạnh khỏe lanh lẹ tùy tùng hầu hạ. Vì vậy mà mỗi cử chỉ động tĩnh xung quanh liền được

báo tin mau lẹ để cho nai chúa kịp thời ẩn tránh.

Cuộc sống của nai chúa êm đềm phẳng lặng ngày tháng trôi qua trong khu rừng già tịch mịch, như thế trải cũng đã bao năm. Thế rồi, bỗng một hôm trời trong gió mát, khí trời ẩm áp sau những ngày mưa giông dữ dội, thì bỗng nhiên có tiếng thét thanh kêu cứu từ ghềnh đá thác nước ở ven rừng, làm phá tan sự yên tĩnh của sơn lâm u tịch bấy lâu nay. Tiếng kêu ré dứt quãng vang dội cả một góc trời: "Xin cứu tôi với! Nước cuốn trôi tôi! Bớ người ta ơi, xin cứu tôi với! Tôi sắp chết đuối rồi, xin cứu dùm tôi với ! ..." Tiếng thét la kêu cứu gấp rút nghe mà hãi hùng khiến phải rùng mình!

Thoạt nghe, nai chúa vảnh đứng đôi tai thì rõ biết đó là tiếng người đang chết đuối kêu la cầu cứu. Nai chúa liền hét lên một tiếng lớn rồi dậm đầu phóng nhanh về hướng có tiếng người kêu ơi ới cứu mạng. Thấy vậy, đoàn nai hầu cận cũng co giò cong đuôi phóng theo sau. Đến bên bờ thác, quả nhiên nhìn thấy một

người đang trôi lên hụp xuống bị cuốn trôi theo dòng thác lũ bạc đầu cuộn cuộn chảy. Người này đã đuối sức bắt lực buông tay theo dòng nước. Nai chúa nhanh như chớp, phóng mình ra giữa dòng nước lũ, cố lấy hết sức mang gã thợ săn đã mệt lả bất tỉnh sắp chết chìm kia để lên trên lưng đưa vào bờ. Rồi nai chúa liếm mặt mũi kẻ kia cho tỉnh lại.

Gã thợ săn được nai chúa đưa vào bờ, sau một hồi lấy lại hơi thở bình thường, hoàn hồn tỉnh táo, nhìn thấy thân thể nai chúa đầy hạt châu báu kim cương, sắc vàng lóng lánh. Không dấu được nổi ngạc nhiên, gã đem lòng hâm mộ, kính ngưỡng chấp hai tay bái xá nai chúa lia lịa, để bày tỏ ơn cứu sống. Gã lẩm bẩm nói: "Thưa ngài, ơn cứu sống của ngài, tôi không biết lấy gì đền đáp. Tôi nguyện đời ghi mãi nơi lòng. Sau này có việc chi cần đến tôi, bất cứ lúc nào, xin ngài cứ kêu lên một tiếng là tôi sẵn sàng tuân mạng phục dịch theo ý ngài".

Nai chúa nói: "Tôi không mong trả ơn. Tôi chỉ mong ông một điều mà thôi, là đừng nói cho ai

biết tôi đang ở khu rừng này. Như vậy là ông đã trả ơn tôi rồi. Chúng tôi sống trong khu rừng này bấy lâu nay, ngày ngày thông dong hưởng thanh khí thiên nhiên, ăn lá cây hoa cỏ, uống nước suối nguồn, nghe gió reo từ đồi cây ngọn núi, nói lời chân thật. Chúng tôi sợ loài người các ông lắm! Xin ông khi rời nơi đây làm ơn đừng nhớ đến tôi, quên khu rừng già này, ấy là tôi an tâm, là vạn phước lắm rồi". Nói xong, nai chúa dẫn đàn nai tụt tụt mau lẹ phóng nhanh biến dạng vào rừng sâu. Gã thợ săn kia đứng nhìn theo ngỡ ngác, man mác trong lòng nỗi tiếc nuối, nai đã mất dạng sau đám cây rừng.

Gã thợ săn về nhà kể lại cho vợ con nghe tự sự đầu đuôi câu chuyện trượt chân té xuống dòng thác lũ, được nai chúa cứu sống. Nai chúa lông vàng óng ánh, thân hình đầy ngọc ngà châu báu kim cương rực rỡ v.v... Vừa kể, gã thợ săn vừa vò tay xuýt xoa khâm phục nai quý. Vợ con gã say sưa nghe, vừa kinh hoàng, vừa ngạc nhiên, vừa mừng, vừa thích thú như chuyện thần tiên.

Sau đó chẳng bao lâu, lệnh triều đình truyền rao về sự nằm mộng của hoàng hậu. Hoàng hậu của vua xứ đó thường nằm chiêm bao thấy một con nai vàng mình đầy ngọc ngà chói sáng, ngồi trên tòa dùm tiếng người thuyết pháp. Điềm chiêm bao này xảy đến với bà liên tiếp suốt mấy tháng trời. Hoàng hậu thầm mơ ước được nai quý. Niềm ao ước khiến cho bà tương tư, rồi ngày biếng ăn, đêm trần trọc chập chờn giấc ngủ. Vào một ngày nọ, nhân khi nhà vua đến âu yếm, hoàng hậu thừa lúc vua thân thiết ân tình, liền đem chuyện mình nằm mộng thuật lại cho vua nghe, và khuyên vua nên tìm cách bắt con nai này thả trong vườn ngự uyển, trước để làm tăng thêm giá trị bảo vật của quốc gia, sau là để cho vua và hoàng hậu ngày ngày thưởng ngoạn.

Nghe xong, nhà vua đồng ý chiều theo để đẹp lòng hoàng hậu. Đồng thời cũng để làm tăng thêm cái giá trị đặc biệt của quốc triều. Sáng hôm sau, nhà vua truyền lệnh: "Ai bắt được con nai chúa lông sắc vàng óng ánh, trên mình đầy châu báu đem dâng thì sẽ được trọng

thường ngàn lượng vàng, và cất cho một huyện để trọn quyền cai trị cùng với mười mỹ nữ trẻ đẹp làm thê thiếp hầu hạ. Hoặc ai biết chỗ nai chúa ở mà dẫn chỉ cho vua cũng được trọng thưởng bằng nhau".

Khi lệnh vua được truyền ra nhân gian, các chàng thanh niên, các thợ săn háng hái thi nhau đi tìm bắt nai chúa, những mong để được trọng thưởng. Riêng gã thợ săn được nai chúa cứu sống, khi nghe nhà vua treo giải thưởng đặc biệt to lớn như vậy, lòng cảm thấy xao xuyến giao động, cộng thêm bên cạnh, vợ gã cứ lân la thủ thỉ nỉ non đêm vắng tình dài xúi dục: "Anh ơi! Đây là dịp may ngàn năm một thuở, không còn có cơ hội nào tốt hơn nữa. Giàu sang danh vọng đã kề tay mà anh không nắm lấy, cứ nhẩn tâm để cho vợ con mãi mãi sống trong cảnh nghèo nàn đến thế này sao!? Ông nghĩ cái giống gì? Đồ cái loài thú vật mà cũng bận tâm ơn với nghĩa!? Đàn ông chi mà nhu nhược ngu đần quá thế trời ơi!"

Tiếng khóc than của người vợ trẻ mỗi lúc mỗi nỉ non thống thiết làm cho anh chàng thợ săn

sốt ruột khó xử. Trong tâm trí của gã còn hiện rõ cử chỉ hiền từ, lời nói thành khẩn thiết tha của nai chúa: "Xin ông đừng nói cho ai biết, tôi ở chốn rừng này. Ông hãy quên tôi, ấy là ông trả ơn tôi rồi đó. Tôi sợ lòng dạ con người lắm"

Nhưng liền ngay đó, hình ảnh giàu sang phú quý vua ban cứ mỗi lúc lại sôi động trong trí óc của anh như nước sôi sùng sục, làm mờ lý trí. Lại thêm cô vợ bên cạnh cứ nỉ non thúc dục, làm cho lương tâm anh mỗi lúc một mờ dần như ngọn đèn cạn dầu trước gió, để nhường lại lòng tham tiền của giàu sang vinh hoa phú quý lấn át ngự trị. Không còn giữ được thái độ sáng suốt bình thản nữa. Một ngày nọ, anh lẻ làng tìm vào hoàng cung tâu vua.

Trước triều đình lộng lẫy uy nghiêm, vua và đình thần cân đai áo mào uy phong凛冽, mà từ trước tới giờ chưa một lần nào thấy qua, khiến anh quá khiếp sợ. Đối trước cảnh tượng uy nghiêm của triều đình, hình dáng anh càng lúng túng mất tự nhiên, áo quần không tươm tất, mặt mũi thất sắc lộ vẻ sợ hãi, làm cho nhà vua đem lòng ngờ vực. Sợ vua không

tin, anh nói: "Muôn tâu Bệ-hạ, nếu bản dân không chỉ ra được chỗ nai chúa ở, thì xin đem cái đầu này ra đền tội".

Nhà vua nghe giọng nói run run của anh quả quyết như thế, liền ra lệnh cho quân lính chuẩn bị ngựa xe lên đường theo sự hướng dẫn của anh. Còn đích thân nhà vua dẫn đoàn quân đặc biệt tiếp cận. Khi đến khu rừng già, nhà vua ra lệnh cho quân lính phân ra đội ngũ cẩn mật bao vây lấy cả khu rừng. Còn chính nhà vua và đoàn tùy tùng hùng hậu, đi theo sự hướng dẫn của gã thợ săn. Dọc theo dòng suối, lần sâu vào rừng già âm u một hồi lâu, bỗng xa xa có ánh sáng lấp lánh như sao đêm, gã thợ săn ra hiệu, mọi người nằm sát mặt đất im lặng rình xem động tĩnh. Nai chúa như linh cảm biết có sự chẳng lành xảy đến, quát to một tiếng, các nai cận vệ co giò tháo chạy chỉ còn lại mình nai chúa đứng yên một chỗ, hướng mắt nhìn về đám người sát dấu thân dưới cây lá.

Gã thợ săn đưa tay chỉ nai chúa, tâu nhỏ với vua rằng: "Tâu Bệ-hạ, con nai chúa mình đây

châu ngọc kia đó kia! Nó đang nhìn về chúng ta đấy! Xin Bệ-hạ ra lệnh gấp kéo nó chạy mất!"

Nhà vua lẹ như chớp lấp tên dương cung bắn nai. Tuy nhiên, vì vội vàng, mũi tên không trúng nai. Nai chúa biết mình nguy khốn đến nơi không còn cách nào trốn thoát được, liền cúi đầu quỳ mọp kêu lớn: "Muôn tâu Bệ-hạ dừng tay! Vì tôi mà Bệ-hạ phải cực nhọc long thể ngự giá đến chốn rừng sâu âm u này. Để đền tội làm phiền lòng Bệ-hạ, nay tôi xin vui vẻ nạp mạng, để khỏi phiền nhọc đến long thể. Nhưng trước khi chết, cho tôi được xin hỏi một điều là, ai chỉ cho Bệ-hạ biết tôi ở chốn này?"

Nhà vua chỉ tay vào gã thợ săn.

Nai chúa hướng về gã thợ săn với giọng thống thiết nói: "Ta đã sống ẩn cư nơi chốn rừng sâu an ổn tự bấy lâu. Nhưng nào có ngờ đâu, vì lòng từ bi thương xót cứu mạng sống cho người, mà ngày nay ta phải mang họa vào thân đến nông nỗi này! Ta đã biết lòng người phản trắc, cứu hơn hơn trả oán. Nên trước

đây, khi đôi ta chia tay, ta đã khẩn thiết van xin người một điều: Đừng cho ai biết ta ở chốn này. Từ lâu ta sống xa cách thế hơn, nào ngờ hôm nay vì cứu sống nhà người mà ta phải nhận lấy hậu quả bi thảm như thế này!"

Trước thái độ hiền hòa thống trách của nai, nhà vua nghe lấy làm lạ, liền hạ cung xuống hỏi đầu đuôi câu chuyện. Nai kể hết sự tình đã xảy ra, khiến cho nhà vua và quần thần xót xa cảm động. Nghe nai của nói xong, sắc mặt nhà vua trở nên nghiêm nghị, xoay lại hỏi gã thợ săn: "Có đúng như thế không? Người phải nói thật, bằng không sẽ bị mất đầu ngay bây giờ".

Gã thợ săn run sợ quỳ thưa: "Muôn tâu Bệ-hạ, quả đúng như thế".

Vua vừa xấu hổ với nai, vì nghĩ rằng loài người quá ư tệ bạc thua cả loài thú. Đồng thời, vừa giận ghét khinh bỉ gã thợ săn kia là kẻ vong ân bội nghĩa ơn cứu sống, nên định dương cung bắn gã thợ săn một phát cho rồi đời. Nhưng nai chúa mau lẹ nhảy đến trước vua lay mọp xin tha sống cho gã.

Trước nghĩa cử nhân từ quân tử của nai chúa, nhà vua vô cùng cảm phục đức tánh từ bi nhân hậu nhẫn nhục của con thú vật, nên đã ra lệnh cho quân hầu sửa soạn chiếc xe đặc biệt để đưa nai về cung.

Trước khi lên xe về cung, nai lại một lần nữa quỳ mọp khẩn khoản xin vua một điều, là mong nhà vua lấy đức hiền hòa khoan hậu để an dân trị quốc. Nếu nhà vua hứa làm được như vậy, thì nai mới theo vua về triều. Bằng không, xin vua mở lượng hải hà cho nai ở lại chốn rừng già để tiếp tục sống cuộc đời ẩn dật, hoặc chết ngay tại chỗ cũng cam lòng. Nghe qua những lời nhân hậu phát xuất từ miệng của một con thú vật, khiến cho lòng vua và đoàn tùy tùng tướng sĩ vô cùng xúc động cảm phục, nên nhà vua đã hứa khả với nai. Lúc ấy, nai mới chịu lên xe về triều.

Về đến hoàng cung, hoàng thân quốc thích, văn võ bá quan triều thần, ai nhìn thấy hình thể của nai cũng đều cảm mến ngưỡng mộ.

Riêng vua và hoàng hậu từ ngày có nai nơi vườn ngự uyển, lòng cảm thấy thoải mái hơn, đối đãi với bá quan trong triều cũng như đối với hoàng thân quốc thích và dân chúng hết sức là rộng lượng cởi mở hơn trước. Ngày ngày mọi người ra nhìn nai, ai nấy cũng cảm thấy trong lòng thanh thản vui vui, tự nhiên muốn phát tâm ăn ở hiền lành, tinh tấn tu tâm dưỡng tánh.

Cũng từ ngày có nai chúa trong vườn ngự uyển, cứ ba năm vào khoảng cuối xuân đầu hạ, khi hoa lá đua nhau trở màu, dưới đầm hoa sen chớm nở, nhà vua lệnh mở hết cửa thành để cho dân chúng vào xem nai và thưởng ngoạn đền đài phong cảnh hoàng cung. Thấy vua không còn đóng kín hoàng thành như trước, nên dân chúng cảm thấy vua cùng với trăm họ dân gian gần gũi không cách biệt xa lạ nữa. Ai nấy đều khắp khởi vui mừng. Nhờ đức của vua và hoàng hậu biết tu, nhân dân cũng theo gương đó mà ăn ở hiền lành, nên cuộc sống của muôn dân trăm họ được thêm phần an cư lạc nghiệp.

Nói đến đây, đức Phật xoay lại gọi A-Nan mà bảo rằng: "Gã thợ săn kia chính là tiền thân của Đề-Bà Đạt-Đa. Nhà vua chính là tiền thân của A-Nan ông đấy. Còn nai chúa có thân hình đầy châu ngọc chính là tiền thân của Như-Lai ta đây. Bởi do một kiếp xa xưa ta vụng tu mà phải sa đọa làm thân nai. Tuy bị đọa làm thân nai, nhưng lòng ta vẫn giữ mãi tu BỒ-TÁT hạnh. Do nhiều kiếp tu BỒ-TÁT hạnh tích lũy công đức, mà ngày hôm nay ta đạt thành đạo quả Vô-thượng Bồ-đề.

Bài học: Trong cuộc sống, cần phải biết giúp người khi gặp khó khăn, giống như nai chúa vậy. Người được giúp cần phải biết ơn và trả ơn, chứ không nên vô ơn bội nghĩa như người thợ săn trong câu chuyện này.



VƯỜN NAI

Vào một thuở xa xưa, tại thành Ba La Nại nước Ấn Độ, có một khu rừng xanh tốt, rậm rạp. Một đàn nai quy tụ lại đó sinh sống. Lúc mới di cư đến chúng không khỏi phập phồng lo sợ, mỗi ngày chúng phải cắt phân nhau canh phòng, nếu có nguy hại thì lo tìm đường tẩu thoát, nhưng dần dần dọ dẫm, một ngày, hai ngày, một tháng, hai tháng cho đến cả năm vẫn không thấy dấu hiệu gì điềm chỉ một tai biến có thể xảy ra, nên chúng yên lòng sinh sống một cách hiền lành thanh thản, vui vẻ. Nhưng một việc đáng buồn đã xảy ra giữa chúng. Một con nai nay tánh kiêu hãnh, hẹp hòi, nổi máu háo danh đòi lên làm chúa đầu đàn, song lạ lùng gì tư cách, tài năng và tâm địa của hấn, ai mà tôn hấn làm chúa đầu đàn?

Chẳng kể phải quấy, dư luận, con nào theo hay không theo, hấn vẫn mang râu đội mũ xưng là nai chúa đầu đàn. Rồi bằng những mảnh khoé dỏ dành, mua chuộc, van lơn dần dần hấn cũng lôi được một số nai nhẹ dạ theo

hắn. Thế là đàn nai thuần nhất khi mới đến, bây giờ bị chia ra làm hai. Tuy vậy chúng vẫn sống lẫn lộn với nhau trong khu rừng đó. Năm này qua năm khác, chúng sống và tiếp tục sinh sôi nảy nở, mới đó mà bây giờ mỗi đàn của chúng đều có tới năm trăm con. Chúng sống ở đây như vậy đã không biết bao nhiêu ngày rồi mà chẳng có điều gì tai biến, nên tâm hồn chúng trở nên giản dị vô tư. Chúng tưởng mọi loài, mọi vật chung quanh cũng đều như chúng nên không đề phòng. Không ngờ, trong khi đó, ông vua Phạm Đạt Đa ở thành Ba La Nại đã nghe tin đồn về chúng, ông lập tâm để dành một ngày dò biết chúng tập trung về đó đủ cả, ông sẽ kéo quân đến vây bắt hết để làm thịt.

Sớm nọ khi ông biết rõ tình hình đàn nai đã quy tụ như ý ông chờ đợi, ông cất quân đến bao vây. Cả đàn nai đều không để ý. Lúc đầu tưởng người ta đi chơi hay làm việc gì, không dè vòng vây mỗi lúc một thắt chặt, nhìn phía nào cũng thấy toàn gươm giáo, cung tên, chúng hoảng hốt lên, con này chạy báo con kia, hoang mang nhốn nháo, sợ hãi, khủng

kiếp tràn lan, bỗng chốc khu rừng, tổ ấm an lành của chúng trở thành khu rừng lửa, phen này đàn phải chết hết không còn cách gì thoát khỏi.

Quả vậy, vua đã ra lệnh vây chặt khu rừng rồi châm lửa đốt để bắt thịt lớn bé một lần. Trước cảnh nguy biến cấp bách ấy, một con nai chúa đầu đàn vốn thông minh nhân từ được tôn trọng ngay từ đầu, dũng dạc đứng lên tuyên bố cho cả hai đàn nai biết, nó sẽ đi thẳng tới vua, trình bày ý kiến xin hoãn sự chết cho cả đàn và tưởng thế nào cũng được nhà vua chấp thuận. Khi nghe qua lời tuyên bố, ngoại trừ con nai đầu đàn kiêu hãnh, vì tự ái không biểu lộ vẻ hân hoan, còn con nào con nấy đều sáng cả con mắt lên, lấy lại sự bình tĩnh để chờ đợi. Nai chúa nhân từ một mình mạo hiểm ra đi.

Khi trông thấy nó, thì bao nhiêu mũi tên, giáo mác châu lại. Nhưng, “Ồ! Con nai này hình thù đẹp quá, để bắt sống, chớ bắn, chớ giết”. Nghe một người trong đám quân nói vậy, các người khác hưởng ứng theo, con nai khỏi bị

chết, nhưng đã lọt vào tay đám quân. Nó xin đưa trước mặt nhà vua. Vừa đến nó liền quỳ xuống trình bày:

- “Thưa nhà vua, hôm nay nhà vua hạ lệnh vây đốt rừng để bắt chúng tôi làm thịt, dầu biết mạng sống đã nằm trên dao thớt, chúng tôi không trái lệnh, song thiết nghĩ đàn chúng tôi có tới một ngàn con, nếu chúng tôi phải chết một lần để làm món ngự thiện, thì nhà vua cũng chỉ dùng được đôi ba ngày đầu, đến ngày thứ tư, thứ năm chắc thịt chúng tôi sẽ bị sinh thúi ắt phải đổ đi, sau đó nhà vua muốn dùng thịt chúng tôi nữa cũng khó lòng. Vậy điều hay nhất, chúng tôi xin hứa mỗi ngày tự đem thân đến nạp nhà vua một con để nhà vua làm thịt, như vậy món ngự thiện được tươi tắn, ngon lành mà chúng tôi cũng sống thêm được ít lúc, khỏi bị chết một cách oan uổng vô dụng”.

Nhà vua nghe xong tám tấc khen chí lý, liền truyền lệnh cho nai lui về và không quên dặn phải giữ lời hứa, và hạ lệnh giải vây, kéo quân về. Khi ấy ông liền yết lệnh cho toàn dân biết

không ai được phép xâm phạm khu rừng bắt nai. Nếu ai thấy nai đi về phố thì phải dẫn đến cung vua, không được phá phách, ngăn chặn hay bắt giết. Còn đàn nai thì lo sắp đặt thứ tự đi nạp mình. Sáng này một con nai xấu số bị thui trên lửa. Sáng nọ lại một con nai xấu số khác bị đưa vào cỗ ăn của nhà vua.

Ăn thịt nai vài ba hôm, nhà vua lại hạ lệnh cho hoãn 10, 15 ngày lại tiếp tục con nai khác đến nạp mạng. Lần này đến phiên một con nai đang chữa, nó đến trước nai đầu đàn kiêu hãnh của nó van xin cho nó đi phiên sau, bây giờ chọn con nai khác đi thay, viện lẽ nó sắp sinh. Đến phiên nó nạp mạng nó không có tránh né, đưa đẩy kêu oan, nhưng nghĩ đưa con trong bụng sắp sinh, chưa đến phiên mà phải bị chết thì rất tội, chi bằng cho nó sinh xong, nó sẽ đi nạp mạng. Nhưng con nai đầu đàn kiêu hãnh khư khư không chịu, nộ nạt mắng nhiếc: “Mày không đi, đây ai đại gì đi chết thế cho mày”. Con nai chữa ríu ríu ra về tìm đến nai chúa nhân từ ở đàn nai kia cầu khẩn. Vừa nghe qua, nai chúa nhân từ chấp

nhận liền. Nó suy nghĩ chọn con nào đi thay thế bây giờ để gì đã có, thôi ta hãy đi nạp mạng, nếu không thì tức khắc chết rụi hết cả đám, nó liền bình tĩnh ra đi. Khi vừa đến phố thì mọi người xúm lại chỉ trỏ, trầm trồ: “Con nai đẹp quá!”. Có người muốn chặn lại, nhưng nhớ lệnh nhà vua nên tức tốc đưa nó đến cung đình.

Vừa thấy nó nhà vua ngạc nhiên hỏi: “Nay tới phiên ngươi sao?” Nai chúa nhân từ đáp: “Không phải” và trình bày đầy đủ lý do mà nó đi nạp mạng sớm như vậy. Nhà vua nghe xong liền đổi ra dáng đăm chiêu nghĩ ngợi: “Không ngờ, không ngờ, trong loài thú mà có con nai đầu đàn này vừa thông minh, vừa nhân từ đại độ, vừa can đảm thành tín như vậy. Nó là chúa đầu đàn của chúng nó, nó biết thương yêu đùm bọc, biết can đảm hy sinh cho sự sinh tồn của đàn nó như vậy. Còn ta, ta là người, là chúa đầu đàn của một đám thần dân rộng lớn, ta có bằng nó không? Liệu khi thần dân ta bị bao vây sát hại, ta có đủ trí lực thông minh, nhân từ, can đảm để đối phó với sự nguy hiểm

như nó không? Có lẽ ta sẽ không bằng! Không bằng! Nếu bây giờ ta chỉ nghĩ đến một chút khoái khẩu trong giây lát mà giết nó, thì khác nào ta tự chôn vùi lương tâm sâu thêm một từng nữa. Ta giết nó tức là ta giết một đạo lý sống cao thượng, giết một tình thương rộng lớn, một lòng quả cảm hy sinh, tức là giết hết những gì cao quý nhất của cuộc đời. Ôi! Nếu cuộc đời không từ bi, thiếu trí tuệ, không dũng cảm, chỉ là cuộc đời trống rỗng tối tăm, ta còn mặt mũi nào để xưng mình là một ông vua trong loài người ở trên chúng nó”.

Con nai chúa nhân từ vẫn đương quỳ yên đợi lệnh, nhà vua sau một hồi chìm đắm trong ý nghĩ miên man, vụt ngồi thẳng mình, lộ vẻ hân hoan như vừa tìm ra chân lý, ông dùng hết lời ca ngợi nai chúa, hạ lệnh đưa nó trả về rừng và truyền cho toàn dân từ nay không ai được phép xâm phạm đến khu rừng, cũng như không ai được phép phá nai, bắt nai, giết nai làm thịt. Từ nay đàn nai trở lại đời sống yên lành như trước dưới sự thương yêu chăm sóc của nai chúa sáng suốt nhân từ (một tiền thân

của Đức Phật) và cũng từ đây khu rừng này mang tên là Rừng Nai hay Lộc Uyển.

Lúc Đức Phật ra đời, Vườn Nai này lại một lần đặc biệt nổi tiếng, trở thành một trong bốn chỗ động tâm của Phật giáo. Vì sau khi Đức Phật thành đạo, Ngài liền tìm đến năm ông đạo sĩ nhóm Kiều Trần Như đang tu tại Vườn Nai để chuyển bánh xe pháp lần đầu tiên cho họ nghe.

Bài học: Muốn là người lãnh đạo tốt, cần phải học hạnh của nai chúa trong câu chuyện. Đó là, cần phải biết thương yêu, đùm bọc, biết hy sinh cho sự tồn tại của tập thể.



CHIẾC CẦU MUÔN THUỞ

Đây là một khu rừng xanh tươi trong dãy núi Hy Mã Lạp Sơn, lòng sông Hằng từ ngàn cao đổ về, chậm chậm chảy như muốn nghỉ ngơi sau khi đã vượt qua nhiều đoạn thác ghềnh.

Bên bờ sông phía Nam, vượt lên trên muôn ngàn cây lá xanh tốt, có một cây xoài khổng lồ. Thân cây vút tận trời. Cành xoài đâm ngang che cả một vùng trời rộng lớn. Nhiều nhánh ngã ngang trên giong sông, soi hình xuống đáy nước, trái xoài mập mạp, to trĩu cả cây.

Cây xoài là nơi tụ họp của một đoàn vợ chồng đông đúc. Tám ngàn con, chúng họp thành một quốc gia hân hoi đứng đầu là một vợ chồng chúa, thân hình cao đẹp, sức khỏe phi thường. Nguồn lợi thiên nhiên đủ cung cấp cho toàn đoàn lương thực trong suốt cả một mùa. Nhưng phải cẩn thận, không được để trái nào chín tới, phải ăn quả lúc còn xanh. Đó là lệnh của vợ chồng chúa biết lo xa, và bày vợ chồng ngoan làm theo.

Một hôm, một điều không may xảy đến. Một trái xoài che khuất bởi một tổ kiến to, dần dà chín mùi, chín mùi, rơi xuống dòng sông. Trái xoài bị nước cuốn đi, trôi dạt vào bể bơi của vua xứ Ba La Nại vừa đúng lúc nhà vua đang tắm. Trái xoài to một cách khác thường, mập mập và thơm tho. Nhà vua bèn vớ nhặt lên bóc ra ăn thử, ngài không đợi ý kiến của viên cận thần. Chưa khi nào vua được ăn một trái cây ngon như thế.

Thế là sau đó, các người thợ rừng được gọi đến hỏi ý kiến. Mọi người đều trả lời là họ chưa thấy cây xoài nào trái to như vậy. Nhưng nhà vua đã quyết định sẽ tìm cho kỳ được cây xoài quý giá kia. Và ngày hôm sau cả một đội binh thuyền được huy động để vượt dòng sông, họ chuẩn bị rất nhiều lương thực, quyết dừng lại khi nào đến được dưới gốc xoài.

Sau ba ngày đường, một buổi chiều kia, người ta tìm thấy trên một triền núi xa, một cây xoài cao lớn. Tin vui mừng truyền đi rất nhanh. Cánh tay được chuyền thêm sức mạnh. Người ta chèo suốt đêm ấy và cả ngày hôm sau.

Đến chiều người ta đã gần đến được dưới cây xoài. Không thể tả hết nỗi ngạc nhiên của quân binh và vua quan. Họ chưa bao giờ thấy một cây to như thế. Đứng trước cảnh núi non hùng vĩ, con người thấy mình bé nhỏ quá. Ai nấy đều có ít nhiều lo ngại. Mà hình như trên cây có những con vật đang chuyển động. Không phải một vài chục, một vài trăm mà hàng ngàn. Đoàn thuyền đến gần. Người ta nhận ra đó là một thế giới vượn đang chiếm cứ cả cây xoài và sinh sống ở đấy. Nhà vua đứng ở mũi thuyền cũng vừa nghiệm thấy như thế. Quả là một sự khinh mạn lớn vì tất cả những trái xoài ngon từ trước đến giờ đều bị loài vượn đáng ghét kia ăn trước hết cả. Lệnh truyền ra cho tất cả quân lính phải bao vây chặt chẽ, và chuẩn bị sẵn sàng cung tên chờ ngày mai, khi mặt trời trở dậy, bắt đầu tàn sát tất cả đoàn vượn kia!

Về phía đoàn vượn, tất cả đều tỏ vẻ hoảng sợ. Chúng đoán biết có một tai nạn không tiền khoáng hậu sẽ xảy đến với chúng, mặc dầu vượn chúa đã tìm cách làm an lòng.

Trong đêm ấy, vượn chúa bắn khoăn nát óc nghĩ cách cứu đoàn. Rồi thành linh, vượn chúa vụt trèo ra đầu cành ngã sang sông. Từ đây qua bờ bên kia còn xa lắm. Sông rộng, nước sâu khó có một con vượn nào có thể thoát được sang ngã này. Bỗng vượn chúa nhún mình lấy hết sức mạnh, đánh một cái nhảy sang bên kia bờ. Rồi vượn chúa đi tìm những sợi mây dài, nối liền lại và loay hoay cột một đầu dây vào thân cây, còn đầu dây kia cột vào thân mình, xong xuôi, vượn chúa lại lấy hết sức để nhảy trở về cây xoài. Vượn chúa định làm một chiếc cầu bằng dây để cứu thoát cho cả đoàn mình chuyển sang bên kia bờ. Nhưng, nguy thay! Sợi dây bị hụt đoạn chừng một sải tay và vừa đúng khi hai tay vượn chúa nắm được cành xoài đâm ra sông là sợi dây vừa căng thẳng, kéo chân vượn ra phía sau. Không còn có thể chậm trễ một giây lát nữa. Tám ngàn vượn phải chuyền sang sông đêm nay. Cho nên vượn chúa nằm ngay trong thế đó, hai tay vượn nắm kỹ nhánh xoài, chân vượn nối dài thêm sợi dây để làm cầu, vượn

chúa ra lệnh cho toàn đoàn qua sông. Bầy vượn ngàn ngừ. Phải bước lên mình vượn chúa? Phải chuyền mình trên sợi dây đang kéo nặng thân vượn chúa? Trước sự đau lòng ấy, nhiều con đã nức nở, chảy nước mắt. Nhưng không còn chậm trễ được. Hoặc xót thương để ngày mai phải tiêu diệt cả? Hoặc phải cứu sống cả đoàn.

Và lệnh được lập lại một lần nữa trước sự cương quyết của vượn chúa. Bầy vượn chuyền sang sông. Con nào con nấy đều có sức đi thật nhẹ nhàng. Chúng cảm thấy như đang dầy vò lên một cái gì quý, một trái tim đã hết mức hy sinh cho chúng.

Vượn chúa đã ngắt đi nhiều lần, nhưng lại cố trấn tĩnh ngay để nắm vững thân cây. Bầy vượn qua gần hết. Con vượt qua cuối cùng là con vượn Devadatta. Đây là con vượn xấu xa nhất, đã nhiều lần tỏ lòng ganh ghét vượn chúa và tìm cách ám hại. Nó cho là cơ hội đã đến. Nó nhảy mạnh lên mình vượn chúa với tất cả sức mạnh của nó và nhún thật mạnh trên cầu dây. Vượn chúa tưởng chừng như

dập cả buồng gan, nhưng vẫn cố ráng sức nắm chặt thân cây để nó sang sông được an toàn. Rồi vượn chúa mệt lả đi. Qua bên kia bờ sông, con vượn Devadatta quay nhìn lại. Trong ánh mờ của ngày sắp dậy, nó thấy thân hình vượn chúa lông lá phờ phạc, im không cử động. Tự nhiên nó cúi mặt xuống, rọi hai hàng lệ nóng, nó hối hận, nó cảm phục đức độ bao dung của vượn chúa.

Sáng hôm sau, vua Ba Tư Nại truyền tiến quân. Nhưng một ngạc nhiên lớn! Toàn thể bầy vượn đông đảo đang đêm đã trốn đi ngã nào hết. Quan quân đang đứng dưới gốc cây xoài. Người ta nhìn lên. Cảnh tượng thật là cảm động. Một con vượn to lớn khác thường đang nối mình với một sợi dây to bắt từ bên này sang bên kia bờ sông. Vượn nằm im không cử động, hình như mệt ngất đi. Theo nhiều người thợ săn cho biết thì đây là con vượn đầu đàn. Lúc bấy giờ nhà vua rõ đầu đuôi. Thì ra con vượn đầu đàn đã lấy thân mình nối thành cầu để cứu thoát cho cả bầy của mình. Vượn đầu đàn đã nêu gương hy sinh cao cả

làm nhà vua cảm phục lắm. Ngài đột nhiên tỉnh ngộ, nghĩ đến việc làm ích kỷ và thấp hèn của mình: Chỉ vì muốn có những trái xoài ngon ngọt mà ngài đã dùng uy quyền huy động nhiều người đến đây. Chỉ vì một ý muốn tầm thường nếu không muốn nói là sai lầm, một sự tức giận nhỏ nhen mà ngài suýt gây nên một sự tàn sát thảm khốc. Rồi ngài quay sang bọn thợ săn đang đứng yên, không còn hăm hờ giết hại như trước. Ngài nói to để chỉ cho họ một bài học và lập tức truyền lệnh lui quân, sau khi đã sai đưa vợ con chúa xuống và tự tay ngài vuốt ve săn sóc cho vợ con chúa tỉnh lại.

Vợ con chúa đã nêu lòng hy sinh cao cả để cứu đoàn một cách cảm động trên đây, chính là tiền thân Đức Phật Thích Ca.

Bài học: Muốn là người lãnh đạo tốt, cần phải học hạnh của vợ con chúa trong câu chuyện, phải biết quên mình để lo cho sự an vui của tập thể, biết hy sinh để cứu sống bầy đàn.

CON KHỈ NHÂN TỪ

Đời xưa, có một con khỉ lớn, sức lực mạnh mẽ, trí não thông minh và lòng nhân từ của nó chưa chán người đã bì kịp. Nó đi khắp cả rừng này, núi nọ để cứu giúp những kẻ gặp cơn hoạn nạn.

Một hôm, đang ngồi ăn trái ở trên cây, nó nghe tiếng than khóc ở trong hang đá đưa ra. Ngạc nhiên nó nhảy đến nhìn xuống, thì ra một người bị rơi xuống đáy mà chẳng có đường lên. Nó tìm lối xuống hang rồi nói rằng: "Anh kia, anh đừng sợ hãi. Tôi xuống để cứu anh đây. Anh cứ leo lên lưng để tôi cõng anh ra".

Người bị nạn trong lòng sợ hãi, nhưng cũng liều trèo lên lưng khỉ.. Khỉ lần mò vịn từng cành cây khớp đá, cố đem hết sức lực mới ra khỏi hang. Cả hai cùng mừng rỡ nhưng vì quá mệt mỏi, phải nằm lăn trên thảm cỏ xanh, dưới một bóng cây to để nghỉ cho lại sức. Gió hiu hiu đưa người và khỉ vào giấc ngủ say. Khi tỉnh dậy, người vừa được cứu thoát nạn nghĩ

thầm: "Ta lâu nay đói khát và đường về nhà còn xa xôi, đồ ăn chẳng có, chi bằng trong lúc con khỉ đang ngủ ta lén giết quách, lấy thịt ăn qua ngày".

Người ấy liền lấy một hòn đá to ném vào đầu khỉ. Khỉ bị thương máu ra lai láng, liền nhảy lên cây, nhìn xuống, nó biết người kia cố tâm hại mình lòng ngao ngán nhưng không giận hờn. Nó đau đớn nhìn con người ác độc ấy và để rơi từng giọt nước mắt theo từng giọt máu đổ xuống đám cỏ xanh. Một hồi lâu, nó liền chuyền qua cây khác đi mất. Con khỉ nhân từ ấy là một tiền thân của Đức Phật Thích Ca.

Bài học: Trong cuộc sống, cần phải biết ơn khi được giúp đỡ, không nên vô ơn như người đàn ông trên. Cần học hạnh của con khỉ nhân từ là biết giúp đỡ người khác, thi ân bắt cầu báo, và không giận hờn đối với người ác tâm.



LÒNG KIÊN NHẪN

Thuở xưa, Đức Bồ Tát (Phật Thích Ca) đầu thai là con một vị thương gia rất giàu có tại nước Ka-Ci. Khi lớn lên Ngài dọn 500 cỗ xe đi buôn. Một ngày kia đến ranh giới một bãi sa mạc rộng lớn, cát nơi đó nhỏ li ti và hầm nóng như lửa đốt. Đức Bồ Tát thuê một người dẫn đường và sắm sửa lương thực, nước uống chờ trời tối mới tiếp tục cuộc hành trình. Đêm đi ngày nghỉ vì sự nóng bức vô cùng khó chịu.

Khi đi được 58 dặm, Đức Bồ Tát nghĩ rằng: “Chỉ còn nốt một đêm mình sẽ ra khỏi sa mạc”. Nhưng chẳng may người hướng đạo ngồi cỗ xe đầu, vì mệt mỏi ngủ quên đi và để mấy con bò quay trở lại đường cũ. Tới hừng đông, người hướng đạo thức giấc cả sợ hô to ra lệnh cho đoàn xe ngừng lại. Khi mọi người bước xuống mới nhận ra mình đã trở về chốn hôm qua khởi hành. Tất cả ai nấy đều kinh hãi vì củi đốt và nước uống đã hết sạch. Lòng buồn rầu họ lên xe nằm với bộ mặt thoái chí, thất vọng. Đức Bồ Tát thầm nghĩ: “Nếu ta không

bền chí, kiên nhẫn thì sẽ chết cả đám”. Nghĩ rồi, Ngài gọi vài ba người cùng lần mà đi tìm xem có ao giếng hoặc lạch nước nào gần đó chăng? Đi được khoảng xa, Ngài gặp một đám cỏ, Ngài bèn nói: “Đám cỏ này nhờ nước mới sống, vậy các người hãy mang cuốc xuống lại đào chắc sẽ có nước uống”.

Khi đào xuống 1 thước thì đụng một cục đá rất lớn, mọi người đều ngã lòng bỏ đi. Nhưng Đức Bồ Tát vẫn tin tưởng dưới cục đá này là lạch nước. Ngài bước xuống giúp đào và kê tai trên cục đá lắng nghe tiếng róc rách chảy. Ngài trở về kêu người đầy tớ tâm phúc tới và nói: “Này em, hãy xách cái búa lớn ráng đập cho bể cục đá đừng ngã lòng. Nếu em không kiên nhẫn thì mọi người chúng ta đều chết khát cả”.

Người đầy tớ vâng lời cố sức đập tan mảnh đá rồi trở lên. Một lát sau, bỗng nước ở dưới trào lên tới miệng giếng. Cả thầy đều mừng rỡ tắm rửa, múc nước nấu ăn và tích trữ đổ vào lu, bình để chờ tối qua sa mạc. Nhờ ở sự bền chí đó mà cả đoàn người đã thoát nạn qua biển cát khô khan, nóng bức.

Bài học: Cần phải biết học hạnh kiên nhẫn, quyết tâm vượt qua những khó khăn thì mới có thể thành công trong cuộc sống. Giống như trong câu chuyện, nếu Bò Tát và người đầy tớ không nhẫn nại đập vỡ mảnh đá, thì mọi người đã bị chết khát trong sa mạc rồi.



OANH VŨ CỨU ĐÀN

Ngày xưa, bên một sườn núi cao là cụm rừng hoang, lá xanh bao phủ độ vài mươi mẫu đất, đấy là nơi trú ngụ của hàng vạn gia đình hươu, nai và chim chóc.

Một buổi trưa hè, vạn vật như bị tê liệt dưới sức nóng của những tia lửa mặt trời thiêu đốt. Chim thú uể oải gần như chết ngạt trong bầu không khí nặng nề oi bức. Tiếp theo đó những ngọn lửa hồng khe khát bùng cháy từ góc rừng này qua góc rừng khác. Ngọn lửa độc ác cứ lên cao, lan rộng, bao vây dần dần thú rừng, chim chóc vào cụm rừng chưa kịp cháy...

Ảo não thay! Những tiếng kêu la thảm thiết, tuyệt vọng vang động một góc trời...

Trước cảnh bi thương, nhìn thấy sự chết chóc đau đớn của đồng loại, một chiếc chim bé nhỏ trong đoàn oanh vũ vụt bay qua làn khói đen nghi ngút làm cho đàn ngạc nhiên và hoảng sợ. Thì sau đó vài phút, cũng chiếc chim nhỏ bé ấy trở về với một thân hình ướt đẫm, rồi

đập mạnh đôi cánh và vung văng cho nước tưới vào lửa.

Chiếc oanh vũ ấy bay đi bay lại nhiều lần như thế. Với nắm thân bé nhỏ, với sức lực không bao nhiêu, oanh vũ mệt nhoài, không bay được nữa. Nhưng một lát sau người ta thấy oanh vũ lại làm công việc đã làm...

Cũng khi ấy đứng chọi trên đồi cao, một chủ trại vô tình trông thấy nghĩa cử của oanh vũ vô cùng thương xót, đem tâm cảm phục, bèn sai người nhà ra cứu lửa và kết quả ngọn lửa bạo tàn kia bị dập tắt.

Khi lửa đã tàn, thú rừng chim chóc kêu nhau trở về nơi quê hương tổ ấm sum họp trong cuộc sống an lành của gia đình thân mến.

Chim Oanh Vũ ấy là tiền thân của Đức Phật Thích Ca.

Bài học: Trong cuộc sống, cần phải biết biết hy sinh bản thân để cứu giúp đồng loại trong cơn nguy biến như chim oanh vũ trên đây.

CON SƯ TỬ TRỌNG PHÁP

Đầu đời mạt pháp về thời Đức Phật Tỳ Bà Thi, tại xứ Ba La Nại có một hòn núi tên là Tiên Thánh Sơn. Trong núi thường có các vị Sa môn Bích Chi Phật tu hành. Thường thường có các loài cầm thú hay đến gần gũi để nghe thuyết pháp. Có một con sư tử tên là Kiên Thệ, lông ánh sắc vàng, sức mạnh địch trên một ngàn con. Một khi rống lên thì chim bay phải rớt xuống, loài thú phải ẩn nấp sợ hãi.

Một hôm sư tử Kiên Thệ gặp một vị Sa môn Bích Chi Phật oai nghi thanh tịnh, tâm sanh hoan hỷ, nên ngày thường đến thân cận nghe tụng kinh và thuyết pháp.

Lúc bấy giờ có một người thợ săn thấy sư tử có lông vàng, nên muốn mưu giết, lột da dâng cho vua để lãnh thưởng. Người thợ săn nghĩ rằng: “Con sư tử này là vua các loài thú, cung tên không thể hại, lưới bẫy không thể sập được, chỉ có cách là giả dạng vị Sa môn, chờ con sư tử nghe quen thời lấy tên độc mà bắn.

Nói đoạn liền cạo đầu, mạo hình Sa môn, vào núi ngồi dưới một gốc cây”.

Lúc ấy, con sư tử Kiên Thệ thấy vị Sa môn, liền vui mừng đến liếm chân quẩn quít một bên để nghe thuyết pháp. Người thợ săn dùng tên độc nhắm bắn. Con sư tử bị trúng tên đau quá rống ngược lên, muốn nhảy tới vồ giết vị Sa môn giả kia, nhưng lại nghĩ rằng: “Người này đã mặc áo cà sa là thứ biểu hiện của các Đức Phật Hiền Thánh trong ba đời, nay ta sát hại thời không khó gì, nhưng tức là ta sát hại biểu tượng của các Đức Phật”. Nghĩ vậy bèn nuốt giận chịu đau.

Một lát sau, thuốc độc ngấm dần, đau đớn quá, sư tử lại muốn nhảy tới vồ nát người thợ săn, nhưng lại nghĩ rằng “Nay ta vồ giết thời không khó gì, nhưng ta sẽ bị các Đức Phật quở trách và làm người đời không thể phân biệt người lành kẻ ác. Người thợ săn độc ác âm mưu hại ta, nếu ta không nhẫn sẽ bị mọi người oán ghét, phiền não sẽ tăng trưởng. Phiền não tăng trưởng thời sanh tử tăng trưởng, sanh tử tăng trưởng thời sẽ sanh vào

các chỗ hiểm địa, sanh vào chỗ hiểm địa thời rời xa bạn lành, xa bạn lành thời không được nghe chánh pháp, không được nghe chánh pháp thời mê mờ nghi loạn, mê mờ nghi loạn thời không được vô thượng chánh đẳng chánh giác. Vậy ta nên quyết không khởi ác tâm. Nghĩ vậy con sư tử liền nói bài kệ rằng:

Nguyện tự chịu bỏ thân mạng,

Trọn đời không khởi ác tâm.

Hại người mặc áo hoại sắc.

Nguyện tự chịu bỏ thân mạng,

Trọn đời không khởi ác tâm.

Đối với các bậc xuất gia.

Nói bài kệ xong liền ngã xuống chết. Người thợ săn cầm dao lột da sư tử đem về dâng vua. Nhưng khi vua nghe đầu đuôi câu chuyện, thấy rõ ác tâm của người thợ săn và rất cảm động trước lòng trọng Tam Bảo của con sư tử, bèn sai chém người thợ săn và đem xác con sư tử làm lễ Trà Tỳ xem như một vị Sa môn vậy. Sư tử Kiên Thệ là tiền thân của Đức Phật Thích Ca.

Bài học: Phải biết tôn trọng 3 ngôi tam bảo là Phật, Pháp, Tăng. Không nên khởi ác tâm đối với người khác, cho dù đó là người ác, mà khoác áo tu hành, vì như thế sẽ làm hại đến đạo tâm của bản thân. Người làm ác đương nhiên sẽ có quả báo xấu.



LÒNG HIẾU CỦA CON CHIM OANH VŨ

Thuở xưa, ở núi Tuyết Sơn có một con chim Oanh Vũ, cha mẹ đều mù, thường đi tìm trái cây thơm chín, dâng cha mẹ dùng. Lúc bấy giờ, có vị điền chủ mới cấy lúa bèn phát nguyện rằng: “Lúa tôi đây, xin nguyện cho chúng sanh ăn dùng”. Chim Oanh Vũ thấy vị điền chủ phát tâm bố thí như vậy, bèn thường bay xuống lấy lúa cúng dường cha mẹ.

Một hôm, người điền chủ đi xem lúa, thấy loài chim loài sùng phá hại lúa, bèn nổi giận đặt lưới bắt được chim Oanh Vũ.

Chim Oanh Vũ thưa vị điền chủ rằng: “Trước đây ông có lòng tốt bố thí nên tôi mới dám lấy của ông, sao lại đặt lưới bắt tôi?”.

Người điền chủ hỏi: “Người lấy lúa làm gì?”.

Chim Oanh Vũ đáp: “Tôi có cha mẹ mù, nên phải lấy lúa cúng dường”.

Nghe vậy, vị điền chủ cảm động tấm lòng hiếu thảo của chim Oanh Vũ và nói rằng: “Từ nay về sau, người cứ lấy lúa mà dùng, đừng e ngại

gì cả”. Loài súc sanh còn biết hiếu thuận với cha mẹ huống nữa là con người.

Chim Oanh Vũ là tiền thân của Đức Phật Thích Ca. Người điền chủ là tiền thân ông Xá Lợi Phát.

Bài học: Đạo làm con, phải biết hiếu thảo với cha mẹ. Hãy học hạnh của chim oanh vũ, biết lo lắng, chăm sóc cho cha mẹ khi già yếu, đó là nghĩa vụ của những người con hiếu thảo.



CỨU NGƯỜI BỊ GIẶC CƯỚP

Khi chưa thành Đạo, đức Phật Thích Ca có một kiếp làm một người lái buôn, tên là Đại Bi, đức hạnh hoàn toàn, tài trí hơn người.

Một hôm, Đại Bi cùng năm trăm người khác đi thuyền ra biển tìm châu báu. Thuyền đang đi giữa biển thì gặp một bọn cướp bẻ đuôi theo, định giết hết cả những người trong các thuyền để cướp giật của cải. Quân cướp đuổi theo một lúc một gần, và reo hò vang dậy một góc biển. Những người lái buôn sợ hãi quá, kêu la rất thảm thiết. Phen này họ chắc chết mà thôi, không còn được thấy mặt vợ con nữa.

Đại Bi thấy thế mới nghĩ rằng: “Nếu ta giết bọn cướp này, thì ta sẽ mang tội sát nhân, nhưng nếu ta để cho chúng giết hết năm trăm người thì lòng ta không nở. Thôi thì ta chịu tội sát nhân một mình mà cứu được năm trăm người khỏi chết, vừa cản ngăn được những việc làm tàn ác của quân cướp để gỡ tội cho chúng nó sau này”.

Tuy nghĩ thế, nhưng Đại Bi chưa ra tay liền. Người đứng lên trên mũi thuyền to, lấy lời ôn hòa mà khuyên lơn bọn cướp, nhưng bọn này quen thói hung tàn, không nghe lời Đại Bi nói cứ hằm hồ hung hăng xông tới quyết giết hết cả con buôn. Đại Bi liền nhảy qua thuyền quân cướp, một mình địch với cả bọn, vũng vẩy nhanh lẹ và oai phong như một người tướng tài ra trận. Quân cướp biết thế không địch nổi, liền hè nhau quay thuyền chạy trốn.

Năm trăm người thoát chết, vui mừng khôn xiết, liền quỳ xuống tạ ơn Đại Bi, rồi cùng trưng buồm cho thuyền trở lại quê nhà.

Bài học: Ba đức tính cao quý của người tu: Đại bi, Đại trí, Đại dũng. Nghĩa là: tình thương, trí tuệ, và sức mạnh (để tiêu diệt cái ác).



CHẾT VÌ KHÔNG CHỊU VÂNG LỜI

Đời xưa, có một bầy rùa rất đông, ở dưới một gốc cây đại thọ. Trong bầy có một con rùa chúa (tiền nhân của Đức Phật Thích Ca) rất thông minh có thể đoán trước được những việc sắp xảy ra. Trên cây đại thọ có một bầy thần lằn thường hay tự thả mình từ trên nhánh cao xuống để khoe tài với bầy rùa ở dưới. Bọn rùa rất lấy làm khâm phục. Rùa chúa thấy thế mới bảo bầy rùa rằng:

- Các người không nên ở chỗ này, vì cách hành động của bọn thần lằn có khi sẽ làm cho chúng ta mang họa. Vậy các người nên theo ta mà đi ở một nơi khác, yên ổn hơn.

Trong bọn rùa có nhiều con nghe theo rùa chúa đi ở chỗ khác, nhưng có nhiều con cứng đầu không chịu đi. Khuyến bảo mãi nhưng bọn rùa cũng không nghe, rùa chúa đành đau đớn mà bỏ đi ở nơi khác với bầy rùa biết vâng lời.

Cách mười ngày sau, có một đàn voi đi ngang qua đấy, đến nghỉ dưới gốc cây đại thọ. Bấy

giờ những con thần lẩn cũng như mọi ngày biểu diễn để rơi mình xuống đất chẳng may có con rơi vào lỗ tai một con voi. Voi bị nhột khó chịu, kêu la âm ỹ. Cả bầy voi tưởng có thú dữ đến hại, hoảng kinh, chạy toán loạn. Bầy rùa ở dưới gốc cây không tránh kịp, bị đập chết rất nhiều.

Bài học: Trong cuộc sống, cần phải biết vâng lời người lớn tuổi, có kinh nghiệm, có trí tuệ. Trong câu chuyện, các rùa con không biết vâng lời đều có kết cục không tốt.



PHẦN D – TRUYỆN LOÀI VẬT – SỰ TÍCH – NGỤ NGÔN

CÒ VÀ CUA

Một ngày kia, ở vườn Trúc Lâm, trước một số đồng đệ tử, trong đó có vua Bình Sa Vương và Hoàng tử A Xà Thế, Đức Phật bố thí Pháp, Ngài nói:

- Hỡi các đệ tử, nghe và suy ngẫm ta nói:

“Dùng mưu mô xảo trá để mưu đồ một việc gì, không bao giờ thành công. Ác nghiệt, bạo tàn, chỉ đem lại kết quả thảm khốc”.

Để chứng minh câu nói đó, ta kể cho các đệ tử nghe một câu chuyện này ta đã chứng kiến.

Trong một tiền thân ta xưa kia, ta là một vị thần ở một cỏ đại thụ. Cỏ đại thụ mọc trên một khoảng đất, hai bên có 2 cái đầm: một cái nhỏ xấu, một cái lớn nom rất ngoạn mục. Trong cái đầm nhỏ có rất nhiều cá, cái lớn sen mọc che kín mặt nước.

Gặp một năm, trời làm tiêu khô, hạn hán, cái đầm nhỏ nước cạn gần hết, trái lại cái đầm lớn có sen phủ, không bị cạn, nước lúc nào cũng mát rượi.

Tình cờ một con cò đi ngang qua đó, nom thấy trong đầm nhỏ nhiều cá vô kể. Nó đứng lại, co một chân lên suy nghĩ:

“Cá nhiều thế này, tuyệt quá, nhưng giống này lạnh lắm, đụng vào, chúng sẽ lủi bằng hết, vị tất đã bắt được con nào. Ta không nên kinh động, phải lập mưu mà tĩa dần”.

Nhưng nghĩ cũng ái ngại cho chúng, chen chúc nhau trong bùn nóng, nếu chúng được sang bên đầm bên kia, chúng được vẫy vùng, sung sướng lắm.

Trong đàn cá, có một con thấy Cò có một dáng điệu kỳ khôi, co một giò, đứng hàng giờ không nhúc nhích, như một tu sĩ quán thiền nhập định bèn hỏi:

- Tôn ông chắc có điều gì thắc mắc mà trầm tư mặc tưởng lâu thế?

- Đúng thế em ạ, nom thấy các em, anh không khỏi mũi lòng, nghĩ thân phận của các em anh rất lo và ái ngại.

- Tại sao Tôn ông nói lo và ái ngại cho chúng em?

Cò nói:

- Các em không thấy ư? Nước cạn gần hết, nếu trời cứ nắng như thế này, chẳng mấy lúc nước cạn hết, lúc đó các em sẽ ra sao, các em không nghĩ đến điều đó à? Các em sẽ chết khô hết. Nghĩ thế nên ta không cầm nổi nước mắt.

Đàn cá nghe cò nói, hoảng cả lên, đứng khấu đầu trước vị cứu tinh, năn nỉ:

- Tôn ông ơi, Tôn ông có mưu chước gì tế độ, giúp chúng em thoát khỏi cảnh hiểm nghèo này không?

Cò làm bộ nét mặt rầu rầu, vờ đứng suy nghĩ một lúc rồi chậm rãi nói:

- Anh suy nghĩ đã nhiều, chỉ có kế này có thể cứu các em trong tình trạng nguy ngập này.

Đàn cá chen lấn nhau, lắng tai, cố nghe cho rõ, Cò nói:

- Ở gần đây có một cái đầm tuyệt đẹp, rộng lớn hơn cái này nhiều, sen mọc phủ đầy đầm, nước vì thế không cạn. Các em di cư sang ở bên đó, anh lấy mỏ cắp từng em một chuyển sang, chỉ có cách đó mới có thể thoát được cảnh hiểm nghèo thập phần nguy ngập này.

Đàn cá nhiệt liệt hoan hô tán thưởng. Bỗng có một con Cua la lớn:

- Thật từ thuở lọt lòng mẹ tôi ra đến bây giờ, chưa bao giờ thấy có chuyện kỳ khôi như thế này!

Đàn cá nhao nhao lên chất vấn con Cua:

- Chú mày lạ cái gì? Lạ làm sao?

Cua trả lời:

- Từ khai thiên lập địa đến giờ, có thuở nào Cò thương hại bọn Cá, Cua chúng mình. Chỉ khi nào đó, nó mới mò mẫm hỏi thăm tụi mình.

Cò làm ra bộ nhân đức, nghĩa hiệp xen vào:

- Chú Cua ơi! Lời nói của chú thật đứcc, tội quá, chú gieo rắc sự nghi kỵ, để cả bọn này chết thảm, chết nhục hay sao? Anh chỉ tâm tâm niệm, cố làm sao cứu được các em trong lúc này là anh sung sướng, anh không có tà tâm, ác ý nào.

Quay về đàn cá, Cò nói:

- Lòng anh trong trắng, các em không nên nghi kỵ, phụ lòng. Muốn rõ hư thực, hãy cứ chỉ định một em, anh quắp sang bên kia đi chơi ít lâu rồi anh lại quắp về. Em đó sẽ tường thuật lại, các em sẽ rõ, lời anh nói, việc anh làm có đúng không.

Đàn cá tán thưởng ý kiến đó, đề cử một chú cá già mắt kèm nhèm, cho là chú này khôn ngoan, cho đi công cán để thăm dò đường đất.

Cò lấy mỏ quắp chú cá già sang đầm bên kia, thả xuống. Chú cá già tha hồ tung tăng, vùng vẫy thỏa thuê.

Khi ủy viên công cán trở về với đồng bọn ca ngợi cò hết lời, nó tường thuật đầm bên kia thật là bồng lai tiên cảnh.

Tất cả đàn cá nghe nói thích quá, suy tôn Cò là vị cứu tinh, nhao nhao xin Cò hoan hỷ chuyển vận di cư sang ngay bên đó, Cò nói:

- Anh xin hết lòng phục vụ các em, anh sẽ chuyển các em sang dần. Chú cá già được Cò quắp mổ đi tiên phong. Lần này Cò có đem chú cá già sang đầm sen đâu, Cò quăng chú xuống đất, rửa hết thịt, còn xương vớt ở dưới gốc cây cỏ thụ. Ăn thịt cá già. Cò quay về đầm bảo đàn cá:

- Nào em nào muốn đi với anh bây giờ?

Tất cả đàn cá nóng lòng muốn biết cảnh non bồng tranh nhau đi, Cò tha hồ lựa chọn, con nào vừa mắt đem đi ăn thỏa thích.

Dần dần cả đàn cá, con lớn, con nhỏ, con già, con trẻ được định cư vào bụng Cò. Tất cả đầm chỉ còn sót lại một con Cua. Cua vẫn thối mắc nghi sự man trá, thủ đoạn của Cò. Nó nghĩ:

- Ta nghi quá, đàn cá được sang bên đầm sen thật là vô lý, không khéo cả đàn, cả lũ chui hết vào bụng Cò gian hùng.

Ở đây đất hẹp nước cạn, ta cũng cần phải di chuyển đi nơi khác, nhưng có đi ta cũng phải tính toán kỹ càng, phòng Cò có manh tâm phản phúc, ta phải có cách đối phó kịp thời. Mình mà có chết nó cũng khó bảo toàn được tính mạng nó.

Cò lại gần Cua, vồn vã, mơn trớn:

- Bây giờ đến lượt chú mày, anh đưa chú mày sang bên đó?

Cua hỏi:

- Thế anh đưa em sang bằng cách nào?

Cò nói:

- Ô hay! Thì cũng như các em cá, anh quắp vào mỏ, chứ còn bằng cách nào?

Cua nói:

- Em nghĩ như thế không được anh ạ. Cái áo (vỏ) của em nó cứng ngắt mà trơn lấm, anh quắp em sẽ bị tuột mất. Nếu anh cho em bám vào cổ anh em cố lựa không để anh đau đầu, như thế có lẽ bảo đảm hơn, chắc chắn hơn.

Cò nghe gật đầu ưng thuận. Cò đem Cua đi, đến gần gốc cây nó đứng lại. Cua hỏi:

- Sao anh lại đứng lại chỗ này, anh Cò? Anh mỗi chân rồi à? Hai cái đằm cũng chẳng cách xa nhau mấy.

Cò lặng thinh không biết đằm nào trả lời.

Thấy khác ý Cua bèn bắt đầu dùng hai cái càng siết chặt cổ Cò:

- À này! Cái đống xương cá ở dưới gốc cây đã tỏ lòng thâm độc, xảo quyệt của mày. Cò ơi! mày không lừa nổi tao như mày đã bịp tụi cá.

Cò bị đau quá, nước mắt dàn dụa thỏn thức:

- Em Cua ơi! Anh đau quá! Anh không hại em đâu, anh sẽ đưa em sang đằm sen.

Cua nói như truyền lệnh:

- Đi, mau!

Cò lủi thủi sang bên đằm sen, vươn cổ đặt ngang mặt nước, để Cua xuống. Nhưng Cua dùng hết sức hai càng siết chặt làm cổ Cò đứt làm đôi.

Vị thần ở cổ đại thụ, được mục kích nói:

- Cua làm thế phải lắm. Ác giả, ác báo! Đừng mưu mô xảo trá để mưu đồ vị kỷ không bao giờ thành công.

Ác nghiệt bạo tàn chỉ đem lại kết quả thảm khốc. Con cò gian manh lại gặp phải con Cua mưu trí.

Đức Phật kết thúc thời pháp, Ngài nói:

- Hỡi các đệ tử, nhất là Hoàng tử A Xà Thế có mặt ở đây, chớ có quên chuyện ta vừa kể.

Vua Bình Sa Vương khấu đầu trước Phật, cảm ơn Ngài đã bố thí cho một thời Pháp rất hữu ích, những ai có tánh xấu, ác lấy đó làm gương mà sửa mình.

Bài học: Trong cuộc sống, không nên dùng mưu mô xảo trá để làm việc gì, vì như thế sẽ mang lại những kết cục không tốt, giống như con cò trong câu chuyện này.

CHIM GỖ KIẾN TỐT BỤNG

Trong khu rừng nọ, có một con chim gỗ kiến thực hành tâm từ bi và đạo Bồ Tát. Con chim gỗ kiến này khác với những con chim khác, bẩm sinh đã thông minh sáng láng, lại có lông cánh tuyệt đẹp. Khi nó bay, trông nó uy nghi trang trọng, thật là vua của loài chim rừng!

Trong rừng có những thân cây bị mọt ăn thủng lỗ, thì loài chim gỗ kiến hay đi tìm bắt sâu mọt trong những lỗ thủng ấy ăn để sống. Nhưng con chim gỗ kiến này nhân từ quá nên chỉ ăn các mầm chồi non mềm hay uống nước các thứ trái cây, chứ không nở mồm những con mọt nhỏ bé kia để nuôi thân. Đồng thời, nó cũng là một vị y sĩ rất thông minh, có thể trị bệnh cho loài chim và cho cả loài thú đi trên mặt đất nữa.

Có một lần, chim gỗ kiến bay qua cánh rừng, gặp một con sủ tử nằm dài bên vệ đường, lớn tiếng kêu rống, rên rỉ đau đớn. Chim gỗ kiến ngừng xuống hỏi:

– Hỡi vua của loài thú! Ai làm cho bạn đau đớn như thế? Có phải là bị tên của thợ săn bắn trúng? Hay mắc phải một chứng bệnh nguy ngập? Hay là mới gây hấn với loài voi? Hay tại đời quá nên đau đớn? Xin bạn hãy nói cho tôi biết, không chừng tôi có thể giúp bạn được!

– Hỡi vua của loài chim! Tôi không phải bệnh, cũng không phải gây hấn với voi, mà chỉ tại tôi mắc xương ngang cổ họng. Cái đau đớn cùng cực này, so với cái đau bị trúng tên cũng không thấm gì. Nó làm cho tôi không nuốt vào được, nhổ ra cũng không được, nếu bạn có thể giúp tôi thì xin bạn hãy ra tay làm phúc!

– Tôi có thể giúp bạn, miễn là bạn nghe lời tôi dặn bảo.

Sư tử gật đầu ưng thuận, chim gõ kiến bèn đi tìm một cành cây thật chắc chắn, bảo sư tử há miệng thật to, to đến mức không há nổi nữa mới thôi, rồi mới kê nhánh cây vào miệng sư tử. Xong đâu đó, chim mới bay vào miệng sư tử, khôn khéo làm cho hai đầu miếng xương nong ra một chút, rồi dùng hết sức lực ngậm

xương trong mỏ kéo ra. Sau đó, nó từ từ xê dịch khúc cây ra khỏi miệng sư tử. Con chim gõ kiến hoàn thành sứ mạng trong lòng rất khoan khoái, lúc ấy mới cáo biệt sư tử mà bay đi.

Sư tử không còn đau đớn nữa, trong lòng cũng rất cảm khái, tạ ơn chim gõ kiến rồi cũng từ biệt mà quay về.

Một thời gian sau, chim gõ kiến kiếm không được thức ăn nữa vì mấy ngày trước đó trời khô hạn, không có lấy một giọt mưa, chồi cây và hoa quả cháy sém khô cằn... Chim gõ kiến đói quá, ngày một gầy mòn, nếu cứ thế này mãi thì chỉ mấy ngày nữa chắc là chết đói mất!

Toàn thân rã rời, nó mệt mỏi tìm kiếm cái gì ăn thì đột nhiên thấy dưới một gốc cây to, con sư tử mới được cứu hôm nọ đang mài miết ăn một con cừu béo mập sẵn được. Nó ngấu nghiến nhai nhai nuốt nuốt, không màng tới bất cứ chuyện gì khác.

Con chim gõ kiến bay xuống, khép nép đứng bên cạnh sư tử, nhìn nó bằng cặp mắt cầu

khẩn như xin ăn mà không mở miệng nói một lời nào. Nhưng con sư tử vô tình vẫn nhồm nhoàm nhai nuốt miếng thịt cừu của mình, không thèm ngó ngang gì tới con chim gõ kiến, giả vờ như không thấy.

– Chắc anh chàng này không nhận ra mình.

Chim gõ kiến nghĩ như thế, bèn tiến tới gần con sư tử, cầu cứu một cách khiêm tốn:

– Hôm nay tôi đến gặp bạn như một kẻ ăn mày, xin bạn cho tôi một chút gì ăn, tôi đói quá rồi bạn ạ. Nếu bạn thuận lòng thì xả một chút thức ăn cho kẻ sắp chết đói, thì công đức của bạn rất lớn!

Con sư tử hung dữ gầm lên:

– Mi to gan thật, trong lúc ta đang dùng bữa thì mi táo bạo dám đến gần, ý mi muốn hiến thân làm thức ăn cho ta phải không? Cái lúc mi bay vào miệng ta lấy miếng xương ra khỏi họng, là vì ta cho phép mi làm, chẳng có gì đáng kể công hết! Ta không có lòng nhân từ, mi có cút đi không!

Con chim gõ kiến không nói không rằng, ôm nỗi thất vọng trong lòng, sửa soạn bay đi.

Thần cây thấy con sư tử vong ân bội nghĩa như thế, trong lòng hết sức bất bình, bèn hỏi chim gõ kiến:

– Tại sao bạn không mắng vào mặt cái phường vong ân ấy? Không lẽ bạn không đủ sức đối phó với hắn hay sao? Bạn là ân nhân của hắn mà hắn lại đối xử với bạn một cách hung dữ như thế, tại sao bạn không mổ vào hai con mắt của hắn, mà lại chấp nhận cho hắn tàn nhẫn ngược đãi bạn?

– Đừng nhắc tới hắn nữa. Xử phạt con sư tử vong ân bội nghĩa ấy không phải là việc của tôi. Trong tương lai, hắn sẽ tự nhiên lãnh lấy hậu quả của sự vong ân bội nghĩa ấy. Nếu có một ngày nào đó hắn gặp nạn, sẽ không ai đến cứu hắn nữa. Nhưng tôi không bao giờ ân hận vì đã thi ân cho hắn. Nếu như tôi nghĩ đến sự báo đáp rồi mới thi ân, thì đó là một việc mua bán vay trả, chứ không phải là một hành động đạo đức cao cả.

Nghe chim gõ kiến nói như thế, thần cây cảm động mà khen ngợi rằng:

– Bạn thật là một người nhân từ, đạo đức cao thượng. Bạn không giống như một con chim, mà giống một con người khoác lên một bộ lông cánh tuyệt đẹp. Trí huệ phúc đức của bạn sẽ vĩnh viễn không bao giờ thiếu sót!

Tán thán xong, thần cây cáo biệt mà đi. Con chim gõ kiến cũng rời bỏ con sư tử vong ân bội nghĩa.

Vài ngày sau, con sư tử bị thợ săn bắn chết.

Không bao lâu, trời rưới xuống một trận mưa cam lồ, làm cho khắp mặt trái đất được tưới nhuần tươi tốt, hoa nở, lá non, và con chim gõ kiến nhân từ kia được cả trái đất ca tụng, khen ngợi.

Bài học: Hãy học hạnh nhân từ, yêu thương và biết giúp đỡ người khác của chim gõ kiến, đừng học thói vô ơn của con sư tử.

VOI TRUNG NGHĨA

Từ kinh thành Ba La Nại, ngược dòng sông hằng độ ba bốn ngày đường, người ta đi kiếm một khu rừng rậm của dãy Hy Mã Lạp Sơn. Khu rừng già này có rất nhiều cây gỗ quý. Ven rừng, bên triền sông, một đám nhà lá san sát nhau, đây là một làng nhỏ. Dân làng kể cả đàn ông, đàn bà và trẻ em độ trên vài trăm người. Họ sống về nghề làm gỗ. Họ hạ cây, xẻ ván ghép thành bè chở về bán tận kinh thành. Công việc tuy vất vả nhưng họ kiếm được khá tiền để nuôi miệng họ và cả gia đình.

Một hôm kia, trong lúc mọi người trong làng đang hì hục đốn cây, cưa gỗ trong rừng, họ nghe có chân thỉnh thỉnh bước đến và tiếng rống đau đớn. Rồi một con voi khổng lồ hiện ra, nhấc bước nặng nhọc trên ba chân. Chân trước bên phải của nó nâng lên khỏi mặt đất bàn chân sừng húp lên. Nó chậm rãi, nhẩn nhẩn, tiến đến rừng các thợ rừng, tỏ ý cầu cứu họ. Thấy dáng điệu hiền lành của voi, một người thợ rừng đến gần, vết thương đang làm

mủ. Cũng khá trầm trọng, nhưng đối với các người thợ rừng quen sống trong rừng sâu và từng gặp những tai nạn như thế, họ thấy không khó khăn gì trong việc cứu chữa cho voi. Họ gỡ gai ra, nặn hết mủ, rồi rửa chân voi bằng nước nóng. Họ hái lá, nhai nhỏ, rịt vào vết thương. Voi thấy dễ chịu, nhẹ hẳn đi. Và chỉ còn thời gian là vết thương sẽ lành. Voi gật đầu ba lần tỏ vẻ cảm ơn rồi từ biệt.

Thời gian qua. Người ta cũng không nhớ ra câu chuyện trên đã xảy ra đã bao lâu rồi. Bỗng một hôm, một con voi đã đi vào giữa đám thợ đang làm việc. Phải rồi chính là con voi hôm nọ. Nhưng trông nó mập mạp, tươi trẻ hơn hôm trước nhiều. Vết thương ở chân đã lành hẳn rồi. Nó bước mạnh dạn. Nó đến bên người đã cứu chữa cho nó hôm trước mà quỳ xuống. Nó tỏ ý muốn giúp đỡ các người thợ rừng để trả ơn họ. Không ai ngờ lại có câu chuyện như thế. Người ta đứng im xem nó làm gì. Voi đứng dậy, đến bên các cây vừa hạ xong, dùng vòi khuan các thân cây to đem đến chỗ cửa rồi những bó gỗ từ trại cửa đến bờ

sông. Sức khoẻ của nó thật là kinh khủng. Nó làm một cách gọn gàng công việc của vài mươi người. Thế là từ đó, trong đoàn thợ gỗ có thêm một năng lực vô cùng dồi dào và chen vào trong tiếng cưa, tiếng búa đốn cây, lâu lâu lại có tiếng voi rống trầm hùng, vui vẻ.

Năm, tháng trôi qua, sức khoẻ của voi không còn như buổi mới đến. Các người thợ rừng cũng thấy rõ điều ấy nên không để voi làm nhiều. Cho nên một hôm voi thấy không thể tiếp tục công việc nặng nhọc được nữa, nó cúi chào mọi người rồi đi lẫn vào rừng sâu. Ai cũng thương nó đã giúp quá nhiều cho họ.

Nhưng đến chiều, voi lại trở về và dẫn theo một con voi trẻ đẹp. Đây là con voi con, chịu tuân theo lời cha, đến đây để thay thế cha nó mà trả ơn cho các người thợ rừng. Thật là cảm động. Nhiều người thợ rừng đã rưng rưng nước mắt.

Voi con tiến đến gần. Lông nó trắng như tuyết. Đôi mắt voi sâu, hiền lành và cương quyết. Toàn thân voi như thoát lên một oai lực làm

cho mọi người kính nể. Đích rồi! Voi con là một con voi chính thống. Cũng cần phải nhớ rằng đời xưa, voi chính thống có một thể lực lạ thường trong các trận chiến tranh. Sức khỏe nó, hơi hám nó có thể trong phút chốc làm tan rã bao đàn voi của địch quân để đem lại thắng lợi chắc chắn cho chủ nó.

Voi con làm tất cả công việc trước đây cha nó đã làm cả ngày. Voi hết sức giúp đỡ các người thợ rừng, rồi đến chiều voi trở về làng chơi đùa với bọn trẻ con sau khi đã tắm rửa sạch sẽ. Mọi người vì thế đều thương mến và kính phục voi.

Có một điều lạ là duy nhất có nhiều lúc phải lặn lội ngoài sông nhưng không bao giờ voi đại tiện bừa bãi trong dòng nước. Những đồng phân của voi khi nào cũng tìm thấy ở nơi cao ráo và kín đáo.

Nhưng cuộc đời không luôn bình thường như thế, có một lần trời mưa to suốt ba ngày. Nước sông Hằng dâng lên ngập cả vùng. Nhiều bè gỗ bị nước cuốn trôi phăng. Dân làng bị thiệt

hại nhiều, và đến khi nước rút xuống, nước cũng đã rút theo các đống phân voi. Những đống phân to này lênh bênh trôi đi và một hôm tình cờ đưa dạt vào bờ, trong đám lau gần kinh thành Ba La Nại. Chỗ này lại là chỗ bày voi của nhà vua thường tắm.

Khi trời nắng ráo lên, bọn quản tượng nhà vua, lại dẫn voi đi tắm. Đến nơi, cả bày voi năm trăm con cùng nhận ra một mùi đặc biệt, mùi của con voi chính thống, một con voi chúa. Cả bày voi dừng lại, không con nào dám xuống nước. Rồi bỗng chúng sợ hoảng lên, dựng thẳng đuổi, cắm đầu chạy trốn mặc sức cho bọn quản tượng tìm hết cách trấn tĩnh chúng, không ai hiểu nguyên do kỳ lạ này. Sau cùng, nhờ kinh nghiệm của một quản tượng cao niên, họ dự đoán rằng: Tất trong nước sông có điều gì khác thường. Theo ý đó, người ta tìm tòi và thấy được trong đám lau, vật “quý báu” trên kia. Điều này đã làm họ nghiệm rằng trên dãy rừng Hy Mã Lạp Sơn phải có một con voi chính thống. Họ tâu lên nhà vua điều nhận xét của họ. Vua Ba La Nại mừng rỡ vô cùng. Ngài

truyền lệnh chuẩn bị thuyền lương để vượt
ngược sông Hằng.

Nhà vua đã mất công tìm kiếm nhiều ngày
ròng rã. Mãi đến hôm kia nhà vua đến làng của
đoàn thợ rừng đông đảo. Nghe vua đến, mọi
người đều nghỉ tay, cùng với vợ con họ ra bờ
sông để đón tiếp. Có người đã nói với vua:

Tâu Bệ hạ nếu ngài cần dùng đến gỗ, cần
dùng đến chúng con thì không phiền gì Ngài
phải đến đây, nhọc thân Ngài. Chỉ cần có lệnh
của Ngài là chúng con sẽ đích thân mang đến
tận tay Ngài những điều gì Ngài muốn.

Nhà vua không trả lời, chỉ dăm dăm nhìn voi.
Nhà vua ngắm kỹ làng trắng tinh bạch của lông
voi, đôi mắt cương quyết lạ thường của voi.
Một lúc sau vua quay lại các người thợ, nói với
họ:

Điều ta muốn đòi hỏi ở các người không phải
là gỗ rừng mà chính là con voi đang đứng
đàng kia.

Dân làng ngỡ ngác. Nhà vua thiếu gì voi mà
phải băng rừng tìm cho được con voi khuân gỗ

của họ. Dâng voi cho nhà vua? Họ thấy không tiếc cái công sức mà voi đã giúp họ, nhưng họ mến thương lòng trung nghĩa của voi. Tuy vậy họ cũng không dám trái ý vua. Riêng đám trẻ con thì tỏ ý không bằng lòng. Chúng nghĩ đến những buổi chiều trèo lên mình voi, đùa giỡn với voi và chúng muốn khóc rống lên.

Mọi người quay nhìn về phía voi đang đứng im không nhúc nhích. Nó còn món nợ ân nghĩa phải trả đối với thợ rưng. Vua dò được ý voi và hỏi thăm dân làng. Biết được câu chuyện đầu đuôi, nhà vua càng tỏ ý khâm phục voi hơn nữa. Rồi nhà vua sai khuân vác lương thực dưới thuyền để thưởng tặng cho toàn thể dân làng, tặng cho mỗi người đàn bà 2 đồng để sắm áo quần nói là để trả ơn thay con voi. Nhưng voi chưa chịu đi, nhìn sang các bạn thiếu niên đang âu yếm nhìn về phía voi rơm rớm lệ. Nhà vua đem tiền túi phát cho mỗi đứa bé 1 đồng gọi là chút tình đối với các bạn thân mến của voi. Bọn chúng phải cầm lấy tuy trong lòng không đứa nào thích nhận cái mà hằng ngày chúng mơ ước.

Lúc bấy giờ voi mới chịu bước đi, voi đến gần vua, cúi đầu cảm tạ và chịu đi theo đoàn thuyền để trở về kinh thành. Trước khi lên đường, voi còn nhìn lại toàn thể dân làng và núi rừng quen thuộc một lần chót, vô cùng lưu luyến.

Đến kinh thành nhà vua dành cho voi một sự săn sóc ân cần. Nhà vua gọi là voi Dõng Mãnh bộ giáp trận thật oai vệ. Vua ngồi trên lưng voi, dạo khắp các đường lớn trong kinh thành trước khi đưa voi về nhà riêng của nó. Vua xem Dõng Mãnh như người bạn thân thiết và Dõng Mãnh thường quấn quít bên vua, xem thật hết lòng trung nghĩa.

Ít lâu sau đó, Hoàng hậu có thai. Ngày sanh đẻ gần đến thì một chuyện đau đớn bất thành linh xảy đến: Vua băng hà. Cả triều đình đều nhất trí dẫu không cho voi hay. Người ta sợ tin buồn này sẽ làm tan vỡ tim gan Dõng Mãnh.

Liên ngày hôm đó, một tin hung dữ khác lại đến làm náo động cả kinh thành. Đó là tin quân lính nước Cô Xa La hùng hổ tràn vào, và

vua Cô Xa La định nhân cơ hội Ba La Nại thiếu vua, chưa có người kế nghiệp mà muốn tóm thu đất nước, chiếm đoạt ngôi báu. Quân giặc đã vây chặt kinh thành.

Các cửa thành Ba La Nại đóng kín. Triều đình đã gửi người thương thuyết với vua Cô Xa La hoãn việc tấn công bảy ngày nữa, chờ Hoàng hậu sanh đẻ, hẹn 2 điều, hoặc là sẽ mở cửa thành khi Hoàng hậu sanh công chúa, hoặc là sẽ nghinh chiến khi Thái tử ra đời để kế tục ngôi báu. Cô Xa La bằng lòng.

Ngày thứ bảy đúng theo dự tính của các ngự y. Hoàng hậu sanh ra được Thái tử. Thế là giòng vua đã có người kế nghiệp. Lệnh truyền ra cho mọi người sẵn sàng chống giặc. Thái tử mới sinh có tướng mạo khác thường đã làm vững lòng triều đình. Nhưng chuyện chống giặc, thắng giặc đâu phải chuyện dễ vì thiếu người điều khiển tối cao. Trong cơn nguy cấp này người ta còn một hy vọng mạnh mẽ, hy vọng ở tài trí của voi Dõng Mãnh.

Hoàng hậu nghiêm trang trong đồ lễ phục, mặc áo vàng cho Thái tử và tự tay ẵm Thái tử đi thẳng xuống chỗ voi ở. Nhiều vị quan trong triều cũng đi theo Hoàng hậu, đặt Thái tử trước mặt voi rồi long trọng nói với voi:

- Hỡi Dong Mạnh! Vua ta, chủ của ngươi và cũng là bạn thân của ngươi đã qua đời. Ta đã bảo dẫu không cho ngươi biết tin đau xót ấy sợ làm đau xót tâm can ngươi. Nhưng mà, ngươi hãy bình tĩnh: Đây là Thái tử, con vua, sẽ thay vua để chăm sóc dân chúng, chăm sóc ngươi. Hiện nay, kinh thành đang bị vây khốn và sắp sửa bị dày xéo bởi quân lính của vua nước Cô Xa La. Toàn nước ta đang đứng trước hai điều, hoặc là để Thái tử mới sinh phải chết dưới lưỡi gươm quân địch, hoặc là chúng ta phải gìn giữ non sông gấm vóc.

Hoàng hậu vừa dứt lời, voi Dong Mạnh rống lên một tiếng trầm dài não ruột. Bỗng nó đứng dậy, đến bên Thái tử, quỳ xuống, lấy vòi nâng Thái tử lên cao rồi đặt xuống trên bắp thịt trước trán nó. Voi muốn nói sự tôn thờ trung

nghĩa của nó đối với người chủ bé nhỏ cũng như trước đây nó đã hết lòng với vua cha.

Voi trao Thái tử cho Hoàng hậu rồi phủ phục chờ lệnh. Hoàng hậu khoát tay cho nó đứng dậy và dặn: “Hỡi voi Dõng Mãnh. Bây giờ là lúc người hành động để tỏ lòng trung nghĩa của người, để tỏ giọng máu quật cường trong người trong một con voi chính thống” Hoàng hậu vẫy tay cho nó lên đường. Một vị đại thần mặc áo giáp cho voi, và xuống lệnh cho quân lính sẵn sàng.

Voi rống lên hùng dũng, rung chuyển cả không gian. Tiếng rống xuất trận của một con voi chính thống đã làm bầy voi địch nhón nhác. Bây giờ là lúc đánh bật quân địch. Người ta mở cửa thành cho voi xông ra. Voi Dõng Mãnh rống lên một lần nữa. Thật là kinh hoàng. Bầy voi tiên phong của Cô Xa La khiếp sợ. Trong giây phút, tất cả đều quay đầu về phía sau, cướp đường mà chạy. Hàng ngũ địch rối loạn nhanh chóng. Voi Dõng Mãnh lanh lẫm. Nó xông tới trước mặt vua nước Cô Xa La, lấy vòi nắm chặt thân vua và quay trở về trong lúc

quân địch hoàn toàn tan rã. Thế là trận đánh kết liễu và thắng lợi thuộc về nước Ba La Nại.

Voi Dõng Mãnh đặt vua giặc dưới chân Thái tử mới sinh chờ triều đình xét xử. Dân cúng đòi phải xử tử tên vua xâm lược tàn bạo. Nhưng Hoàng hậu thể theo sự thông cảm của mình đối với Thái tử truyền thừa vua Cô Xa La được trở về xứ sở với điều kiện là từ nay về sau, không được lợi dụng Thái tử còn nhỏ mà trả thù buổi thất trận này. Voi Dõng Mãnh rống lên tỏ ý bằng lòng sung sướng.

Từ đấy, nhờ voi Dõng Mãnh mà Thái tử mới còn niên thiếu đã truyền được sự tin cậy trong toàn thể các nước ở Ấn Độ, trị nước một cách công minh.

Bài học: Muốn thành công, cần rèn luyện những đức tính Trung nghĩa, Nhân hậu và Dũng mãnh như con voi trong câu chuyện trên.



CON TRÂU

Bác nông phu vác cày lên rồi đánh trâu ra đường, vừa đi bác vừa nhẩm tính: “Còn 3 hôm nữa là ta cấy mạ”.

Bác sung sướng vì năm nay bác được mùa, bây giờ bác còn mong đợi ở tháng lợi ở mùa trái nữa, bác cười thầm, tay bác vục mạnh mấy roi vào hông trâu. Bị thúc dục trâu bết bãi bước gập trên con đường gồ ghề của nông thôn. Làng này nằm một bên đồi hẻo lánh và hiện giờ đang ở trong cảnh yên lặng tịch mịch của ban đêm.

Màn sương vén dần, vừng đông vừa nhô lên khỏi đồi núi, những tia sáng đầu tiên lung linh xuyên qua đám mây trắng, lấp lánh chiếu trên mấy rặng thông. Trước mặt bác là cánh đồng phì nhiêu chạy dài đến tận chân đồi xa thẳm, thỉnh thoảng đôi rạch nước ánh lên vì nắng sớm.

Tắc hò! Tắc hò! Miệng bác nông phu lanh lảnh, con trâu nặng nề kéo, chân bác ấn mạnh lên

lưỡi cày, đất bị xẻ từng đường dài uốn cong ra hai bên, như những lượn sóng rẽ ra trước mũi thuyền. Xa xa vài người đang cuốc lên nền trời trong. Năm bảy con ác là khắp khểnh đóp mỗi trên những sóng đất cày. Từ phía rừng tiếng chim rải rác và gà rừng vang lên trong rừng lá rậm. Mặt trời càng lên cao, người và trâu nướng mình trong nắng. Lưỡi trâu le dài và nước bọt ràn rụa, mắt trâu lơ lơ vì nắng thiêu, đuôi trâu phe phẩy như vang lượn ngọn roi vun vút của bác.

Trâu tuy đã già, nhưng sức còn khỏe. Gia đình bác mỗi ngày mỗi lên, một phần lớn là nhờ trâu. Con trâu này là người bạn quý hóa của bác, rất tận tụy với bác, đã cùng bác vật lộn với cuộc sống và chịu dầm mưa giải nắng để đưa gia đình bác lên. Bác nông phu triu mến trâu lắm, nhưng vì quá ham công tiếc việc nên đôi khi bác quên nghĩ đến sức khỏe của trâu cũng như sức khỏe của bác.

Cày hết đám này, bác cày tiếp đám khác, con vật cần cù ấy vẫn hì hục theo mệnh của bác. Cánh đồng bây giờ hoang vắng, gió bắt đầu

đổi chiều. Bỗng sầm lại. Từ phương đông mây đen nghịt nặng nề kéo đến khuất mặt trời, rồi đổ mưa xuống. Trâu và người vẫn thản nhiên cặm cụi làm việc trong mưa gió. Gió mỗi lúc mỗi mạnh, những hàng tre ngửa nghiêng, chớp sáng loáng, sét rầm vang. Một giờ sau mây tan dần mưa thưa hạt, rồi trời tạnh hẳn. Mặt trời lại rực rỡ xé toang màn trời cũ. Khí nóng, hơi bốc lên làm mờ những lũy tre trong làng. Bên kia đồi một vài con chim hót rì rào.

Bác nông phu thấy choáng váng đầu, người hơi tê lạnh, mắt hoa lên, thả cày xuống lần vào gốc cây đa, nằm xuống bác thiếp ngủ.

Một hồi lâu đứng đợi mệnh lệnh, trâu không thấy bên sau cử động gì ngoảnh đầu lại thì thấy chủ đã nằm sóng sượt dưới gốc đa, và một con cọp từ đồi mon men đi xuống. Biết chủ mình lâm nguy, trâu vùng vằng một lúc hất văng dù một bên đường ruộng chạy bay vào cứu chủ. Thấy trâu hung hăng cọp lui vào bụi rậm. Trâu nhìn mãi không thấy bóng cọp, vui mừng đến húc chủ dậy. Bác nông phu mở mắt, trâu chỉ biết ngược mặt lên phía đồi...

Đầu bác còn choáng váng, thấy trâu đến húc mình, bác tưởng trâu thù bác, vùng dậy bác bẻ cây đánh trâu túi bụi, chịu đựng không nổi trước những ngọn roi vô lý ấy, trâu bỏ chạy mà không muốn phản kháng. Bác nông phu mệt lử, vắt roi bác thờ hồn hển rồi mê đi bao giờ không hay.

Trên nền trời lam biếc, từng đám mây trắng đuổi nhau không ngừng. Gió hiu hiu thổi. Bác nông phu ngủ ngon lành. Không dần được lòng háo sát, một lần nữa cọp ra khỏi bụi rậm, lần mò xuống đồi. Nãy giờ trâu buồn rầu đứng nhìn ngơ ngác giữa đồng ruộng, bỗng quay về phía rừng, trâu hoảng hốt, vì cọp đã đến gần gốc đa. Trâu không nhớ những giọt roi tàn bạo, mà chỉ nghĩ đến bổn phận của mình. Trâu chạy đến như bay, cọp nhún mình định vồ lấy bác nông phu, nhanh như chớp, bốn chân trâu nhẹ nhàng, bước đến phủ lên mình bác. Cọp tức giận phồng mang trợn mắt, phóc qua nhảy lại cố vồ cho được mồi ngon. Nhưng vô hiệu, mắt trâu đăm chiêu theo mọi hoạt biến của cọp để trương sừng đối phó.

Trong khi đó bác nông phu vẫn mê man ngây đều đều, trong bầu không khí xâm chiếm và kháng cự yên lặng. Cầm cự một hồi lâu, thấy không thể tấn công được nữa, cọp nguýt trâu lần cuối, rồi trở về núi rừng. Trâu sung sướng rống lên một tiếng mừng chiến thắng. Đang ngủ say sưa bác nông phu giật mình tỉnh dậy, thấy mình nằm dưới bụng trâu, bác khủng khiếp, lồm cồm, vừa bò bác vừa la:

- Làng xóm ơi! Cứu tôi với, hấn giết tôi!

Trâu nghe bác la vang trời, tưởng bác mừng thoát chết, không ngờ bác lấy cây roi nguy hiểm khi này... Trâu vẫn thản nhiên đứng nhìn và chịu đựng những hành động phũ phàng của bác. Vừa đánh đập vừa nhiếc mắng:

- Đồ phản chủ! Tao đánh chết mày.

Trên đường về Tịnh xá, từ xa Đức Phật đã nhìn thấy hành động độc ác gây nên bởi sự hiểu lầm của người và nỗi oan ức của vật. Đi nhanh đến, Đức Phật đỡ cây roi và bảo:

- Thôi đừng đánh nó nữa, người cho ta cây roi này, vất roi xuống đất, Đức Phật vuốt ve mình trâu:

- Thế là con hết bị đánh rồi.

Trâu như hiểu lời Phật dạy cảm động, nước mắt ràn rụa.

Đức Phật đưa tay thoa nhẹ vào các lần roi rướm máu trên mình trâu, Ngài ôn tồn bảo:

- Trâu ơi con đau khổ lắm không? Nhưng thôi con đừng buồn tủi nữa, ta đã biết rõ nỗi lòng của con – lòng trung thành mà con đã được trả lại những ngọn roi oan khuất của chủ con.

Đức Phật mãi mê an ủi con trâu như quên cả bác nông phu đứng bên cạnh, Ngài nói tiếp:

- Trâu ơi, một lần nữa ta khuyên con đừng buồn chán và con nên biết rằng không những một mình con, mà chính ta cũng đã nhiều lần ném qua nỗi niềm chua chát ấy.

- Con ạ, ta vì thương nhân loại nên ra đời cứu khổ, thế mà có lắm người không thấu rõ lòng ta, họ đã và đang lăm le phá hoại và sỉ nhục

ta. Nhưng trâu ơi, ta không nản lòng và không cho đó là sỉ nhục, mà những điều đáng sỉ nhục là khi nào không làm tròn phận sự của ta và không đem lại lợi ích, an vui cho mọi người. Con cũng thế, ta khuyên con vui lên, tiếp tục chân thành giúp đỡ khi an cũng như lúc nguy cho chủ con và cho tất cả mọi người, thì đó chính là một phần thưởng an ủi lớn lao cho đời con. Còn chủ con thấu hiểu lòng con hay không, điều đó không đáng kể lắm!

Nói xong Đức Phật xoay qua bác nông phu:

- Luôn hai lần cạp đến định vồ người, mà đều được trâu chống cự để bảo vệ tính mạng cho người. Thế mà vì hiểu lầm, người đã đánh đập trâu. Không tin người hãy nhìn dấu chân cạp, vừa nói Đức Phật vừa đưa tay chỉ những dấu chân cạp còn lại.

Giật mình bác nông phu thốt lên:

- Lạy Ngài con không biết.

Bác chạy đến ôm lấy trâu khóc nức nở:

- Trâu ơi. Con hiểu nghĩa quá!

Một lần nữa Đức Phật tha nhẹ mình trâu và bảo:

- Thôi ta đi, con ở lại, con hãy làm tròn bổn phận của con nhé!

Từ giả bác nông phu, Đức Phật khoan thai xuống đồi. Trâu lẫn người bốn mắt ngậm ngùi nhìn theo.

Bài học: Trong cuộc sống, mỗi người cần học theo hạnh Siêng năng, Trung nghĩa và Hiếu thuận của con trâu, biết hết lòng với chủ. Ngoài ra, cũng cần phải biết xét đoán, tránh hồ đồ, nóng vội như người chủ đã trách lầm con trâu khi chưa hiểu sự tình.



NHỮNG CON NGỰA DỮ

Phật ví hạng người hung dữ trong môn đệ Ngài, giống như những con ngựa dữ khó điều phục. Đó là:

1. Hạng người khi được bạn bè chỉ dạy lỗi lầm cứ chối bai bãi, bảo: “Tôi không nhớ, tôi không nhớ!” Giống hệt con ngựa dữ bị tra hàm thiếc và quất roi da vào mông, vẫn còn hực hặc không chịu đi.

2. Hạng thứ hai, khi được chỉ lỗi, bèn đứng làm thinh, không nhận cũng không chối, giống như con ngựa dữ đứng dựa gọng xe không chịu đi.

3. Hạng thứ ba, là vị tu sĩ khi bị chỉ lỗi, liền hỏi trở lại người chỉ lỗi mình: “Huynh cũng phạm như tôi sao dám chỉ lỗi tôi”, giống như con ngựa dữ, ngã nhào xuống đất, trầy đầu gối, gãy gọng xe.

4. Hạng thứ tư, là loại người phản ứng bằng cách quật lại người chỉ lỗi mình: “Đồ ngu, phạm huynh còn phải nhờ người chỉ dạy sao dám

lên mặt chỉ dạy tôi”, giống như con ngựa dữ cứ thụt lui không chịu bước tới.

5. Hạng thứ năm là kẻ hay nói trớ sang chuyện khác, đem lòng thù hiềm oán hận người nhắc nhở mình. Như con ngựa dữ chạy bừa vào đường hiểm, làm cho xe bể bánh, gãy trục.

6. Hạng thứ sáu, là kẻ không sợ tội lỗi, không ngán chúng tăng, không cho ai chỉ lỗi, lấy đồ bỏ đi. Giống như con ngựa dữ bắt kẻ nài và roi, ngậm hàm thiếc chạy càn, vô phương kiềm chế.

7. Hạng thứ bảy, phản ứng cách lộn ngược, y đứng giữa hội chúng khua tay nói lớn: “Ai cho phép mấy người dạy khôn tôi”. Như con ngựa dữ dựng ngược hai chân và sùi bọt mép.

8. Hạng thứ tám, loại dữ dần nhất nói ong óng: “Mấy người có cho tôi y bát, tọa cụ thuốc men không mà dám sửa sai tôi”. Nói xong chưa đã giận, còn xả giới, lột y vứt bên đường, nghênh mặt hỏi chúng tăng: “Tôi đã hoàn tục rồi, mấy người vừa lòng hả dạ chưa?” Hạng người này giống như con ngựa dữ nằm bẹp giữa đường.

Kể xong về tám loại người hung dữ, Đức Phật khuyên hàng môn đệ của Ngài nên dễ dạy, bình tĩnh khi nghe người ta nhắc nhở mình, dù lời chỉ dạy có đúng hay sai đều giữ lòng bình thản và chân thật. Riêng người chỉ lỗi cho bạn phải biết đúng thời đúng lúc, nói năng dịu dàng nhỏ nhẹ, và nhất là thật yêu thương muốn giúp đỡ bạn chứ không phải vì ganh tỵ ghét bỏ.

Xong Đức Phật kết luận:

- Nay các Tỳ kheo! Ta đã nói đầy đủ, đằng kia là các cội cây, các hang trống. các ông nên đến đó mà tọa thiền, chớ có buông lung mà về sau hối tiếc không kịp. Đây chính là lời nhắn nhủ của Ta đối với các ông.

“Có lỗi đã là một điều lỗi, không chịu nhận lỗi lại là một điều lỗi nữa”.

Bài học: Trong cuộc sống, cần phải biết lắng nghe lời phê bình, biết nhận ra lỗi lầm của bản thân để sửa đổi, để ngày một tiến bộ hơn.

HOA VƯƠNG

Ngày xưa, ngày xưa có một Minh Quân cai trị một quốc gia thanh bình trù phú. Mọi việc đều xuôi chèo mát mái, ngoại trừ một điều là dù tuổi đã khá cao, nhà Vua hiền đức của chúng ta vẫn chưa có được Hoàng nam nối dõi. Một bữa tốt trời đức Vua cho yết bảng, truyền lệnh cho vọi các đồng tử lên 7 đến 12 vào sân rồng cho Ngài tuyển chọn người kế nghiệp. Các thần dân của đức Vua trong số tuổi ấn định lũ lượt kéo nhau về kinh đăng ký. Bất kể gia tộc sang hèn, nghèo giàu mỗi cậu bé đều được nhận một hạt giống tí tẹo. Các thí sinh phải đem hạt giống về tự tay gieo trồng và chăm bón. Đến bao giờ hạt giống nảy mầm, nứt lộc, đâm chồi, ra nụ kết hoa thì sẽ mang đến Hoàng cung dự thí.

Ngày khảo thí được ấn định vào đêm rằm tháng tám, chậu hoa nào được đức Vua chăm giải nhất thì người gieo trồng nó sẽ được vào cung làm Hoàng tử. Người sẽ kế vị đức Vua sau này. Cái ngày chờ đợi đó đã đến, vườn

ngự uyển chất đầy các lănghoa do thí sinh đem nộp, không chê vào đâu được, vì loài hoa nào cũng rực rỡ ngát hương. Nhưng đức Vua và Hoàng hậu xem chừng vẫn chưa chọn được thứ nào vừa mắt.

Cuối cùng một chú bé khoảng 8 tuổi, áo quần rách rưới nhưng mặt mũi dễ thương, xin được vào chầu đức Vua của chú. Mọi người cười ồ khi thấy chú khư khư ôm một cái chậu bằng đất nung chứa đầy phân và rác bẩn. Vị thần dân tí hon này quỳ trước bệ rồng, nước mắt chảy quanh, sụt sịt nói:

- Muôn tâu, con đã làm hết sức mình, con đã chọn chiếc chậu lành lặn nhất, để vào đó thứ đất mịn nhất, trộn vào đất thứ phân đã hoai và tốt nhất... rồi mới đặt hạt giống của đức Vua ban cho con vào đó... Con đã phơi sương ủ nắng và tưới nước cho nó... Vậy mà nó không chịu nứt cái mầm nào cả.

Đức Vua nghe xong không dấu được sự xúc động, ôm chầm lấy cậu bé reo:

- Ôi! Con chính là vị Hoàng tử mà ta chờ đợi.

Mọi người kinh ngạc lẫn bất bình.

Đức Vua vuốt râu mỉm cười giải thích:

- Tất cả các hạt giống trao cho thí sinh đều đã được hấp chín... Nó chỉ có thể nở hoa trung thực mà thôi... Đưa tay chỉ chiếc chậu đầy đất bần của chú bé dân giả, đức Vua tiếp:

- Đóa hoa trung thực ấy chỉ đâm chồi nảy lộc trong mỗi một chiếc chậu này. Con người đã gieo trồng được loại hoa ấy, nhất định sẽ là vị anh quân mà đất nước ta chờ đợi. Đức Vua đã không làm trong sự lựa chọn ấy.

Bài học: Hãy sống trung thực vì sự trung thực là một đóa hoa đẹp nhất trong cuộc sống. Đừng vì muốn đạt được kết quả nào đó, mà phải nói dối hay không trung thực.



CÔNG VIÊN NAI HOANG

Thời xa xưa, có một khu rừng đẹp đẽ. Trong rừng, có rất nhiều con nai đang sinh sống ở đó. Một hôm, nhà vua dẫn những người hầu cận của ông đến nơi đó để săn bắn.

Ông vua bắn một mũi tên và trúng một nai mẹ. Nai mẹ chạy đi trong đau đớn. Sau đó, ông vua thấy nai mẹ trốn trong bụi cây với nai con. Mặc dù nai mẹ đang bị chảy máu và chảy nước mắt, nhưng nai mẹ vẫn cho nai con bú sữa. Ngay sau đó nai mẹ chết.

Ông vua cảm thấy rất ân hận. Ông bế nai con lên và nói với nó, “Giờ đây ta sẽ chăm sóc cho con”. Rồi ông bẻ cái cung của mình gãy làm hai. Ông nói, “Ta sẽ không bao giờ lại săn bắn nữa.” Để ghi nhớ ngày đó, ông đặt tên cho khu rừng là Công Viên Nai Hoang.

Bài học: Giống như người, các súc vật cũng có những cảm giác. Chúng ta không nên giết chúng vì chơi đùa hay vì vui thú thể thao. Như thế là tàn nhẫn và ích kỷ.

MỘT CÂU ĐÁNG GIÁ NGHÌN VÀNG

Đời xưa có một nhà triết lý treo biển giữa chợ nói: “Ai chịu hễ một trăm lạng vàng thì sẽ dạy cho một bài học rất hay!”. Một vị quốc vương lúc ấy đi dạo chơi, thấy biển đó, động lòng hiếu kỳ, liền đem một trăm lạng vàng cho nhà triết lý để xin một bài học, thì nhà ấy chỉ dạy cho một câu: “Phàm làm việc gì trước phải nghĩ đến kết quả”.

Câu ấy giản dị đến nỗi phần đông cận thần của vua bĩu miệng trề môi cho giá một trăm lạng vàng là quá đáng. Nhưng sau khi ngẫm kỹ, vua nhận thấy lời ấy rất hay và truyền khắc câu ấy trên các tấm cửa cung điện và các đồ khí dụng của vua, để hằng ngày nhớ mãi không quên. Nhờ một câu ấy mà vua xóa bỏ được nhiều điều tệ, phát minh được nhiều điều hay về chính trị làm cho nước mỗi ngày mỗi thêm thịnh vượng.

Thời ấy có những bậc Hoàng thân thấy Thái tử còn nhỏ, muốn găm ghé ngôi báu, nên âm mưu làm nhiều điều thí nghịch, họ lo lót với

một quan ngự y để đầu độc vua trong những khi đau ốm.

Một hôm, vua se mình đòi quan ngự y đến làm thuốc, quan ngự y chế thuốc độc sẵn, rót vào chén ngự để dâng vua. Nhưng may thay, trong lúc quan ngự y lại thấy nơi chén câu cách ngôn: “Phàm làm việc gì trước phải nghĩ đến kết quả”. Ngự y giật mình, nghĩ đến kết quả, thấy sự thí nghịch chẳng những làm cho mình phải tru di tam tộc, mà còn gây biết bao tai họa cho thần dân, nên liền hối quá, đem tất cả việc đầu độc thí nghịch tâu cho vua rõ. Nhờ sự thú nhận, mà cả bọn gian đảng đều bị tiêu trừ mà ngôi vàng càng thêm bền vững...

Bài học: Hãy luôn ghi nhớ bài học ngàn vàng trên đây: “Trước khi làm việc gì, cần phải suy xét kỹ hậu quả của nó”.

Phàm làm việc gì, trước phải nghĩ đến hậu quả của nó

PHƯỚC BÁO CỦA SỰ BẢO VỆ SANH LINH

Thuở xưa, có một vị La Hán ở trên núi tuyết đã chứng Lục thông: thấy rõ việc trong ba đời như xem việc trước mắt. Nên danh tiếng vang lừng, người đương thời đều cảm phục.

Vị La hán kia có nuôi thiếu niên Sa Di làm đệ tử.

Một hôm, vị thiếu niên đệ tử đứng hầu bên cạnh thầy. Vị La hán xem qua sắc tướng của vị đệ tử mình, Ngài liền buồn rầu bảo vị thiếu niên đệ tử rằng:

- Con ơi, Thầy xem sắc tướng hôm nay, Thầy rõ biết phước báu của con đến nay đã gần hết, sau bảy ngày nữa mạng con sẽ chết. Thôi Thầy trò ta ngày nay vĩnh biệt. Thầy cho con trở về nhà thăm bà con quyến thuộc và cho con được thấy cha mẹ con trong phút cuối cùng.

Nghe xong, thiếu niên Sa Di chỉ biết đau đớn đánh lễ thầy rồi gạt lệ từ tạ ra đi.

Trên đường về, gặp phải trận mưa lớn, thiếu niên Sa Di rẽ qua con đường hẻm thấy một bầy kiến nhỏ đang chơi vui trên một dòng nước nhỏ chảy ngang đường. Bầy kiến hết sức chống đỡ, nhưng vô hiệu; vì thân nhỏ sức yếu mà dòng nước quá mạnh, nên đành để dòng nước tự do dày xéo, và chờ dòng nước đưa về cõi chết.

Thiếu niên Sa Di thấy vậy, động lòng từ bi, liền cởi chiếc áo đang mặc trong mình ngăn ngang dòng nước để đàn kiến có chỗ leo vào, những con nào kiệt sức, không thể leo vào áo được, thiếu niên Sa Di nhẹ tay bắt từng con bỏ vào áo, rồi đem bỏ vào chỗ khô ráo. Hai ba phen xem xét thấy bầy kiến chắc chắn thoát chết, mới yên lòng về nhà.

Đến nhà, trong thời gian bảy ngày, thiếu niên Sa Di lo sợ chờ ngày mạng chung. Nhưng đến ngày thứ tám, thiếu niên vẫn còn sống. Thiếu niên Sa Di mừng rỡ trở về chỗ thầy.

Đến nơi, vị La hán hết sức ngạc nhiên! Không biết vì sao đệ tử mình đến bây giờ mà vẫn còn

sống. Ngài liền nhập định dùng diệu trí quan sát mới biết đệ tử mình do công đức cứu bầy kiến nên bầy ngày không chết mà còn sống lâu được nữa.

Sau khi xuất định, vị La hán giải cho Sa Di rõ lý do thoát chết, và giải nghĩa chữ từ bi. Từ đấy, thiếu niên Sa Di tinh tấn tu hành không bao lâu chứng đặng đạo quả.

Bài học: Hãy làm nhiều việc phước thiện, đặc biệt là nên bảo vệ sự sống của muôn loài, kể cả các loại côn trùng nhỏ bé, như kiến. Vì khi làm hành động tốt, sẽ giúp hóa giải phần nào những nghiệp xấu đã tạo trong quá khứ.



GIAO DU CẦN CHỌN BẠN

Trong Tuyết Sơn có một khu rừng cây cối um tùm, có đủ thứ quả thơm ngon, lại ở về phía mặt trời soi luôn, được thêm phần ấm áp.

Có đủ thứ chim tụ họp, một hôm chúng bàn với nhau rằng: Chúng ta ở đây với nhau được đông đúc như thế này, kể cũng là một sự quý hoá. Xong cũng cần nên có một con đứng đầu để trông coi giữ gìn chặt tịt, mong khỏi xảy ra những sự đáng tiếc về sau.

Chúng đều cho là phải, lập tức chiếu tập hội họp cùng nhau, bầu lên một con làm vua, cầm quyền thống trị cho chúng.

Khi hội bàn cãi hồi lâu, bắt đầu bầu chim Hạc. Có con phản đối nói: Không thể được, vì chim Hạc chân cao mỏ dài, bầu lên một khi con nào không may có lỗi sẽ bị mổ vỡ óc. Phần đông cho là phải, Hạc bị bác.

Thứ hai đề cử chim Ngan. Lại có con phản đối nói: Chim Ngan tuy lông trắng mỏ đỏ mình đẹp, ai trông thấy cũng yêu thật, xong vì cổ dài

lạ hay ngộ, vậy cổ mình đã vênh, cử lên làm gương chính cho cả chúng ta thế nào được. Ngạn bị bác.

Thứ ba cử chim Công, chúng cho chỉ chim Công là xứng đáng, vì lông cánh đầu đuôi đều có vẻ, vậy có thể làm vua được. Lại phái phản đối nói: Vẫn biết chim Công đẹp, xong chỉ tốt mã bề ngoài, không phải là loài biết liêm xỉ, mỗi khi múa là xù ngay hình ra thực rất khó coi. Công cũng bị bác.

Trông đi trông lại thấy chim Cú, chúng cho là Cú ban ngày thích yên tĩnh, ban đêm hay rình mò, như thế có thể trông coi cho chúng được mọi sự yên ổn, cả đàn vỗ cánh ưng thuận. Cú được đại đa số tán thành.

Bấy giờ chim Vẹt đứng ngoài nghĩ rằng: Phàm như phép làm chim, ban đêm cần yên tĩnh để ban ngày đi kiếm ăn, nay bầu Cú lên, ban đêm thì hấn lẩn mò, chúng mình phải chầu chực, ban ngày hấn nghĩ ngơi, mình phải kiếm ăn như thế là cả chúng ta bị vất vả khổ sở suốt đêm ngày. Nay nếu ta tất bị hấn giận có thể sẽ

bị hấn vật lông và mổ chết. Nhưng nếu nay ta bỏ đi thì tất cả đàn cùng khổ.

Cuối cùng Vẹt lại nghĩ rằng: Thà là mình bị khổ, xong khổ để bệnh vực lẽ phải cho công chúng được nhờ, còn hơn là yên phận sống lấy một mình. Vì thế, Vẹt giữ một thái độ rất bình tĩnh và cương quyết ra nói với công chúng rằng: Cứ theo thiên ý của tôi thì không nên bầu Cú làm vua. Vì lúc vui vẻ trông mặt hấn khó coi, hưởng chi khi hấn cáu lên, thì còn ai giám nhìn nữa. Và lại ban ngày thì hấn nằm dài ra, ban đêm lần mò đến sáng, thì còn ai chịu được, đó là lòng thành thực của tôi xin bày tỏ.

Cả chúng đều tỉnh ngộ cho Vẹt nói là đúng đều nhận Vẹt là chí tuệ, nhanh nhẹn sáng suốt nhất, kết cuộc bầu Vẹt lên làm vua.

Bài học: Bọn bè tốt có 3 đặc tính: Một là thấy lỗi liền chỉ rõ can gián ; Hai là thấy làm việc hay hết sức tùy hỉ ; Ba là khi gặp tai nạn không rời bỏ nhau.

PHẬT XỬ KIỆN

Có một người đàn bà bồng một đứa bé đến hồ sen của Đức Mahasadha để rửa tay cho nó. Sau khi rửa rái cho con và để con ngồi trên đồng áo quần khô, người đàn bà ấy xuống hồ tắm rửa.

Lúc bấy giờ, một con quỷ Dạ Xoa cái trông thấy và thèm ăn thịt đứa bé. Nó liền biến thành một người đàn bà và đến nói với mẹ đứa bé rằng:

- Chị ơi, thằng nhỏ dễ thương quá! Phải con chị không?
- Vâng con tôi đấy.
- Tôi cho nó bú nhé?
- Được, chị cứ cho.

Lúc ấy con quỷ ẵm đứa bé lên, nâng niu rồi bồng đi mất. Trông thấy con mình bị người lạ mặt bồng đi, mẹ đứa bé đuổi theo và la lên:

- Chị, chị đem con tôi đi đâu đấy?
- Sao, con chị à? Đây là con của tôi.

Hai người đàn bà tranh chấp nhau về đứa bé.

Từ trong nhà nghe tiếng cãi cọ ồn ào, Đức Mahosadha gọi họ và hỏi:

- Có chuyện gì xảy ra đấy?

Sau khi biết được lý do của cuộc tranh chấp và nhận ra con quỷ Dạ Xoa cái qua đôi mắt đỏ ngầu và thân hình không in bóng của nó, Đức Mahosadha hỏi thêm:

- Các người có muốn ta phân xử việc này không?

- Xin Ngài phân xử cho.

Đức Mahosadha gạch một đường thẳng trên mặt đất, đặt đứa bé nằm cân phân trên đường thẳng ấy và bảo con quỷ cầm hai tay đứa bé, mẹ nó cầm hai chân đoạn Ngài hô lên:

- Hai người kéo đi. Đứa bé sẽ thuộc về người kéo được nó.

Hai người đàn bà nong sức kéo, đứa bé đau quá ré lên khóc.

Mẹ đứa bé, vì quá thương con, không kéo được nữa và đứng khóc.

Đức Mahosadha hỏi mọi người chung quanh:

- Trong hai người, mẹ ruột và người dưng, ai là kẻ thương yêu đứa bé?

- Kính thưa Ngài, mẹ ruột.

Và ai là người mẹ của đứa bé? Người giữ đứa bé hay là người thả đứa bé?

- Kính Bạch Ngài, người thả đứa bé.

- Các người có biết người ăn cắp đứa bé này không?

- Kính Ngài, chúng con không biết được.

- Đấy chính là một con quỷ Dạ Xoa cái, nó đã ăn cắp và định ăn thịt đứa bé.

- Kính Bạch Ngài, tại sao Ngài biết?

- Bởi vì đôi mắt của nó đỏ ngầu, thân hình của nó không có bóng, nó không có một chút tình thương đối với đứa bé và kéo đứa bé một cách tàn nhẫn.

Bấy giờ Đức Mahosadha mới hỏi con quỷ Dạ xoa cái:

- Người là ai?

- Tôi là quỷ Dạ Xoa.

- Tại sao người ăn cắp đứa bé?

- Để ăn thịt nó.

- Vì mê muội, kiếp trước người đã phạm nhiều tội ác và phải đầu thai làm quỷ. Thế mà ngày nay người vẫn tiếp tục phạm tội ác. Ngu si lầm lạc như thế thật là quá đỗi.

Sau khi ban dạy những lời vàng ngọc trên, Đức Mahosadha quy y cho con quỷ Dạ Xoa trước khi nó từ giã.

Mẹ của đưa bé hướng về Đức Mahosadha và bạch rằng:

- Kính Bạch Ngài, con xin kính chúc Ngài được trường thọ.

Rồi với đưa con trong tay và niềm hoan hỷ trong lòng, người đàn bà bái biệt Đức Mahosadha...

Bài học: Đức Phật là người có trí tuệ và lòng yêu thương lớn, ngài có thể phân biệt đúng sai, thiện ác. Không những giúp xử kiện, lấy lại đứa con cho người phụ nữ, ngài còn giúp con quỷ tỉnh ngộ và từ bỏ con đường ác.

HỌA TÙNG KHẨU XUẤT

Thuở xưa ở trong một cái hồ kia có một con rùa và hai con cò trắng thường lui tới làm bạn với nhau.

Năm ấy trời đại hạn, suốt một năm trời ròng rã như không có cơn mưa nào cả. Nước ở trong hồ cứ cạn dần vì thiêu đốt gay gắt của mặt trời. Cỏ lác trong hồ cũng vàng úa tàn tạ. Có thể nước nóng như một chảo nước sôi, vì thế loài thủy tộc chết lần chết hồi...

Ở trong tình trạng đó, chàng rùa ta ngồi đứng không yên và trong đầu óc luôn luôn suy nghĩ một phương kế thoát thân khỏi cái địa ngục nóng này.

Thì may thay! Trong lúc ấy có hai vợ chồng cò đến chơi. Thấy bộ dáng thiếu não của chàng rùa, hai vợ chồng cò ân cần hỏi thăm:

- Chắc có chuyện gì buồn chẳng? Mà trông bác có đáng lo nghĩ thế?

Rùa rầu rầu đáp:

- Hai bác ôi, tôi đang gặp phải đại họa, phen này chắc chết mà không còn trông gặp mặt hai bác nữa.

Chàng cò chận lời:

- Chúng ta là bạn bè thân thiết với nhau, sung sướng cùng chia thì họa nạn cùng chịu. Vậy bác hãy cho chúng tôi biết nguyên nhân nào làm cho bác phiền muộn, họa may chúng tôi có thể tìm phương giải quyết và giúp đỡ bác chăng! Chớ chưa chi mà bác đã than van thất vọng như thế.

Rùa trả lời với một giọng lâm ly thống thiết:

- Không biết hai bác này làm ăn thế nào, chứ tôi hai hôm nay chưa có lót dạ nữa con tép chứ đừng nói tôm cá, vì chúng đã hết trọi! Mà nước thì cạn dần thế này, thì trước sau thế nào cũng không thoát khỏi bàn tay độc ác của lũ chần trâu. Cách đây 5 năm tôi đã bị chúng bắt một lần, may nhờ một bà già mua và đem đến chùa phóng sanh nên mới sống sót đến ngày hôm nay. Vì thế mỗi lần nghĩ đến tai nạn chết chóc, tôi bắt rùng mình...

Trong lúc chàng còn đang ra dáng suy nghĩ thì chị còn thương hại hỏi:

- Sao bác không đi ở nơi khác một phen xem thế nào?

- Bác thử nghĩ, xưa nay tôi có từng đi đâu, đường xá thì xa xôi nguy hiểm mà sự đi lại của tôi quá chậm chạp, nên tôi nghĩ thà chết nơi chôn nhau cắt rún còn hơn.

Bỗng chàng còn ngóng cổ nói lớn lên với một niềm hy vọng:

- Thôi bác khỏi lo! Cách đây mười dặm, có một hồ sen không khi nào cạn, mặc dù là lúc trời hạn hán. Chúng tôi sẽ đem bác đến đấy, trước là giải quyết sinh kế mà sau nữa được gần gũi nhau trong lúc tối lửa tắt đèn...

Nhưng chàng rùa vẫn lo ngại nói về thất vọng:

- Trời ơi! Mười dặm. Một dặm mà tôi đã đi đến chưa, huống nữa là mười dặm, thôi tôi đành chịu chết vậy!

- Điều ấy bác cũng không nên lo, chàng còn tin tưởng nói. Chúng tôi đã có phương pháp;

nhưng có điều hơi khó là bác cần phải bình tĩnh và can đảm.

- Bác nói thử xem, chàng rùa vội vàng hỏi, khó thế nào tôi cũng cố gắng.

Chàng còn giải thích với điều bộ quan trọng:

- Phương pháp như thế này: Hai vợ chồng tôi tha một cái cây mỗi người một đầu. Còn bác thì ngậm ngay chặng giữa, chúng tôi sẽ tha bác đến cái hồ kia. Nhưng có một điều tối quan trọng và nguy hiểm bác nên nhớ. Trong lúc chúng tôi bay bác phải ngậm chặt vào cây và không được nói năng hỏi han gì cả mặc dù gặp phải trường hợp thế nào đi nữa. Chỉ trong vòng nửa giờ là chúng ta đến nơi. Bác nhớ nhé! Tôi dặn lại: Dầu gặp trường hợp nào bác cũng phải ngậm miệng không được nói năng.

Chàng rùa ra dáng hiểu biết:

- Thôi tôi nhớ rồi, hai bác xem tôi chẳng bằng con nít, dặn đi dặn lại mãi.

Sau khi sửa soạn xong, chàng còn lại thiết tha căn dặn lần cuối cùng:

Đó, bác bây giờ bác muốn ho hen hay nói gì thì nói đi. Chớ chốc nữa mà mở miệng thì nguy hiểm lắm đấy!

Xong câu đấy, cả ba làm theo ý định bốn cánh võ mạnh, hai cặp chân cò duỗi thẳng, chàng rùa hồng mặt đất rồi từ lên cao, chẳng khác nào chiếc máy bay hai động cơ... Bay được một lát mặc dù lần đầu tiên thấy những cảnh kỳ lạ hiện ra trước mắt: đây cánh đồng xanh rì gợn sóng như tấm nhung xanh, kia con sông trắng phau nằm quằn quèo như con bạch xà lượn khúc, và cây cối, nhà cửa v.v... bao nhiêu là cảnh đẹp mắt... Đã bao lần chàng rùa định mở miệng để hỏi cho thỏa tính tò mò, nhưng may thay! Mỗi lần định hỏi, chàng lại sực nhớ đến lời dặn quan trọng của anh chàng cò trắng. Nếu sự đời yên ổn thì nói làm chi, rủi thay, trên đường hành trình của chàng rùa không qua khỏi cặp mắt tinh quái của lũ trẻ.

Một đứa la lớn:

- Anh em ơi! Ra đây coi nè! Hai con cò tha một con rùa! A ha! Vui quá!

Bọn trẻ đồng la ầm lên. Một thằng lớn nhất trong bọn hét lớn:

- A ha! Thật giống hai thằng mỗng dất một anh thầy bói. A ha! Thầy bói! Thầy bói!

Không dẫn được tức giận, chàng rùa định bụng trả lời: “Mặc kệ chúng tao, mắc mớ gì chúng mày. Đồ nhảm con!”. Nhưng tội nghiệp thay, vừa mới mở miệng, rùa ta đã rơi xuống và tan thân vì đụng nhằm một tảng đá...

Bài học: Đức Phật dạy: “Ở đời, biết bao nhiêu người vì không giữ cái miệng, nói không đúng thời mà phải mang họa như trường hợp con rùa trên đây. Này đệ tử! Họa từ miệng phát sanh, vậy hãy giữ gìn cái miệng cho cẩn thận”.



VÒNG CHÂU CAI TÓC

Ngày xưa có một ông vua rất cưng chiều con gái của mình, cứ quán quít lấy con chưa từng rời xa. Khi công chúa muốn điều chi, vua luôn luôn tìm cách để chiều lòng cô.

Một hôm, vừa mới qua một trận mưa lớn, vườn ngự uyển khoác một lớp áo mới mẻ, tươi mát, công chúa tản bộ đến bên hồ nước giữa vườn, ngắm nhìn mặt nước trong vắt.

Đột nhiên cô nhìn thấy trên mặt nước bắn lên rất nhiều bọt bong bóng lóng lánh như trân châu, thật là đẹp mắt. Công chúa thích quá, bỗng khởi lên một ý tưởng hảo huyền, xoay qua nói với vua cha rằng:

– Phụ vương! Cha hãy nhìn mặt nước hồ của vườn hoa nhà mình, mấy cái bọt bong bóng đẹp quá là đẹp! Con nghĩ mình phải vớt lên để kết thành vòng châu cài tóc cho con trang sức, cha thấy có được không?

– Được chứ! Được chứ! Con gái cưng của cha muốn gì mà lại không được?

Nói xong, nhà vua bỗng sa sầm mặt xuống:

– Nhưng bọt bong bóng trên mặt nước là một vật hư huyền không thật, không cầm nắm được, làm sao mà vớt lên làm vòng châu được?

Công chúa nũng nịu nói:

– Nhưng con muốn! Con muốn là phải được!

– Con gái cứng! Con ngốc vừa thôi chứ!

Công chúa không bằng lòng, giận dữ trả lời:

– Cái gì mà ngốc? Trên mặt nước bong bóng rành rành ra đó, làm sao không vớt lên được chứ?

Nhà vua dùng lời ngọt ngào giải thích:

– Nhưng chúng sinh ra và diệt đi trong chốc lát, không tồn tại lâu, làm sao vớt được?

– Con không tin! Nếu không cho con vòng châu bằng bong bóng nước, con không muốn sống nữa!

Công chúa được cưng chiều từ bé, muốn đòi gì là phải được ngay cái ấy. Vua cha nghe vậy

thì lo sợ, lập tức triệu tập những tay thợ vàng khéo nhất trong vương quốc và phán rằng:

– Các ông xưa nay vốn được xưng là những tay thợ tuyệt khéo, không có gì là không làm được. Nay ta có việc này muốn nhờ các ông.

– Đại vương có gì dạy bảo, chúng thần đương nhiên sẽ tuân theo!

Các vị thợ vàng đứng thẳng người đợi lệnh:

– Các ông hãy lập tức vớt lấy bong bóng nước trong hồ, kết thành vòng châu cho công chúa.

Các vị thợ vàng nghe thế thì kinh hoàng thất sắc, tất cả đồng tâm rằng:

– Dẫu chúng thần có tài khéo tới đâu đi nữa cũng không có cách gì vớt bong bóng nước làm vòng châu được!

Nhà vua lớn tiếng hạ lệnh:

– Nếu các ông không làm được, ta sẽ chém đầu các ông!

Các vị thợ vàng nghe vậy ai cũng run sợ, líu lười, gương tròn đôi mắt ra nhìn nhau. Vua

nổi trận lôi đình, ai mà không sợ? Nhưng trong số có một lão thợ già nghĩ ra một kế, liền tiến lên tâu vua rằng:

– Hạ thần có thể làm được.

– Tốt quá! Ông hãy làm ngay, ta sẽ thưởng công cho ông hậu hĩ!

Nhà vua vô cùng mãn nguyện, quay sang nói với con gái rằng:

– Con có thấy ta thương con không? Ta đã không chút nề hà, tìm ra được một người có thể vớt bong bóng nước để kết thành vòng châu cho con cài tóc rồi đó!

– Đa tạ phụ vương! Con cũng muốn đi xem.

– Thì con hãy đi theo ông thợ mà xem.

Được phụ vương cho phép, công chúa hân hoan đi theo ông thợ già ra bên bờ hồ, cô muốn nhìn tận mắt ông thợ sẽ làm cách nào.

Đến ven hồ, ông thợ già cung kính, khấn khoản nói với công chúa rằng:

– Tâu công nương! Tôi già nua, mắt mờ không còn thấy rõ, từ trước đến nay cũng không biết phân biệt bong bóng nước đẹp, xấu. Xin công nương vui lòng tự tay chọn lựa theo ý thích, sau đó tôi sẽ kết thành vòng châu cho công nương.

Công chúa vui vẻ nói:

– Được! Để tôi chọn!

Công chúa lập tức xắn tay áo lên, nhúng tay vào nước và mở lòng bàn tay ra để vớt lấy bong bóng. Nhưng tay cô vừa nhúng xuống nước thì bong bóng đã vỡ, cô làm cách nào cũng không có kết quả. Cần cù thật lâu chẳng vớt được một cái bong bóng nào. Cô mệt mỏi, chán nản, bèn bỏ ý muốn vớt bong bóng nước làm vòng châu, quay trở về cung.

Lúc ấy công chúa dường như thức tỉnh, nói với vua cha:

– Bọt nước sinh diệt vô thường, là thứ mà ta không giữ lâu được, con không muốn một vòng châu như thế nữa.

Nhà vua nghe thế vui mừng mỉm cười hỏi:

– Thế thì con muốn một vòng châu như thế nào?

– Con muốn một vòng châu bằng ngọc tím để cài lên tóc, ngày đêm gì cũng không khô héo tàn tạ, như thế tốt hơn nhiều!

– Đúng! Đó mới là một vật chân thật, không hư huyễn, ta nhất định sẽ tặng cho con!

Công chúa rất vui lòng, lễ phụ vương mà lui đi.

Bài học: Đức Phật đã dạy: “Đời người mong manh, thế gian vô thường, của cải như bọt nước, sinh diệt trong sát-na, không giữ lâu được, không thể nương tựa được!”



SỰ TÍCH CÂY HUYẾT DỰ

Ngày xưa, có một bác đồ tể chuyên mua lợn về giết thịt để mang bán ở chợ. Nhà bác ta ở bên cạnh một ngôi chùa làng. Hàng ngày, vào lúc mờ sáng là lúc sư cụ bên chùa theo lệ thường dậy tụng kinh. Và cũng theo lệ thường sư cụ thức chú tiểu dậy gõ một hồi chuông mai. Bấy giờ cũng là lúc bác đồ tể sửa soạn giết lợn, cho nên bác ta quen lấy tiếng chuông chùa làm chững thức dậy làm việc hàng ngày. Cứ như thế, ngày nào cũng như ngày ấy không bao giờ sai lạc.

Một đêm nọ, Sư cụ nằm mộng thấy một người đàn bà dắt năm đức con nhỏ đến trước mặt mình rồi vái lạy vái để, miệng nói “Xin cứu mạng! Xin cứu mạng!” rồi rít. Sư hỏi người đàn bà:

- A Di Đà Phật! Cứu mạng là thế nào? Bàn Tảng phải làm gì đây?

Người mẹ có bộ điệu hãi hùng ấy trả lời:

- Ngày mai xin Hòa Thượng hãy cho đánh chuông chậm lại. Như vậy mẹ con tôi rất đội ơn.

Nhà Sư tỉnh dậy không hiểu thế nào cả. Nhưng tờ mờ sáng hôm đó, vâng theo lời báo mộng, Sư cụ chỉ lâm râm đọc kinh cầu nguyện mà không thức chú tiểu dậy thỉnh chuông.

Lại nói chuyện cũng hôm ấy bác đồ tể ngủ một giấc li bì. Mãi đến lúc mặt trời lên chừng một cây sào, tiếng chuông chùa mới bắt đầu vang rền làm cho bác giật mình choàng dậy. Thấy trời đã quá trưa, bác không dám giết lợn như thường lệ, vì nếu làm thịt thì khi đưa ra đến chợ, chợ đã vắng người rồi. Tức mình vì lỡ mất buổi chợ, bác ta lật đật sang chùa trách Sư cụ. Sư cụ cho biết câu chuyện nằm mộng đêm qua để phân trần với ông hàng xóm không phải lỗi tại mình.

Nhưng bước chân về chuồng lợn nhà mình bác đồ tể ngạc nhiên thấy con lợn nái mới mua ngày hôm qua toan giết thịt sáng đó, đã đẻ được năm con lợn con. Vừa mừng vừa sợ,

bác ta kể cho mọi người biết sự lạ lùng: “Đúng là linh hồn người đàn bà ẩn trong con lợn đã tìm cách cứu bầy con khỏi chết”

Tự nhiên bác đồ tể đâm ra suy nghĩ. Bác thấy bàn tay của mình đã từng vấy máu biết bao nhiêu là sinh mạng. Trong một lúc hối hận đến cực điểm, bác ta cầm cả con dao bầu chạy sang chùa bộc bạch nỗi lòng với Sư cụ. Bác ta quả quyết cầm con dao của mình trước sân chùa, thề trước Phật đài từ nay xin giải nghệ. Không rõ bác đồ tể rồi sau đó như thế nào, nhưng con dao của bác tự nhiên hóa thành một loại cây có lá đỏ như máu và nhọn như lưỡi dao bầu, người ta vẫn gọi là cây huyết dụ.

Bài học: Trong cuộc sống, nên chọn nghề nghiệp chân chính, tránh làm các nghề có thể tổn hại đến các loài chúng sanh khác.



SỰ TÍCH CÂY NÊU NGÀY TẾT

Ngày ấy không biết từ bao giờ và cũng không biết bằng cách gì, Quỷ chiếm đoạt tất cả đất nước. Người chỉ ăn nhờ ở đậu và làm rẽ đất của Quỷ. Quỷ đối với Người ngày càng quá tay. Chúng nó dần dần tăng số phải nộp lên gấp đôi và mỗi năm mỗi nhích lên một ít. Cuối cùng chúng nó bắt Người phải nộp theo một thể lệ đặc biệt do chúng nó nghĩ ra là “Ăn ngọn cho gốc” Người không chịu, chúng nó lấy áp lực, bắt Người phải theo. Vì thế, năm ấy sau vụ gặt, Người chỉ còn trơ ra những rạ là rạ. Cảnh tượng da bọc xương thê thảm diễn ra khắp mọi nơi. Bên cạnh bọn Quỷ reo cười đắc ý. Người cơ hồ muốn chết tuyệt.

Phật từ phương Tây lại, có ý định giúp Người chống lại sự bóc lột tàn nhẫn của Quỷ. Sau mùa đó, Phật bảo Người đừng trồng lúa mà cào đất thành luống trồng khoai lang. Người cứ y lời làm đúng lời Phật dạy. Quỷ không ngờ Người đã bắt đầu có mưu kế mới chống lại mình nên cứ nêu đúng trong thể lệ như trước

“Ăn ngọn cho gốc”. Mùa thu hoạch ấy, Quỷ rất hậm hực nhìn thấy gánh khoai núc nỉu chạy về nhà Người đồ thành từng đống lù lù, còn nhà mình chỉ toàn những dây và lá khoai là những thứ không nhai nổi, thể lệ đã qui định, chúng nó đành cứng họng không thể chối cãi vào đâu được.

Sang mùa khác, Quỷ thay thể lệ mới là “Ăn gốc cho ngọn”. Phật bảo Người lại chuyển sang trồng lúa. Kết quả Quỷ lại hồng ăn. Những hạt lúa vàng theo Người về nhà, còn rạ phó mặc cho bọn Quỷ. Quỷ tức lộn ruột nên mùa sau chúng nó tuyên bố : “Ăn cả gốc lẫn ngọn”. Lần này Quỷ nghĩ : -“Cho chúng mày muốn trồng gì thì trồng, đằng nào cũng không lọt khỏi tay chúng tao”. Nhưng Phật đã bàn với Người thay đổi giống mới, Phật trao cho Người hạt giống cây ngô để gieo khắp nơi mọi chỗ.

Năm ấy lại một lần nữa Người sung sướng trông thấy công lao của mình không uổng. Trong nhà Người thóc ăn chưa hết thì từng gánh ngô đã tiến về chừa từng cót đầy ăm ắp.

Về phần Quỷ lại bị một vỏ cay chua tức uất hàng mấy ngày liền. Cuối cùng Quỷ nhất định bắt Người phải trả lại tất cả ruộng đất không cho làm rẽ nữa. Trong bụng chúng nó nghĩ: - “Thà không được cái gì cả còn hơn là để cho chúng nó ăn một mình”.

Phật bảo Người điều đình với Quỷ cho tậu một miếng đất vừa bằng bóng một chiếc áo cà sa. Nghĩa là Người sẽ trồng một cây tre trên có mắc chiếc áo cà sa, hể bóng che bao nhiêu diện tích ở mặt đất là đất sở hữu của Người ở đó. Ban đầu Quỷ không thuận, nhưng sau chúng nó suy tính thấy đất tậu thì ít mà giá rất hời bèn nhận lời: “Ồ! Bằng một chiếc áo cà sa có là bao nhiêu”. Chúng nó nghĩ thế, hai bên làm tờ giao ước: ngoài bóng che đất là của Quỷ, trong bóng che là của Người.

Khi Người trồng xong cây tre, Phật đứng trên ngọn tung áo cà sa bay tỏa ra thành một miếng vải tròn. Rồi Phật hóa phép làm cho cây tre cao vút mãi lên, đến tận trời. Tự nhiên trời đất trở nên âm u: bóng của áo cà sa dần dần che kín khắp cả mặt đất. Bọn Quỷ không ngờ

có sự phi thường như thế, mỗi lần bóng áo lần dần vào đất chúng, chúng phải dất nhau lùi mãi. Cuối cùng Quỷ không có đất ở nữa phải chạy ra biển Đông. Vì thế người ta mới gọi là Quỷ Đông.

Tiếc vì đất đai hoa màu đều thuộc về tay Ngươi, Quỷ rất hậm hực, cố chiêu tập binh mã vào cướp lại. Lần này Ngươi phải chiến đấu với Quỷ rất gay go vì quân đội của Quỷ có đủ một bầy ác thú như voi, ngựa, chó, ngao, bạch xà, hắc hổ v.v... rất hung dữ. Phật cảm gậy tầm xích đánh giúp Ngươi làm cho quân của Quỷ không tiến lên được.

Sau mấy trận bất lợi, Quỷ bèn cho quân đi dò xem Phật sợ gì, Phật cho chúng biết là sợ hoa quả, oản chuối và cơm nắm, trứng luộc. Đối với Phật cũng dò hỏi và biết quân của Quỷ chỉ sợ độc có mấy thứ : máu chó, lá dứa, tỏi và vôi bột.

Lần giáp chiến sau đó, quân của Quỷ đem không biết cơ man nào là hoa quả đến ném Phật, Phật bảo Ngươi nhặt làm lương ăn rồi

đem máu chó vấy khắp mọi nơi. Quân của Quỷ thấy máu chó sợ hoảng hồn bỏ chạy.

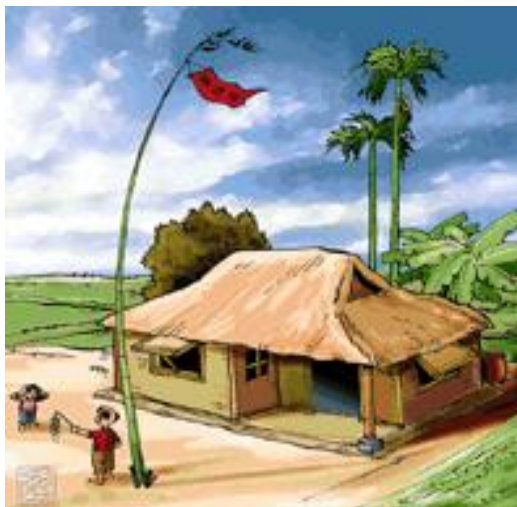
Lần thứ hai, quân của Quỷ lại đem oản chuỗi vào ném quân Phật. Phật bảo Người nhặt làm lương ăn giã tãi phun vào quân địch. Quân của Quỷ không chịu được mùi tãi nên cũng cầm đầu chạy biệt tích.

Lần thứ ba, quân của Quỷ lại đem cơm nắm, trứng luộc vào ném quân Phật. Người tha hồ ăn và theo lời Phật dùng vôi bột vung vào Quỷ. Người lại lấy lá dứa quất vào chúng. Quỷ chạy không kịp, lại bị Phật bắt đầy ra biển Đông. Ngày Quỷ già, Quỷ trẻ, Quỷ đực, Quỷ cái cuốn gói ra đi, bộ dạng của chúng vô cùng thiếu nã. Chúng rạp đầu xuống đất cố xin Phật thương tình cho phép một năm được vài ba ngày vào đất liền thăm phần mộ của tổ tiên cha ông ngày trước, Phật thấy chúng khóc vang cả lên mới thương hại, hứa cho.

Vì thế, hàng năm cứ đến ngày Tết nguyên đán là ngày Quỷ vào thăm đất liền, thì người ta

theo tục cũ, trồng nêu để cho Quỷ không dám bén mảng vào chỗ người đang ở.

Bài học: Cần hiểu được tục treo cây nêu ngày tết của người Việt, đó là đánh dấu đất của Phật, để ngăn quỷ hay các điều xấu ác vào nhà trong những ngày đầu năm. Ý nghĩa sâu xa hơn, đó là cần nêu cao chánh Pháp của đức Phật trong cuộc sống, thì sẽ luôn an lành và không gặp những điều xấu, ác.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Gil Fronsdal, Đức Phật dạy con như thế nào, Truy xuất từ: <http://www.insightmeditationcenter.org/>
2. Jing Yin, Ken Hudson, W.Y. Ho, (2002), Dharma for Children, Buddhist Education Foundation, UK – Bản dịch: Tâm Minh Ngô Tằng Giao (2011), Phật pháp cho Trẻ em, Thư viện Hoa sen.
3. Nguyễn Đồng Chi, (2008), Kho tàng Truyện Cổ Việt Nam (tập 1-5), NXB. Trẻ, Tp.HCM
4. Thích Minh Chiếu, (1994), Truyện cổ Phật giáo (tập 1 – 4), NXB. Tôn Giáo
5. Thích nữ Trí Hải, (2004), Từ nguồn Diệu Pháp, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội.
6. Thích Tinh Vân (dịch giả: Như Đức), (2001), Thập đại đệ tử truyện, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội.
7. Vân Hà, (2006), Đức Phật Thích Ca và thập đại đệ tử diễn ngâm, NXB. Tôn Giáo.
8. Võ Đình Cường, (2004), Ánh Đạo Vàng, NXB. Tôn Giáo, Hà Nội.
9. Website về Đức Phật, như: <http://www.budsas.org/> , <http://www.quangduc.com/>, <http://www.phoquang.org/>, <http://www.phatgiao.org.vn/>, <http://www.langmai.org/> , <http://www.thuvienhoasen.com/>